

VẤN ĐỀ

NGUYỆT SAN CHÍNH TRỊ KINH TẾ XÃ HỘI VĂN HÓA

Số 54

Tháng 2-1972

VẤN ĐỀ XUÂN NHÂM TÝ

mười lăm tác giả	1	nguyên đán và mùa xuân trong văn chương
vũ hoàng chương	21	mười tám năm
tùy anh	23	đề hường về một mùa xuân tịnh độ
nguyên tịnh phúc	32	lục bát
nhã ca	33	bạc như vôi
mặc đồ	52	thư của một người lối xóm nhiều sự
vĩnh lộc	60	nụ hoa hồi tưởng
đặng phùng quân	70	đêm rời nỗi chết
du tử lệ	78	di lãng
thanh tâm tuyền	88	người hành khát trở về
mang viên long	90	mây hoàng hôn
duyên nghiêm mậu	104	đào thoát
nguyễn thị vinh	116	người vợ
vĩnh lộc	123	tàn cơn gió loạn

CHỦ NHIỆM SÁNG LẬP: **VŨ CÔNG TRỰC**
 QUẢN LÝ: **BÀ BUI THỊ HÒA-KHANH**
 BÀI VỞ GỬI CHO: **MAI THẢO**

Tòa soạn: 38, Phạm Ngũ Lão, Saigon

Mười lăm tác giả

Mùa xuân và Nguyên Đán trong văn chương

Nguyên Đán và mùa xuân. Hai chủ đề này có được đề cập tới trong những tác phẩm đã viết của ông? Nếu có, như thế nào, với tình thần nào? Nếu không, tại sao?

Sơn Nam

Ngồi trên xe đò, đi suốt hai trăm cây số ngàn.

Dường như tôi chưa bao giờ đề cập tới mùa Xuân và Nguyên Đán trong các tác phẩm của tôi. Chỉ có một vài bài ngắn, có tánh chất khảo cứu, đăng trên báo Xuân hay Tết niên, viết theo lời yêu cầu của nhà báo.

Nếu có đề cập tới thì chắc là tôi đã viết năm ba hàng, với thái độ buồn bã, không phấn khởi.

Từ thuở nhỏ, tôi đã không thích vui Tết. Mãi tới sau này, tôi vẫn không thích đánh bài, uống rượu và mặc quần áo đẹp. Còn về chuyện nghỉ ngơi trong ba ngày Tết thì dường như tôi không cần cho lắm, tôi đã nghỉ ngơi lại rai mỗi ngày, mỗi tuần rồi. Tôi

thích uống trà ngon và ngắm mấy cái tô, cái chén xưa, hoặc mấy tượng đồng có đóng ten xanh. Ngắm nghĩa như vậy, tôi thấy quên đời, sống lâng lâng những phút tiêu dao, hòa mình với không gian, thời gian, hay nói như Vũ hoàng Chương, những lúc đó tôi bất chấp thế sự: «Mùa chi? ngày chi? tuổi bao rồi nhỉ?». Âm dương, trời đất, nhật nguyệt đã gói trọn vào trong thế giới của chất sành chất sứ, hay những màu ten đồng xanh láng rỏi.

Quê tôi ở rạch thứ Sáu, ven rừng tràm âm thấp, sát mé biển bùn lầy vịnh Xiêm La, nước mặn phá khuấy cây cối và sức khỏe con người gần như quanh năm. Xóm làng chưa thuần thực về cách xã giao, cách cúng chùa, cách tế thần. Nơi đất phèn nước mặn, chỉ có một hai người trồng vài cây mai còi cọc trong chậu đất, mai nở không đúng ngày. Nhiều người không bao giờ trồng mai hoặc trồng cây cảnh vì họ chỉ nghĩ tới chuyện dời nhà qua làng khác để trốn nợ, nếu mùa lúa năm ấy bị thất bát. Tết diễn ra nhằm mùa gặt lúa, mùa tát đìa để bắt cá. Ngày Tết, thời tiết lắm khi quá khó chịu, nóng lạnh bất thường, bụi bay mờ mịt. Tôi còn nhớ rõ, dân trong xóm cứ đến tiệm người Huê kiều mà mua thiếu chịu, mua rất bừa bãi nào là vải bô, bánh kẹo, pháo, nhang để rồi ghi sổ trả tiền vào năm tới. Ngày Tết, người lớn lo đánh bài hoặc uống rượu, đàn bà thì lo cúng ông bà, trẻ con chạy tung tăng, mình mẩy đầy ghê chốc, quần thì ống cao ống thấp, chỉ một hai ông điền chủ hoặc hương chức hội tề là biết ăn Tết theo cổ lệ. Mấy ông này là người ở miệt trên (vùng Tiền giang) xuống Hậu giang khẩn đất, trở thành điền chủ.

Xế trưa ngày mùng một, đối với tôi là bắt đầu hết Tết. Từ mấy năm nay, hễ Tết là tôi về quê thăm cha mẹ, tôi là con trai một, còn lại. Cha mẹ đã già non tám mươi tuổi. Ngồi trên xe đồ, đi suốt trên hai trăm cây số ngàn, tôi buồn lâng lâng khi nhìn đồng ruộng chung quanh. Ai nấy đều nghỉ việc. Nhưng thỉnh thoảng thấy vài bà lão chân vịt, vài cô gái cỡ mười lăm tuổi mà chân trâu trên cánh đồng khô, lúc thiên hạ ăn Tết, tôi suy nghĩ bâng quơ. Ngày mùng hai, trở về Sài Gòn, khi xe đồ vừa đến Phú lâm là tôi phát rầu, nhớ tới sanh kế. Theo ý tôi, một phong tục tốt, nếu không có nội dung tốt thì lần hồi trở thành hủ tục.

Trần Lê Nguyễn

Viết vào mấy trang nhật ký

— Ngày xưa, thỉnh thoảng gần cuối năm anh em ra báo Tết báo Xuân có bảo tôi viết bài. Tôi không biết viết gì về Tết, về Xuân, lượm lặt ít chuyện vụn vặt trong năm viết vào mấy trang Nhật Ký. Thành ra tôi có viết bài cho báo Tết, báo Xuân nhưng hinh như không viết gì về Tết, về Xuân thì phải.

— Bây giờ, không anh em nào còn bảo tôi viết nữa, nếu hôm nay ông Mai Thảo không bảo tôi trả lời mấy câu hỏi trên.

Mặc Đỗ

Rung cảm cách nào cũng là Tết của người khác

Nếu tôi nhớ đúng, từ ngày bắt đầu viết đều hầu như tôi chưa viết gì về Xuân và Tết. Nói đề mà cười, lý do chính là cái tội rất xao lãng «hàng Tết», có người hỏi đến thường cận ngày và không có hứng dành bỏ qua.

Ngẫm đứng đắn hơn, Tết đối với tôi từ tuổi lớn không thấy hào hứng bao nhiêu, vì từ nhỏ cho tới lớn tôi sống ở thành phố, không có quê để về ăn Tết. Theo ý tôi Tết chỉ đẹp và ý nghĩa ở thôn quê. Có nhiều dịp trong những tháng Xuân và cả trong những ngày Tết tôi có về vùng quê, nhưng có rung cảm cách nào thì vẫn là Tết của người khác. Mô tả cái Tết của người khác, chỉ bằng đề cho những người khác làm việc đó, tốt đẹp hơn, chân thành hơn.

Ở thành phố gia đình tôi vẫn ăn Tết như mọi người đúng như tục lệ, nhưng cái Tết ở thành phố, ngay cả ở Hà Nội ngày xưa, không làm tôi xúc động bao nhiêu, một dịp nghỉ xả hơi dài hơn những dịp khác. Thú nhất trong những ngày Tết là được nằm đắp mền đọc sách cả ngày, những bữa ăn không đều đặn như ngày thường, có quá bữa thì một góc bánh chưng đã thay được. Tết ở Hà Nội đã vậy, Tết ở Sài Gòn thì khỏi nói.

Ít cảm hứng về Tết, hầu như chưa viết gì lên quan đến Tết, tôi thích đọc người khác viết về Tết. Đọc để bù lại một thiệt thòi của cả một thời tuổi trẻ xa thôn quê, có dịp nào sống ở thôn quê chỉ là người ở tỉnh về nhà quê nghỉ hè, đem đời sống ở tỉnh về vùng quê. Nhân những dịp nghỉ hè tôi biết khá nhiều vùng thôn quê miền Bắc: Hà Đông (Thanh Oai), Sơn Tây (Bất Bạt, Phúc Thọ), Phú Thọ (Thanh Thủy), Hưng Yên (Ân Thi)... nhưng tâm hồn tôi chẳng có một chút gì của thôn quê hết.

Thanh Nam

Một truyện đăng trên một số xuân, năm 1953

Viết về hai đề tài này thì viết đã nhiều, quá nhiều là khác. Từ hai chục năm nay, kể từ khi có phong trào báo Xuân và những giai phẩm bán trong dịp Tết, mỗi năm tôi phải « sáng tác » ít nhất là năm truyện ngắn về Xuân. Tất cả những bài viết đó chẳng đáng kể gì, bởi nó đã được viết theo sự yêu cầu của Tòa Soạn hoặc của những người chủ biên và viết chỉ với mục đích kiếm tiền. Riêng có một truyện ngắn đăng trên một số báo Xuân năm 1953 là đồ với riêng tôi còn đôi chút đáng được nhắc lại. Truyện ngắn đó gần giống như một đoạn hồi ký ngắn, viết về tuổi thơ buồn bã của tôi một cái Tết sống nhờ gia đình một người bác mà một đứa trẻ mười hai tuổi là tôi thuở đó, lần đầu tiên biết thế nào là đau đớn, tủ nhục, bỏ trốn hết mọi người tìm đến một chỗ vắng để được tự do khóc và nhớ đến mẹ. Truyện viết đã lâu quá rồi và tôi cũng không còn giữ được số báo đó, tới nay nhiều lúc định viết lại nhưng mỗi lần viết được nửa bài lại thấy gượng gạo, mất hết tự nhiên và xúc động lúc đầu.

Gần đây, trong số những bài đăng báo Xuân, cũng có một bài tự lấy làm thích thú. Đó là bài thơ đăng trên Khởi Hành xuất Canh Tuất, bài thơ làm đề đón tuổi bốn mươi của mình: « Tuổi bốn mươi rồi, thương lắm thay ». Bài thơ như một tính sổ ngắn về già nửa cuộc đời đã qua của mình, tuy chưa tạo được cá giọng cảm khái như mong muốn nhưng đó là một trong số hiếm hoi những bài tôi viết cho chính mình!

Nguyễn Mạnh Côn

Tết từ lâu rồi, không có với tôi

Có mấy điều đáng nói, trước hết, về Tết và mùa Xuân, là rong Nam — « trong Nam » ở đây là Sài-gòn, vì từ ngày di cư ở miền này — không có mùa Xuân. Tôi muốn nói về mùa Xuân có mưa phùn và gió lạnh căm căm. Tôi không đủ giàu tưởng tượng để « thấy » mình ở giữa mùa Xuân trong khi quạt máy chạy vù vù vẫn không làm cho giường chiếu bớt khô, bớt nóng.

Thứ hai, nói về Tết, thì thực tế ngày Tết là ngày hội họp đại gia đình (họ hàng và gia đình của anh, chị, em), của sự chung diện và tiêu pha, của tiếng pháo chen lẫn tiếng chúc mừng, của rượu ngọt, bánh chưng, hoa đào, hoa thủy tiên. Tất cả những cái đó, từ lâu rồi, không có đối với tôi, kể cả ở ngoài Bắc (trừ tiếng pháo và khói pháo), vì họ hàng tôi đối với nhau không thân, các chị các em tôi đối với tôi không quý. Một phần khác, từ khi 20 tuổi ra đời tự lập, tôi chưa bao giờ có tiền để được hưởng cái Tết như nhiều người khác.

Đó là nói về thực tế đời sống. Về phương diện văn chương thì, số Tết năm Ất Dậu (1945) trong bài « chúc mừng bạn đọc » trên tuần báo Thông Tin tôi đã viết đại ý rằng mùa Xuân của chúng ta thì mưa phùn lây lội, gió Bắc rét mướt, mà Tết đến nhà nghèo càng thấy mình nghèo hơn, còn việc thế giới thì mỗi năm một thêm loạn ly. Nói cho rõ hơn là mặc dù hồi bấy giờ mới được 25 tuổi, tôi đã có những ý nghĩ tương đối xác thật về mùa Xuân và cái Tết — những ý nghĩ một phần nào được tính chất xã hội, có lẽ do ảnh hưởng của mấy năm học trường Thăng Long với các giáo sư Thanh, Mai, Giáp...

Tuy nhiên, kể từ khi vào Nam rồi, tôi bắt đầu được công nhận như một nhà văn thật sự, và cũng bắt đầu được các tòa soạn báo định kỳ yêu cầu viết cho số Tết mà họ chủ trương.

Truyện ngắn đầu tiên tôi viết đề đăng vào số Tết — cố nhiên phải viết từ mấy tháng trước — là truyện « Em chờ anh trong nghĩa nặng/vợ chồng ». Mặc dù trong nội tâm không có âm hưởng gì về cái Tết, tôi vẫn hiểu rằng « Tết » đồng nghĩa với

đoàn tụ, với nhớ nhung quê hương, với tha thứ mọi lỗi lầm (đối với mình) của kẻ khác, với đón chờ những đổi thay thuận lợi như ước muốn. Con người ở trong cảnh hưởng tuyệt vọng nào cũng tìm cho kỳ được một lý lẽ nào đó để lừa dối chính mình, để tin tưởng, dù chỉ trong giây phút, rằng hạnh phúc vẫn có thể đến với hắn.

Trên căn bản những « định luật » ấy, tôi viết truyện một cán bộ tin tưởng và theo Cộng sản đến chối bỏ và tàn nhẫn đối với vợ con. Nhưng đến khi « phông tay phát động » thì Cộng sản đuổi anh ta ra khỏi đảng và quân đội. Hết đường đi, vì 30 Tết, anh ta liều về với gia đình, và được vợ, cùng những tá điền nghèo của gia đình anh ta trước kia, tha thứ, thông cảm.

Tết năm sau tôi viết truyện « Kỳ Hoa Tử » và một cô gái Việt lai Nhật, yêu nước và thương dân nghèo, nên vào đảng Cộng sản. Kỳ Hoa Tử được nhiệm vụ quyến rũ một chàng trai tài ba vào đảng. Hai người lấy nhau, và người chồng trở thành một cán bộ kháng chiến có uy tín đối với dân chúng. Viên Tổng bí thư của đảng muốn lợi dụng uy tín ấy, sai anh ta tố cáo một nhân vật trung ương rất đạo đức. Anh ta không chịu. Viên Tổng bí thư bày mưu khiến cho anh ta biết rõ quá khứ của Kỳ Hoa Tử. Rồi giả mạo giấy tờ, khiến cho anh ta, trước khi chết, tin rằng Kỳ Hoa Tử không hề yêu thương mà chỉ ăn ở làm vợ chồng để theo dõi và báo cáo hành vi của chồng với đảng. Kỳ Hoa tử diên trước khi chết, và chết ngay sau khi sinh một đứa con được một người mang ơn cũ nhận nuôi, vào một ngày cuối tháng chạp.

Đây là một truyện ngắn thuộc loại tổ cộng như truyện trước. Ngoài cái « định » là sự oan ức của một nhân vật hiền hậu (và đẹp, cổ nhiên), truyện còn một cái « định » khác là sự chuyển hướng của CS từ kháng chiến quốc gia sang cách mạng quốc tế — nên phải giết bỏ những cán bộ cao cấp có đầu óc ái quốc hẹp hòi... Danh nghĩa Tết bị gán ghép một cách khá giả tạo.

Rồi sau đó tôi còn viết nhiều truyện Tết nhưng không có gì liên hệ đến Tết cả. Điều đáng ghi nhận là báo đặc biệt bao giờ cũng tăng số trang nên tôi được dịp viết những « truyện vừa » khoảng 40 đến 50 trang sách in chữ nhỏ. Đây là loại truyện có đề án lý thuyết, như truyện « Tinh cao thượng », « Giấc mơ của đá »

và « Yêu anh vượt chết », đưa ra những đề nghị giải thích nguồn gốc của tình yêu, của linh hồn, của vòng luân hồi v.v...

Truyện mới nhất mà tôi viết nhân dịp Tết là truyện « Cháo tràn châu, mắt mắt phượng ». Từ 40 năm nay tôi vẫn nhớ câu truyện cổ tích này, mà mẹ tôi kể cho tôi nghe trong cảnh nghèo nàn và mưa bão. Ông hoàng tử phải được đôi mắt mới thấy cháo ngó, mắt hẳn là ngon. Trong thâm tâm, khi viết lại câu truyện, tôi thấy rất hài lòng, như đã trả thù được sự giàu sang trong sự sống thanh bạch của tôi. Nhưng trong truyện không có một chữ « Xuân » hay một chữ « Tết » nào.

Tết và mùa Xuân, nói tóm lại, chỉ là dịp để tôi viết được một vài truyện ưng ý. Tôi vốn dĩ có tâm hồn lệch lạc, quá nặng về lý trí, quá nhẹ về tâm cảm, nên từ khi lớn tôi không được thật sự hưởng thụ tình yêu. Đó thật sự là một điều mà tôi luôn luôn tiếc hận cho tôi.

Viên Linh

Bài ca ấy có một cái tên rất trẻ con

Đọc xong câu hỏi này tôi cố nhớ, nhớ mãi, và chỉ thấy hình như có một lần mà thôi, tôi đề cập Mùa Xuân. Qua tiếng pháo. Lần đó cách đây khoảng 16 năm, trong một bài thơ đăng trên tờ Văn Nghệ Tiền Phong. Bài thơ ấy nhắc lại cho tôi một ý niệm về mùa xuân : sự xum họp.

Bài thơ ấy — có cái tên rất trẻ con là *Bài Ca Của Những Người Giang Hồ* — được làm ra hai năm gì đó sau ngày tôi rời bỏ gia đình. Với tôi lúc ấy, đó là mùa xuân đầu tiên trong đời tôi sống một mình trên một căn gác nhỏ, không bạn bè, và không cả người yêu. Dĩ nhiên, vì lúc đó tôi mới đầu 17 tuổi. Rồi bỏ gia đình khi chưa 16, tôi sống lây lất không một xu dính túi. Và khi nghe những tiếng pháo nổ sớm của trẻ con, tôi nhớ gia đình quá đỗi. Tôi muốn về, rất muốn về, vì gia đình tôi ở ngay Saigon — trong khi tôi ở Chợ Lớn — nhưng vì một lý do riêng, tôi nhất định

không về. Tôi quyết làm người giang hồ (trong tri tưởng) để đón một ngày Nguyên Đán không nhà.

Bài thơ ấy mở đầu bằng những chữ này : « Ba năm không về thăm mẹ ». Thật ra, chưa đến ba năm, từ ngày tôi bỏ nhà. Thế nhưng tôi vẫn cho là ghê gớm lắm cái anh chàng nào dám lìa bỏ gia đình, mưu một sự tự lập cho đời mình, như tôi lúc đó : một chú học sinh Trung học mạt mũi trắng mơn, quần áo ba mảnh, chưa có lấy một đôi giày da để đóng móng sắt đi kêu lộp cộp — mà tôi rất mong ước.

Tuy thế, sau này tôi không còn nói đến mùa xuân nữa. Không còn nói đến sự xum họp nữa. Điều mơ ước xum họp này đã phai mờ dần dần sau đó, trên mười năm tôi không trở về...

Túy Hồng

Cuối năm phải nghỉ

Tôi nhận thấy rằng hình như những ai lỡ làm nghề sĩ sáng tạo đều cũng đem mùa xuân và cái Tết vào tác phẩm của mình. Ngày một và tháng một, sự bắt đầu rực rỡ đó là kỷ niệm lớn. Nhà văn nhà thơ thấy rất rõ những lúc mình nhỏ, những lúc mình lớn và những lúc mình già. Tết là một nghi lễ hết sức giàu có. Nghề sĩ sẵn sàng làm thằng bé con bé trước nghi lễ đỏ xanh tím vàng và linh thiêng đó. Được ở trong mùa xuân, đang đứng trong ngày mồng một... sương tuyết tràn, thích tuyết tràn.

Tôi đã đem mùa xuân vào truyện ngắn, tôi đã đem cái Tết vào truyện ngắn. Truyện « ngày xuân đêm xuân ». Hồi đó tôi mới làm văn nghệ, viết bài đăng báo xuân tất nhiên phải viết chuyện Tết. Tôi nghĩ đại vậy. Bây giờ, tôi quá khôn đi rồi, tôi viết chuyện thường vào báo xuân hoài, mặc dầu mấy anh phụ trách báo xuân cứ dục viết sao cho có về Tết Tết xuân xuân một tí và có về Huế Huế một tí.

Viết về sự bắt đầu của một năm nằm tại lòng mình thật khó. Không độc đáo được. Vì Tự lực văn đoàn đã xài nhiều quá rồi...

và mọi người đã xài nhiều quá rồi, mặc dầu những kỷ niệm nằm tồn kho đó bao giờ cũng dồi dào và sống mạnh.

Có một sự thật cần thú nhận: không bao giờ tôi muốn viết bài cho báo xuân. Vì cả năm viết nhiều quá rồi. Cuối năm phải nghỉ. Độc giả nếu thấy tên tôi nằm ở tờ báo xuân nào, độc giả có quyền nghĩ tôi viết vì tiền. Nhất là mùa xuân Nhâm tí này, tôi viết đến tám báo... viết vì tiền chứ không phải viết vì tòa báo bắt ép như mọi năm...

Nguyễn Xuân Hoàng

Một lần, cách đây chừng bốn năm

Có. Tôi có đụng chạm đến đề tài này trong một bài viết, một truyện ngắn (và hình như chỉ đề cập đến một lần thôi) cách đây đầu chừng bốn năm.

Hồi đó cha tôi đang bị bệnh, một thứ bệnh già như hầu hết những người già lão khác. Cha tôi đã tám mươi tuổi, và tôi là đứa con út trong một gia đình mười ba người con, đông đúc như bất cứ một gia đình Việt Nam nào khác.

Tôi dờ dể bỏ sở làm trở về thăm nhà khi cha tôi ở tình trạng khó sống nhất. Lúc đó, lúc đứng trước mặt cha, nghe giọng nói thều thào của ông, nhìn thấy khuôn mặt khô xương, đôi mắt trắng đục đã tan mất những đường gân, máu thường trực vì rượu, nay không còn trông thấy được bất cứ sự vật gì đang vây quanh ông, tôi tự hỏi cha tôi đó sao, người đàn ông cao lớn vạm vỡ ngày xưa bừa củ như chẻ tre, rầy mắng vợ con một cách sấm sét như ông thiên lôi, uống rượu như hủ chìm, đánh đập con cái như người ta đánh chó ấy (và tôi thuở đó đúng là một con chó, một con chó nhỏ ngu ngơ bị ăn đòn nhiều nhất) bây giờ đang là một nhúm xương bọc da, với toàn thân như một tờ giấy mỏng dính sát vào mặt giường kia sao ?

Tôi cầm lấy bàn tay buồng xuôi lạnh lẽo của người cha, và bỗng nhiên tôi thấy bất nhẫn về cái ý tưởng đang xảy ra trong đầu mình.

Chính ra tôi không nên nghĩ đến một điều gì khác, bất cứ một điều nào, dù có viển ra bất cứ một lý do gì đi nữa, ngoài những lời cầu mong cho cha sớm bình phục.

Nhưng ông không bình phục, không bao giờ cha tôi sẽ bình phục nữa. Ông đã bỏ chúng tôi để ra đi vĩnh viễn.

Mọi người đều khóc trước quan tài cha. Anh cả tôi là người đi lính hơn hai mươi năm, đã vào tù ra khám, đã thập tử nhất sinh, lì lợm chưa biết khiếp sợ là gì ấy vậy mà anh ấy đã khóc nức nở thỏa thuê như chưa bao giờ được có dịp khóc một lần như thế.

Còn tôi, hình như tôi có một đôi mắt ráo hoảnh.

Trở lại nơi làm việc, sau khi an táng cha, điều ám ảnh tôi nhiều nhất đó là tôi có yêu cha tôi không? Thứ tình cảm nào mà ông đã dành cho tôi và tôi đã dành cho ông? Hình như ông không thương tôi. Tôi nhớ lại, cố nhớ lại coi cái hình ảnh nào, cử chỉ nào, lời nói nào giữa hai chúng tôi tỏ rõ là ông yêu tôi. Nhưng không, chẳng có sự kiện nào chứng tỏ thiện cảm giữa tôi và cha tôi.

Dù sao câu hỏi mình có yêu cha không vẫn luôn luôn là một ẩn số đối với tôi.

Tết Nguyên Đán năm đó, khi nhận lời viết cho tạp chí Văn Học một truyện ngắn về Xuân, tôi tự nghĩ rằng đây là cách giải quyết nỗi ám ảnh của chính tôi về những giọt nước mắt khô của mình trong ngày cha lìa đời. Tôi muốn soát xét tâm hồn tôi bằng cách tìm kiếm lại một lần sau cùng mối liên lạc giữa tôi và người cha, một kỷ niệm êm đềm, một hình ảnh dễ thương, trong đó có tiếng roi của cha vút ào ạt trên lưng, không có đôi mắt đỏ ngầu vì rượu, không có những lời nguyện rửa không thương tiếc.

Và tôi đã nhớ lại, phải, bắt gặp lại cái hình ảnh buồn rầu và thảm thương của hai cha con chúng tôi ôm nhau ngủ vùi bên bếp lửa giữa đêm ba mươi tháng chạp lạnh tã lạnh tê trong một căn chòi quanh hiu dưới chân núi rất ít dấu chân người, đón chờ một mùa Xuân không bao giờ có vì tôi đã thất lạc mẹ và các em trong một trận càn quét của giặc Pháp.

Lúc gần sáng ngày mừng một Tết, cha tôi đập tôi dậy, và qua lớp phen thưa cha tôi ra đầu cho tôi lắng nghe có tiếng gì là lạ bên bờ suối sau nhà, chỗ buộc con ngựa con của tôi. Quả

thật như vậy, con cạp trong rừng đã về và đang sửa soạn bữa thịt ngựa bên khe suối.

Tết đó chúng tôi chào mừng năm mới bằng tất cả sự buồn bã có thể có được của mọi người trên thế gian. Và đó cũng là lần đầu tiên và duy nhất tôi nhìn thấy cha tôi ngồi thừ người bên ly rượu đầy với những ngấn lệ trên khóe mắt.

Truyện ngắn này lúc đầu tôi chọn cái tên là *Mùa Xuân, Căn Nhà Ngói Đỏ*, nhưng khi trao cho Trần Phong Giao in thành sách dưới hình thức Văn Uyên, giới thiệu một tác giả một tác phẩm tôi cắt bỏ chữ *Mùa Xuân* và chỉ để lại *Căn Nhà Ngói Đỏ*.

Tôi nhớ là để biện minh cho những giọt nước mắt không chảy đúng lúc của tôi vào ngày cha qua đời, trong truyện ngắn trên tôi đã viết :

Tôi thương căn nhà ngói đỏ ấy và tôi thương cha tôi. Tôi thương cha tôi, chấm hết.

Không có lại sao gì cả.

Dù sao ở cuối truyện tôi vẫn tiếp tục bày tỏ lòng ghét cay ghét đắng những kẻ suốt đời chỉ biết rượu chè be bét. Có cái gì chưa xong trong tình cảm tôi, trong cái tương quan giữa hai chúng tôi.

Hì vọng là những điều kể lẽ dài dòng trên đây không đi quá xa vấn đề mà Vấn Đề muốn nêu ra cho số báo đặc biệt này.

Vĩnh Lộc

Chỉ là một thoáng hồi tưởng êm đềm

Mùa xuân với tôi chỉ là khoảng thời gian thật ngắn, nhìn ngắm cảnh sơn sao của những người thành phố sửa soạn đón tết, hồi tưởng lại một quãng thơ ấu hồn nhiên vô tư đã qua như một niềm an ủi.

Cuộc sống vật lộn và những năm tháng dài đặc chiến tranh không cho tôi cái may mắn được hưởng những mùa xuân đúng nghĩa của mùa xuân.

Đôi lúc, trong thành phố ồn ào, máy móc, vào những ngày

chớm lạnh cuối năm, một cơn bão rớt đem lại khoảng trời sấm với mưa bay, là lúc hình ảnh êm đềm của thành phố nơi tôi sinh trưởng trở về trong trí nhớ, như cái nhìn vội vội cổ nhân.

Bởi vậy Mùa Xuân và Nguyên Đán với tôi chỉ là một thoáng hồi tưởng êm đềm như cái lạnh nhẹ nhàng dễ chịu của những hạt mưa bụi biếm hơi miền Nam.

Vũ Khắc Khoan

Một tràng pháo Bình Đà

Nghĩ lại, tôi thấy hầu như vắng hân mùa xuân trong những gì tôi đã viết. Có lẽ là vì tôi thường viết kịch. Mà kịch thì hình như chỉ sống được trong một khí hậu đặc biệt không thể ấm áp như khí hậu mùa xuân, cái khí hậu hoặc ngọt ngào oi ả một căn phòng bức gió đợi chờ một cơn bão táp: Lôi Vũ, hoặc xám ngoét vô tình vô tình sân khấu Beckett. Có lẽ là như vậy.

Nhưng nhớ kỹ lại, mùa xuân cũng có thấp thoáng trong một vở kịch một màn tôi viết từ hồi còn ở ngoài Bắc, cách đây khoảng 20 năm: Giao Thừa. Nhưng thấp thoáng, vì mới giao thừa, vì vẫn là cuối đông chờ thai nghén một mùa xuân, giữa cái chết chóc của chiến tranh chờ một mầm sống thanh bình. Lúc đó, khoảng 1952. Chúng tôi đang hồi hộp chờ đợi. Sự chờ đợi được kết liễu bằng một lên đường: 1954. Tự đó — cũng không hẳn là vì đó — hầu như mùa xuân đã không trở lại tác phẩm của tôi.

Nhưng... mùa xuân, nếu là Tết, thì... lại khác. Thú thực tôi vẫn còn yêu lắm, ở cuộc sống, cái không khí sửa soạn bước sang xuân, sửa soạn khởi đi từ một cái gì. Hôm nay, già nửa đời người, đã quá bước vào cái tuổi tri thiên mệnh, mà đối với tôi, cái quãng thời gian lắng lòng chờ đợi tự đêm trừ tịch một mức vì ti chuyển mình của thời gian, vẫn giữ nguyên vẹn cái chất huyền nhiệm của một cái gì thật là khó... phân tích. Có ai phân tích...?

Có thể là do đã quyến dụ của hồi tưởng. Tôi nhớ mãi, cảm giác tồn tại nguyên vẹn trong tôi: mưa nhỏ bay lượn vào cổ áo, gió bắc thì thảo như hơi thở lạnh ướt mà êm mà ấm của người yêu, những đóm lửa trong lòng trời đen mực quánh đêm trừ tịch — lửa của bếp kho dừ một nồi cá thu lẫn với những miếng thịt heo chặt to miếng, lửa của nồi bánh chưng soi sáng một vài gò má ửng hồng, một vài canh tam cúc thâu đêm, lửa của một vệt pháo xiết, một tràng pháo Bình Đà, lửa của một nén hương nhà ai sớm lễ giao thừa, lửa của lòng người con gái tâm thành hái lộc, lòng người tha hương đeo bước ven đê hương về làng cũ để kịp giao thừa.

Nhớ nữa... nhớ mãi, dai dẳng là cái cảm giác những năm thơ ấu, đang nghe giờ một câu chuyện ma giữa đêm ba mươi mà phải dứt ra đứng đái đầu hiên, gió lạnh lượn lên tận bụng, cái cảm giác lạ lùng (như mở ra, mở vào những mệnh mông xa vắng mà nhớ mà muốn trở về) khi những chiếc khánh kêu gọn và sắc và tươi trên đầu cây nêu ngoài ngõ vắng giữa trời mù mịt sương đêm tháng củ — mặt đã dằng kin hải ngò xa tấp sau nhà, cái cảm giác ướt át lạnh lạnh co ro đứng đợi người nhà mở lợn ném cho cái bong bóng, cái cảm giác nhớp lạnh và bùng nhùng của tay nâng niu, của mu bàn chân chạm vào chiếc bong bóng lợn.

... Những dòng cảm giác vừa ghi có lẽ là những dòng đầu tiên mở lối cho mùa xuân di chuyển vào tác phẩm của tôi?

Nguyễn Đình Toàn

Thấy sương mù, thấy hoa hồng

— C^à. Rất nhiều nữa là đáng khác. Trước hết tôi thường viết theo thời tiết, một phần có lẽ vì lười biếng, phải ngồi viết trong một ngày mưa, tôi thích thâu vào trang sách của mình ít giông về một trận mưa, đôi khi trận mưa kéo dài lê thê suốt mấy trang. Cũng như thế, nhiều khi một cuốn sách nào đó của mình được viết dở dang vào mùa xuân, thời tiết đã xúi bầy tôi cưỡng không được, phải kể lể một chút gì về cái bầu không khí mình

đang thờ, kẻ ngược lại không chừng, bởi vì mùa xuân Sài Gòn là mùa xuân nóng, nhưng chính cái nóng lại làm nhớ tới cái lạnh của mùa xuân miền Bắc, mùa xuân Hà Nội. Nhưng cứ viết mãi, tôi nghiệm ra rằng, tôi nói về mùa xuân không phải do những đòi hỏi cấp thiết, hàng ngày, mà rõ ràng là tôi đã yêu mến và luyện tiếc mùa xuân, thích tết và sợ tết. Còn có ngày nào trọng đại hơn ngày Nguyên Đán? Bao nhiêu ngày Nguyên Đán đã trôi qua trong đời mình, đã trôi tuột cả đi, cũng giống như trăm ngàn ngày khác, Hà Nội mà tôi tưởng mình đã nhớ từng hòn gạch trên lề đường, bây giờ tôi cũng không còn dám chắc có thật như vậy chăng, những ngày tết được về quê ăn tết, buổi sáng thức dậy, mơ màng nhìn ra sân, thấy sương mù, hoa hồng bạch và xác pháo, từng ấy thứ vẫn cứ lần khuất mãi trong tôi dù những mùi hương đã phai nhạt, thành thử có thể tôi đã viết về mùa xuân, về tết, như một cách nhìn tại tuổi thơ của mình, có thể như vậy, ngay trong cuốn sách đầu tiên của tôi, hình như tôi đã viết thế...

Thảo Trường

Cảm hứng bị động viên

Trong mấy năm gần đây, vì viết truyện đăng báo hàng ngày nên dường như ngòi bút của tôi đã theo về cái dòng « văn chương » sản xuất hàng loạt ngày ngày. Tôi nhớ rõ là trước đây tôi chỉ viết truyện ngắn. Và viết theo cảm hứng. Thành ra cái thích thú nó không chừng.

Còn bây giờ, trong tình cảnh này, như đã nói tôi viết hàng ngày, vì thế cảm hứng có khi có mà cũng có khi bị động viên.

Trong khi làm nghề viết báo hàng ngày như vậy cứ hàng năm gần tết chủ báo lại đặt hàng thêm một bài xuân. Thế thì cái xuân hay cái nguyên đán đó, dù muốn dù không cũng bị viết theo cái kiểu động viên luôn. Vì thế hầu như đã lâu tôi không coi lại những truyện ngắn trước kia của mình tôi không còn nhớ tết nguyên đán và mùa xuân đã bao lần là cảm hứng thực sự khi tôi sáng tạo.

Quả thật không còn nhớ rõ. Có lẽ phải đọc lại, phải sống lại cái thế giới cũ đó mới nhớ được.

Còn bây giờ. Nguyên đán và mùa xuân. Trong tình cảnh này. Quả thật, nó cũng chỉ như những sự nhàm chán hằng ngày của tôi. Nguyên đán và mùa xuân nếu có đến với tôi cũng chỉ như một thứ truyện đăng báo hằng ngày, nó cũng chỉ như tất cả những chán mửa của đời sống hằng ngày. Và đó là địa ngục của tôi. Và đó là nỗi thất vọng lớn lao nhất. Ta không còn cảm thấy gì nữa. Ta hoàn toàn là nhàm chán. Không rõ ai khác có giống ta không?

Du Tử Lê

Né tránh, gần như một mặc cảm

Thường tôi không thích viết về mùa xuân hay Tết nguyên đán. Những bài viết của tôi, truyện cũng như thơ, cho những số báo xuân từ nhiều năm nay, nếu cần phù hợp với thời gian của số báo, tôi thường dùng khoảng thời gian mơ hồ, không dứt khoát: cuối năm.

Tôi cũng chẳng hiểu tại sao mình lại có cái né tránh gần như mặc cảm vậy.

Tuy nhiên, cũng đã một lần, tôi đề cập tới mùa xuân, một chiều 30 tết trong cuốn truyện dài đã được in ra, đó là cuốn « Qua Hình Bóng Khác ». Trong truyện, một nhân vật nữ trở về tìm lại ngôi nhà cũ của người yêu, sau khi cô được tin anh ta bị bắt, vượt ngục và bị bắn chết. Sự trở về này là một xấp xỉ cố tình và trong tình thần ảm đạm đó, tự nó, đã chối bỏ cái mà ta quen gọi là mùa xuân — là niềm hân hoan để đón chờ một tương lai rõ, hay một hy vọng mới.

Phải chăng, từ khi lớn lên, cho tới bây giờ, thực sự tôi chưa hề có một mùa xuân, với tuổi tác mỗi ngày thêm, tôi thấy sợ mùa này nhất trong bốn mùa. Có lẽ mãi mãi, sau này, mùa xuân, hay tết Nguyên Đán không thể có được một chỗ tốt trong những cảnh tượng mà tôi muốn ghi nhận lại.

Nguyễn Sỹ Tế

Xuân : khung cảnh thiết yếu cho những thảm kịch

Tôi chưa viết về Mùa xuân và Tết Nguyên đán như là đề tài chính yếu trong những tác phẩm của tôi. Mà chỉ như là những khung cảnh thiết yếu cho những thảm kịch của tôi. Tôi nhớ lại một vài :

— *Con Tàu cuối xuân*. Một Truyện ngắn. Thảm kịch của một thiếu nữ hai mươi ba tuổi « cha và anh chết bất đắc kỳ tử ở hậu phương, lặn lội về quê tìm mẹ đẻ hay tin người đã đi lấy chồng, đi cùng u già trên con tàu cuối xuân từ cảng trở về thủ đô ». Và người thiếu nữ đã tự vấn đề được an giấc ngàn năm trong chiếc xe lửa cũ khi vừa đến cầu Long Biên.

— *Trăng chiều*. Một vở kịch ngắn. Câu chuyện một anh chàng họa sĩ luôn luôn thay đổi quan niệm về hội họa, mất mát nhiều về tình yêu nhưng rồi cũng được những đèn bù tình cảm. Chuyện xảy ra tại một phòng triển lãm mùa xuân.

— *Mưa*. Một vở kịch ngắn. Lòng ghen tuông vô thức của một con nhỏ đối với mẹ nó trong cảnh bần hàn của một Nguyên đán chiến tranh.

Duyên Anh

Tết không nên buồn

Khi tôi thấy lòng mình rộn ràng nhìn mọi người sửa soạn đón xuân, là lúc gia đình tôi sa sút. Dưới bảy tuổi, cậu bé nào cũng giống tôi. Chỉ vui thôi. Thiếu buồn. Không buồn. Và cậu bé nhìn niềm vui chứ không cảm nỗi niềm vui. Bởi đó, những mùa xuân cũ, mẹ tôi bảo vui lắm, cả nhà về quê nội ăn tết, bố tôi xông nhà bằng những bánh pháo nổ giòn, tôi biết là vui lắm và không làm sao hồi tưởng được. Tôi còn nhỏ, đôi cánh mơ mộng chớm nhú, chưa đủ sức lẳng du về vùng trời kỷ niệm. Cho nên, cái vui lắm đã gọi thêm cái buồn lắm ở năm tôi tám tuổi. Năm

ấy thật buồn. Bố tôi bảo năm nay không về quê nội chúc tết ông bà tôi trước tết như năm ngoài. Tôi hiểu ngay tâm sự của bố tôi. Người Việt Nam nào cũng nặng tình quê hương. Bố quê hương đi nơi khác mưu sinh, tết nhất phải trở về. Và phải trở về với manh áo, tấm quần mới, với túi tiền rủng rỉnh, với bộ mặt rạng rỡ. Với những bánh pháo nổ lớn, xác pháo đỏ ối ngập sân nhà mình. Quê tôi nghèo khổ từ thuở khai thiên lập địa. Ít gia đình dám đón xuân bằng một bánh pháo dài. Pháo ông lệnh càng hiếm. Những bánh pháo của bố tôi làm hãnh diện cho ông bà tôi. Bố tôi thường mua đề dành tự hôm Táo Quân lên châu trời. Năm ấy, tôi ba mươi tháng chạp, bố tôi vẫn không mua pháo. Người nói : Minh về chúc tết ông bà sáng mồng ba rồi mồng bốn đi ngay. Tôi hỏi : Có đốt pháo không hở, bố ? Bố tôi lắc đầu : Nam nay, bố hết tiền mua pháo. Tôi buồn ghê quá. Tôi buồn thật sớm. Nỗi buồn đến với tôi vào mùa xuân tám tuổi và đồn trú mãi ở hồn tôi tận hôm nay.

Cho nên, truyện viết về Tết của tôi thật buồn. Năm 1960, tôi viết truyện Tết đầu tiên cho Giai Phẩm Tết Chỉ Đạo, nhan đề *Con sáo của em tôi*. Truyện buồn quá làm rỗng cả năm. Tôi đã cố gắng viết một truyện Tết cho nó có vẻ vui vui, tin tưởng nhưng không được. Tạp chí Văn, số 4, đăng truyện ngắn *Ánh lửa đêm tù* của tôi (số Tân Niên thì phải, năm 1965), truyện viết về tình người le lói trong đêm tối vào một đêm đón xuân. Vẫn buồn. Tôi cũng cho đăng ở *Nghệ thuật* của chủ nhiệm « Mai Thảo ta » (số Tết hay Tân Niên tôi quên rồi) truyện ngắn *Mùa xuân, con hoang, tình yêu và thù hận*. Truyện của một du đảng muốn làm lại cuộc đời. Nó sắp được rời Tế Bần rồi. Nhưng phải sau Tết người ta mới cho nó về. Nó nhớ con nó. Người ta tổ chức võ đài. Đưa nào thắng đưa ấy được đi một vòng Sài Gòn coi chợ Tết với giám thị. Thắng du đảng của tôi nhớ con quá, nó âm mưu một vụ... « tình yêu ». Nó nhập cuộc tỉ thí. Nó đã thắng sau khi tưởng chết. Nó thắng với khuôn mặt đầm máu. Ra Sài Gòn, nó kiếm cách trốn giám thị về thăm con. Nó định trở lại Tế Bần nhưng con nó níu kéo nó. Thắng du đảng quên hết mọi tối tăm, đầy dọa tương lai, nó ở nhà ngủ với con. Cái Tết, sự sum họp của nó vất vả và buồn thảm quá. Tết thì không nên buồn. Mà tôi, cứ viết truyện

Tết là phải nghĩ tới dĩ vãng buồn của mình. Vậy không nên viết truyện Tết nữa, Trong *Con Thủy*, có một chương viết về Tết. Hơi vui một tí. Năm nay, viết cho *Vắn* cái đoản văn Tết, lại buồn. Tôi nghĩ rằng tôi không thể viết được truyện Tết, Tết Việt Nam mang nặng ý nghĩ của sum vầy, đoàn tụ, vui vẻ, Tết là không được buồn. Khi ta buồn là ta không có Tết. Và ta đừng bắt ai, dù chỉ một người, buồn lây với câu truyện viết báo Tết của ta.

Mai Thảo

Những đồng tiền mừng tuổi

Những ngày thường tôi chỉ thấy ông lão mặc một cái áo « ba dờ suy » cũ, dài lết bết tới mắt cá chân, cặm cụi sao tằm bào chế, trong cửa tiệm thuốc bắc tối thui, hoặc ngồi lặng hàng giờ trước mấy nia thuốc được đem từ trong cửa hàng ra phơi ngoài vỉa hè, dưới cái nắng mùa đông nhợt nhạt. Riêng buổi sáng ngày mừng một, và năm nào cũng vậy, đến chúc thọ cha mẹ tôi, điệu dáng và phục sức ông ta hoàn toàn đổi khác. Áo sường sấm bóng loáng. Mũ len trên đầu với cái chòm đỏ chói như mũ len con nít, tay cầm gậy trúc và chân đi giày Gia Định mới tinh.

Người Trung Hoa tha phương có tiệm thuốc ở cùng phố với gia đình tôi ấy là khuôn mặt đậm thắm và rõ nét nhất của kỷ niệm và trí nhớ tôi về những Nguyên Đán tuổi nhỏ. Tại sao khuôn mặt đậm thắm ấy lại không là của một người thân yêu hơn, điều này không bao giờ tôi hiểu được. Chỉ nhớ là, mỗi buổi sáng mừng đầu năm, khi người Tàu già bán thuốc trang trọng bước vào trong nhà, ông ta đã đem đến cho gia đình tôi một không khí tết nhất khác thường, đặc biệt. Ngày thường, ông Tàu già lạnh lùng, cách biệt bao nhiêu, trong Nguyên Đán, với Mừng Một, ông ta tươi cười, niềm nở bấy nhiêu. Ông ta cung kính cúi chào cha mẹ tôi, miệng nói : cớ hỷ, cớ hỷ. Đoạn, móc túi lấy ra một xấp giấy phong bao màu đỏ rồi, từ từ đi đến chỗ anh em chúng tôi — thấy ông Tàu đến nhà — đã bảo nhau đứng thành một hàng dài. Nguyên

Đán phút đó, là của những bao giấy hồng điều, những đồng tiền mừng tuổi. Hồi nhỏ, không phải chỉ có người khách trú lưu lạc ấy mừng tuổi cho tôi. Mà nhiều người. Tiền mừng tuổi ông ta cho cũng không nhiều. Ít là bằng khác. Vậy mà, cho đến bây giờ, ba bốn mươi năm rồi, tôi vẫn nhớ được, không nhầm lẫn, rằng những đồng tiền mừng tuổi mới của ông Tàu già bán thuốc là những đồng tôi yêu thích, sung sướng nhất khi đưa tay ra nhận. Điều này, tôi cũng chịu không giải thích được tại sao. Chỉ hình như riêng ông Tàu già, mà không có ai như vậy được, đã có hẳn một nghệ thuật nào đó trong cách trao bao giấy hồng điều vào một lòng tay nhỏ dại. Lần nào, ông ta cũng cúi xuống, soa đầu chúng tôi, rồi đứng thẳng người lên trong cái áo sường sấm thẳng nếp, bóng loáng, theo ánh mắt tinh quái nhìn khắp mặt anh em chúng tôi một lượt.

Nghỉ lễ của mừng tuổi trẻ thơ ngày Tết ở nơi người Trung Hoa tha phương chỉ có vậy. Ngắn gọn, vừa vặn, đơn giản. Duy có cảm tình của tôi dành cho người mừng tuổi mình thì vô bờ bến. Cho đến một năm, nhớ năm đó, rét lạnh ghê gớm, ông Tàu già lâm bệnh rồi từ trần ít ngày trước khi Nguyên Đán tới. Tết năm đó, ông ta đi mừng tuổi cho trẻ nhỏ ở một cõi đời xanh biếc nào khác, không còn sường sấm, gậy trúc và mũ len đến nhà tôi nữa. Buổi sáng mừng một, đột nhiên, một lúc nào đó, mẹ tôi nói, năm nay các con hết được tiền của ông lão bán thuốc rồi, và phút đó, tôi đã nhớ đến ông ta vô tả, như ông ta chính là thiếu vắng lớn nhất cho từng Nguyên Đán của tôi từ bấy giờ về sau.

Người Trung Hoa bán thuốc chết đi, đưa con gái duy nhất đầu như trở về Đài Loan. Tiệm thuốc đóng cửa rồi được bán lại cho người khác. Kỷ niệm mà tôi vừa nhớ lại được là đó. Về những mùa xuân và những Nguyên Đán xưa cũ của mình. Tôi nhớ đầu như đã viết về những đồng tiền mừng tuổi của ông lão bán thuốc thành một truyện ngắn, đăng một năm nào trên *xuân Tuổi Ngọc* của Duyên Anh. Viết tóm tắt lại, một lần nữa, vẫn thấy thích. Vẫn thấy xúc động. Kỷ niệm như thế đích thực là một kỷ niệm lâu bền, toàn vẹn. Tôi viết về mùa xuân và Nguyên Đán khá nhiều, trong cả ba thể văn thường xử dụng là truyện dài, truyện ngắn và tùy bút. Nhưng không nhớ lại được đích xác đã viết về những cảnh tượng

những sự việc nào. Duy có truyện ông Tàu già và những đồng tiền mừng tuổi của ông ta là tri nhớ tôi gọi về được dễ dàng và trung thành và mau lẹ nhất. Tôi dự định sẽ viết một cuốn hồi ký nghìn trang về cái thế giới tuổi nhỏ và con người tuổi nhỏ của mình. Chuyện những đồng tiền mừng tuổi của người khách trú bán thuốc chắc chắn sẽ được viết lại lần thứ ba. Trong tập hồi ký. Ông Tàu già đến nhà tôi những mừng một thuở nào, tôi yêu ông và sẽ dành cho ông một chương thật đẹp.

Vũ Hoàng Chương

Mười tám năm

Anh biết em không còn
Nụ cười trên môi son
Như mười tám năm trước
Hai mảnh gương vừa tròn
Anh biết em không mong
Giờ hẹn nào say nồng
Như mười tám năm trước
Mỗi tuần ta ngóng trông.

Vì đã tan hoang rồi liếng sét
Vỡ đôi trời biển xé đôi lòng
Có trăng cũng chỉ là trăng khuyết
Cả bên này sông bên ấy sông...

Anh biết rằng hôm nay
Em không ngồi vẽ mây
Như mười tám năm trước
Còn nhau trong vòng tay
Anh biết rằng bây giờ

Em không nằm đọc thơ
Như mười tám năm trước
Còn nhau chung gối mơ.

Trời thu hoàng hốt sau cơn lốc
Mưa một bờ chênh nắng một bờ
Tầm tã hoa ngâu Hà nội khóc
Phương Nam đứt ruột cỏ bằng khô...

Bỗng dưng lòng nhớ điện rờ
Tóc thề vẫy kín giấc hồ đêm qua
Mới hay nhớ Bắc nhớ Hà
Bao năm rồi, cũng chỉ là nhớ em !

Saigon cuối Tân Hợi (1972)
vũ hoàng chương

Tùy Anh

Đề hường về một mùa xuân tịnh độ

Trong hoàn cảnh bế tắc chung của dân tộc, trong một xã hội bệnh hoạn đang sống nhẩn nhục khốn đốn vì chiến tranh và nhờ chiến tranh, trong tình trạng đồ võ chưa hàn gấn bạo phát với Sắc Luật 23/67 từ năm 1967, Phật Giáo Việt Nam đã kết thúc đại hội toàn quốc với trọng tâm giải quyết hai vấn đề nhân sự ảnh đạo và đường hướng hoạt động cho nhiệm kỳ 1971 — 1973

Nhìn chung dự ước của P.G.V.N cho thời gian tới chẳng có gì mới hần. Tinh thần của đại hội kỳ này là tinh thần điều chỉnh, bổ khuyết nhằm tạo điều kiện tiếp tục con đường mà P.G.V.N đã và sẽ đi. Một trong những ấn tượng chính mà đại hội kỳ này đã đem lại cho Phật tử là tính cách kiên định và son sắt của « chính nghĩa » P.G.V.N và đồng thời giúp Phật tử thấy rõ hơn những hoạt động cần thiết, thích ứng để phục vụ chính nghĩa đó. Sau đây là một vài cảm nghĩ về những hoạt động được xem là cần đó.

Đại hội P.G.V.N kỳ 3, tháng 08. 1968, đã đạt đến bốn điểm quyết nghị như sau :

Thứ nhất, đòi hỏi chính quyền cùng các cơ quan lập pháp giải quyết vấn đề Sắc Luật 23/67 mà P.G.V.N xem như là một « tội ác ». Thứ hai, vì lương tâm nhân loại và quyền lợi dân tộc,

P.G.V.N bày tỏ quyết tâm đẩy mạnh công cuộc vận động một giải pháp hòa bình hợp tình lý. Thứ ba, với chủ trương xây dựng một xã hội hạnh phúc, tự do và tiến bộ, P.G.V.N đã khuyến cáo chính quyền: chấm dứt mọi hành động bất công đối với quần chúng; lãnh đạo hóm hĩnh máy lãnh đạo; tôn trọng ý nguyện quần chúng trong mọi sinh hoạt quốc gia. Thứ tư, P.G.V.N quyết tâm thực hiện sự đoàn kết chân thành và thiết thực vượt trên mọi dị biệt ý hệ, chính kiến, tôn giáo nhằm tập trung mọi nỗ lực phục vụ dân tộc.

Đó là các điểm đối ngoại; về phương diện nội bộ, hai công tác được ghi nhận là thứ nhất củng cố hàng ngũ; thứ hai đóng góp phục vụ xứ sở về phương diện thể trị. Nghĩa là, có thể nói, chuẩn bị nhân lực cách này hay cách khác để thực hiện các điểm quyết nghị nêu trên.

Suốt hai năm qua các nỗ lực vừa kể đã đạt được những thành quả nào?

Thứ nhất, vấn đề củng cố nội bộ. Năm 1971 không phải là năm 1963, nhưng xét cho cùng thì trước sau P.G.V.N. vẫn sống trong một hoàn cảnh Diệm - không - Diệm. Và có lẽ bao giờ còn bám lấy con đường « dân tộc » cổ hữu thì P.G.V.N. vẫn còn phải chịu những phản lực nghiệt ngã. Một vài dấu hiệu hoặc hành động « dễ thở hơn », nếu có, cũng chỉ mới là bình phong che đậy những phản ứng bất đắc dĩ hoặc những âm mưu mua chuộc, chia rẽ.

Củng cố nội bộ, chấn chỉnh hàng ngũ là một cách bảo vệ P.G.V.N. Không phải bảo vệ quyền lực hay tư lợi thể tục nhưng là duy trì khả năng tự giác, giác tha của Phật tử đối với xứ sở và nhân loại.

Củng cố nội bộ trước tiên là phải đồng nhất phương cách lãnh đạo, nhất là ở thượng tầng. Tập thể quyết định là một nguyên tắc quá thông thường Nhưng giữ và theo được nguyên tắc thông thường ấy là một việc chẳng phải dễ gì. Tập thể trong quyết định chưa đủ mà phải tập thể trong cả việc thực hiện quyết định. Mọi công tác và khuynh hướng cá nhân của mỗi thành phần lãnh đạo đều phải được tích hiệp thành những công tác, những hành động được ủy nhiệm do cả tập thể lãnh đạo.

Theo quan điểm tín ngưỡng thì giá trị của mỗi Phật tử được đo lường bằng mức độ giác ngộ và hy sinh chứ không phải bằng quyền lực và tài lợi. Củng cố nội bộ do đó không phải là tìm cách bưng bít, che đậy hay loại trừ nhau vì tư lợi. Lại nữa, ý hướng tiên quyết và cố hữu của mỗi người Phật tử là làm thế nào vừa phát triển được khả năng phục vụ đời, vừa duy trì được cương vị siêu thoát của đạo.

Củng cố là kết hợp, đào luyện, thanh lọc và nuôi dưỡng những người có khả năng thiện chí, là xử dụng hợp lý những người đồ tỳ khả năng. Có như thế thì việc tổ chức và hướng dẫn quần chúng mới có kết quả và lại tránh được tình trạng tạp nham.

Đào luyện cán bộ chấp hành, kết tập quần chúng là vấn đề thiết yếu nhưng đôi khi đã bị xao lãng. Sự xao lãng này thường được biện minh bằng những nghi vấn như tập hợp làm gì? Biểu tình chưa phải lúc, xuống đường chưa có cơ hội: nhưng nói vậy tức là chỉ mới thấy một khía cạnh nhỏ của công cuộc vận động quần chúng. Chưa kể nói như vậy tức là đã vô tình tự đội lên đầu mình cái mũ « xách động » mà dư luận ác ý thường gán cho.

Củng cố nội bộ và kết tập quần chúng không phải chỉ là đề hướng dẫn quần chúng hy sinh nhưng còn là đề phục vụ quần chúng và dùng chính những hoạt động hành thiện này để thử thách và đào luyện cán bộ. Những hoạt động hành thiện này chính là công tác xã hội, công tác an sinh, cộng đồng tương trợ...

Nếu Trí và Dũng có môi trường thì thổ thích hợp là lịch sử, chính trị thì môi trường thích hợp của Bi là hoạt động xã hội. Hoạt động xã hội là hoạt động lý tưởng của hạnh nguyện Từ bi, Vô Úy Thi và Lục Hòa.

Lãnh đạo quần chúng không phải chỉ là kêu gọi quần chúng hy sinh, đóng góp công sức cho đại nghĩa mà còn là phải tìm cách hy sinh, đóng góp, lo lắng cho quần chúng. Đấu tranh không phải chỉ là đối kháng với các thế lực phản động nhưng còn phải chú trọng đến việc nâng đỡ, xoa dịu tầng lớp bị trị, khổn cùng.

Vì không đặt nặng vấn đề về hoạt động xã hội đúng mức nên sinh hoạt thể trị của P.G.V.N. có khi đã bị sa vào cảnh lúng túng, trì hoạt những khi hoàn cảnh chưa hội đủ điều kiện để « còn

ăn hết nhin » : hết việc, nghĩa là hết hội thảo, tuyệt thực, xuống đường, thì ai về nhà nấy.

Thứ hai, vấn đề vận động hòa bình. Phản chiến là thái độ đương nhiên của Phật tử. Nhưng từ hiệp hòa đến vận động chấm dứt chiến tranh theo một công thức « hợp tình lý » nào đó quả thực là một, con đường phức tạp, nặng nề đòi hỏi nhiều quyết tâm, quyền biến dù đã có một thế lực quần chúng đáng kể hỗ trợ cho công thức ấy.

Hòa bình trên căn bản nào, bằng giải pháp nào ? Điều ấy đã được P.G.V.N. nhiều lần nói đến, cụ thể là qua đề nghị mà phái đoàn P.G.V.N. đã đưa ra trước Hội Nghị Tôn Giáo Thế Giới về Hòa Bình họp tại Kyoto, Nhật Bản ngày 21 - 10 - 1970 gồm những điểm :

Thứ nhất : các phe đối chiến phải xuống thang chiến tranh để đạt đến một cuộc ngưng bắn tại chỗ, toàn diện, không điều kiện, ngoài sự đồng ý về một cơ cấu giám định ;

Thứ hai : Liên Hiệp Quốc sẽ chỉ định một nhóm các quốc gia trung lập họp thành Ủy Hội Kiểm Soát Ngưng Chiến ở V. N. gồm cả đại diện của chính quyền V. N. C. H. và chính quyền C. M. L. T. ở Nam V. N. ;

Thứ ba : V. N. C. H. phải phóng thích tất cả chính trị phạm ;

Thứ tư : Hoa Kỳ phải để cho dân chúng V.N tự do lựa chọn một chính quyền đại diện đa số dân chúng, một chính quyền không phe phái, có bản chất hòa giải và có khả năng thương thuyết ;

a — Với Hoa Kỳ về một cuộc rút lui nhanh chóng và toàn diện khỏi Nam V.N mọi lực lượng vũ trang, kể cả Hoa Kỳ ;

b — Với chính quyền C.M.L.T về những thể thức tuyên cử để thiết lập một chính quyền đại diện tất cả các thế lực chính trị tại Nam V.N.

Thứ năm : Hoa Kỳ, Nga Sô và Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa phải hợp tác hỗ trợ những đề nghị này của chính những người V.N ;

Thứ sáu : các phe phái đang tranh chấp, các cộng đồng tôn giáo thế giới và các dân tộc yêu chuộng hòa bình khắp nơi phải hành động ngay để đòi hỏi những quốc gia hữu trách trong chiến tranh V.N phải chấm dứt cuộc chiến này và giảm bớt nỗi khổ đau của Đông Nam Á.

Lập trường này đã được mọi hàng Phật tử thông suốt chưa và đã được vận động liên tục, đúng mức chưa ?

Nếu lập trường chưa được thấu triệt, nếu công cuộc vận động chưa được đẩy mạnh đúng mức, không được duy trì liên tục thì có thể, chủ trương Hòa giải của P.G.V.N có lúc sẽ bị đẩy vào hoàn cảnh Trái độn. Bởi lý, rõ ràng là tất cả các phe đối chiến đều đã và vẫn muốn « nhuộm » P.G.V.N đồng màu với mình, nghĩa là mới lợi dụng. Lợi dụng được thì P.G.V.N sẽ bị lũng đoạn, sa sút, lợi dụng không được thì cũng bị lũng đoạn, phá hoại. Đó là điều cần cảnh giác trong khi quyết giữ vững chủ trương Hòa Giải.

Ngoài ra, một vấn đề khác cũng không kém khúc mắc là tình cách dị biệt giữa lập trường hòa bình của P.G.V.N. với thực tế quốc gia và những biến tướng khả hữu trong các tương quan quyền lợi và thế lực quốc tế. Cuộc chiến này phần lớn đã vượt quá khả năng chủ động của chính người V.N. Do đó, chính người V.N. cũng khó mà hoàn toàn chủ động trong những giải pháp kết thúc chiến tranh. Xét theo quan điểm các áp lực và âm mưu quốc tế, chiến tranh V.N. là một thứ chiến tranh ủy nhiệm. Thân phận người V.N là thân phận của những kẻ hiểu chiến bất đắc dĩ !

P.C.V.N không mong chiến tranh kéo dài thêm một ngày. Nhưng P.G.V.N. sẽ có thái độ và hành động nào nếu chiến tranh tiếp tục ? Sẽ có những chuẩn bị thích ứng và đối kháng nào nếu chiến tranh được kết thúc bằng những giải pháp không trùng hợp với lập trường hòa bình của P.G.V.N ? Đó cũng là những vấn đề quan hệ đặt ra cho các cấp lãnh đạo.

Xét cho cùng, chiến tranh còn hay chiến tranh chấm dứt thì lập trường thế trị, hay chiến lược chính trị, của Phật tử vẫn là một. Dị biệt nếu có chỉ là chiến thuật. Vấn đề quan trọng ở

điểm này không phải là chủ trương đường lối nhưng là vấn đề nhân sự.

Quả vậy, đường lối của P.G.V.N không phải là không có, thiện chí và quần chúng hỗ trợ cũng không phải là thiếu. Điều cần bổ túc là một *chính sách về nhân sự* quy mô, hợp lý khả dĩ quy tập và phát triển tối đa khả năng hành thiện và đồng thời ngăn chặn được những lệch lạc, sai chệch phương hại đến uy tín của tập thể và hiệu năng của tổ chức.

Chính sách về nhân sự này đòi hỏi vấn đề đào tạo và sử dụng các cán bộ hoạt động, tại gia cũng như xuất gia, cần phải được xét lại đúng mức trên căn bản đạo hạnh, vị tha cũng như theo tiêu chuẩn trung kiên, khả năng, kỷ luật và mức độ hy sinh.

Chính sách về nhân sự này cũng đòi hỏi một sự phân nhiệm rõ ràng hơn giữa hàng xuất gia và hàng tại gia trong phạm vi hoạt động thế trị.

Vấn đề này thường có thể gây những ngại ngùng cho những người có nghĩ đến, hoặc đã không được đặt ra đúng mức một phần lớn vì sự thiếu kỹ thuật hành động, thiếu kỹ thuật chu toàn trách nhiệm của các Phật tử hoạt động, nhất là các Phật tử « tham chánh ».

Những Phật tử này tham chánh : hoặc vì tư lợi, hoặc là để thỏa hiệp với chế độ hiện hành vì quyền lợi nhất thời của đoàn thể ; hoặc là để « làm chánh trị », theo ý nghĩa thông thường là để tranh thủ uy quyền quốc gia, nghĩa là về lâu về dài, tranh thủ những phương tiện quốc gia quy mô để thực hiện đường lối và chính sách thế trị của Phật tử ; và sau hết, hoặc là để thực sự chuẩn bị một cuộc cách mạng xã hội theo tinh thần Phật Giáo.

Trường hợp thứ nhất là trường hợp của những người đã « lợi dụng P.G. » ! và dĩ nhiên trường hợp này mang tính cách cá nhân chỉ có thể có hại cho P.G. Ba trường hợp còn lại là trường hợp của những Phật tử tham chánh để làm một cái gì cho đạo hoặc cho quốc gia.

Tham chánh là thỏa hiệp với chế độ vì quyền lợi nhất thời

của đoàn thể ? Nhưng như thế thì quyền lợi nào là quyền lợi nhất thời của P.G.V.N. ?

P.G. vốn không phải, và không thể, là một tổ chức tồn tại để tranh đoạt danh vọng hay uy quyền thế tục. Bản chất của P.G. là giải thoát, mà bề trái của giải thoát là xem nhẹ, là chối từ. Mọi tiện nghi và hạnh phúc ở đời, ngay cả uy quyền và sức mạnh, cũng đều chỉ là những « pháp », nghĩa là những phương tiện giải thoát. Phục vụ đạo pháp, do đó, là đề cao ý thức giải thoát và thành đạt những phương tiện giải thoát tùy thời gian và hoàn cảnh. Mọi cách phục vụ đạo trái với tinh thần đó đều là sai lầm, dù có thiện chí. Không thể phục vụ đạo mà không đếm xỉa đến quyền lợi của con người và dân tộc. Quyền lợi của con người là giải thoát, quyền lợi của dân tộc là phải được sống trong độc lập, thanh bình và tự do. Đảng nào thì khi lên tiếng đòi quyền tự quyết cho quốc gia, độc lập cho dân tộc, Phật tử cũng đã tự đặt mình vào thế chịu cảnh « quốc phá gia vong » rồi. Phật tử V.N không thể quên tư cách dân Việt của mình để chỉ biết đến quyền lợi tôn giáo, nếu quả thực tôn giáo có một thứ quyền lợi nào đó như là một trong những lý do tồn tại cần phải thỏa mãn bất chấp quyền lợi dân tộc ! Thỏa hiệp do đó là thỏa hiệp với kẻ thống trị chứ không phải tiên quyết thỏa hiệp với chế độ, vốn chỉ là một sản phẩm, một công cụ thống trị địa phương.

Lại nữa, ai cũng rõ là từ cuộc vận động năm 1963, P.G.V.N đã kết tập được một thế lực quần chúng rất mạnh khả dĩ tiếp nối truyền thống phục vụ dân tộc của P.G.V.N. Thế lực quần chúng đó đã « bị ghi sổ đen » ! Những quyền lợi dành cho thế lực đó, nếu có, cũng chỉ là những của bố thí nhằm mục đích vuốt ve, chia rẽ và lũng đoạn.

Tham chánh để tranh thủ uy quyền quốc gia ? Quả thực trong một hoàn cảnh đã là « quốc phá gia vong » thì uy quyền đó thường chỉ là một ân sủng hơn là do kết quả tranh thủ. Trường hợp các nhóm cầm quyền ở Nhật Bản, ở Tây Đức sau đại chiến thứ hai là những thành công biệt lệ đáng suy gẫm. Lại nữa, hoàn cảnh của Nhật Bản, Tây Đức là những hoàn cảnh đủ rõ rệt cho phép những kẻ tham chánh có tâm huyết dứt khoát chấp nhận khổ nhục kế vì quyền lợi dân tộc. Ngoài ra, dù chấp nhận tham

Nguyễn Tịnh Phúc

Lục bát

Ngư ngư lá cỏ may vàng.
Túi thơ bầu rượu qua ngàn cuộc đi
Nghe chừng đôi chút phương phi
Tặng em yêu mến còn ghi dấu hoài

Ngư ngư những cánh chuồn bay.
Lang thang chưa hết tháng ngày hư không
Phổ hoa muôn ngọn đèn hồng,
Thương em gác tia một lòng xa xưa

Từ ta về tới rừng mơ
Lá xanh từng vốc theo thơ bay buồn
Nhẹ tênh đời dưới trăng sương
Nhìn lui mới biết còn vương giọt sầu.

MƯA TRÊN SÔNG

Mưa từ bãi cát trắng chìm
Lòng anh quanh những nỗi niềm hôm nay
Phất phơ tình vẫn bay hoài
Không còn nhau để an bày tháng năm
Mưa tàn bọt nước mù tăm
Dưới giòng sông lạnh sâu ngâm mấy đời

Nhã Ca

Bạc như vôi

Buổi trưa, tôi đang nằm dài người ra vì phiền muộn thì có tiếng gõ cửa. Người đàn ông bước vào. Hắn chưa hỏi ai hết mà nhìn quanh căn nhà, làm như cái nhà này đối với hắn có một sự liên hệ nào đó. Tôi hơi khó chịu, hỏi :

— Thưa ông, ông hỏi ai ?

Hắn cười. Khi hắn cười trông có vẻ trẻ trung hơn. Bộ râu bớt dày vì miệng hắn nở rất rộng. Cái vẻ mặt đó, bộ râu đó, thêm nụ cười nữa, hắn không phải là một người đàn ông hoang đường đâu. Hắn đã lớn tuổi, mà ở mắt nhìn, ở môi dày, trông hắn có vẻ trai lơ, cái vẻ đó làm đàn bà con gái nhìn thấy là khó chịu.

— Tôi muốn hỏi bà Hương.

Hắn nói, và dăm dăm ngó tôi, không phải chờ đợi để biết có mẹ tôi ở nhà không, mà có vẻ chú ý tới tôi nhiều hơn. Tôi hơi lùi người lại phía sau :

— Mẹ tôi bận ngủ.

— Vậy hả ? Tôi đợi.

Hắn thản nhiên ngồi xuống ghế. Lại lấy thuốc ra hút nữa mới tức chờ. Tôi muốn nổi cáu, nhưng cáu kính với cái gì bây giờ. Tôi không đập lên cái ghế hắn ngồi, đôi giày hắn mang được làm như chẳng mấy may chú ý tới vẻ khó chịu của tôi, hắn lại ngó tôi :

— Có mấy em rồi ?

Tôi làm thính. Ít nhất hẳn cũng gọi tôi bằng cô, hay cũng bằng cháu. Gọi cháu cũng được đi, hẳn già thấy mờ ra rồi chớ bấu gì. Tôi mỉm môi, định quay vào nhà thì hẳn lại nói :

— Khách tới nhà có nước mời gì không ?

Thấy hẳn quen với mẹ, tôi không dám lộ rõ cho hẳn thấy sự coi thường của mình. Tôi đi vào nhà bưng nước ra mời hẳn. Lúc đó mẹ tôi đang ở dưới bếp, bà chưa biết có khách. Mà tôi cũng còn muốn cho thằng cha già ngồi đợi cho mục xương ra đã. Mẹ tôi, ôi, buồn chết đi được. Bà đã trên bốn mươi rồi, vậy mà bà có nên nết gì đâu. Cái ông dượng ghẻ đời sau của mẹ tôi ba trợn hết chỗ nói.

Ông đóng ở đầu trên Biên Hòa, hai ba ngày về ngủ nhà một lần, già đời làm thương sĩ, điều hãnh diện của ông là mua được chiếc Honda. Lần nào về ông cũng khoe um xùm : Chà, lái xe xa lộ mát quá, sướng quá. Chà, xe Honda chạy ngon hơn xe hơi, rú ga vèo vèo mà có một mẹ gì đâu. Ông uống rượu tối ngày, mẹ tôi làm như kiếp trước mắc nợ ông, nuôi đàn con nhỏ của ông thấy mờ. Không biết ham gì mà mẹ tôi để hoài, lấy ông chừng bốn năm, để thêm ba đứa con năm một, èo sèo suốt ngày. Nhiều lúc tôi cũng thương em lắm, nhưng cứ thấy chẳng có mặt đứa nào giống mẹ tôi, lại ông dượng tập cho chúng ăn nói mất dạy, tôi đâm ra chán ngán.

— Nè, cô... gì đó ?

Đang nghĩ lan man, nghe gọi, tôi quay phắt lại. Tôi bắt gặp nụ cười của hẳn, đôi mắt của hẳn gấn trên da mặt tôi. Nghe giọng nói của hẳn khó có được chút thiện cảm nào. Đôi mắt thằng cha trắng dã, cả bộ mặt chỉ được có bộ râu, còn nước da đó, tôi có cảm tưởng chỉ búng khế một cái, nước đọng từ bên trong sẽ ứa ra ở hàng vạn lỗ chân lông đang dần dầy da mặt.

— Gì ?

Tôi cũng sáng giọng. Hẳn thông thả bưng ly nước trà uống một ngụm. Đợi cho tôi sôi ruột, hẳn mới nói, giọng còn như ra lệnh :

— Gọi má dậy đi.

Không lẽ đứng đó để cãi với hẳn. Tôi đành đi ra sau bếp. Mẹ tôi đang giặt quần áo, hai đứa em ngồi chễm hễm hai bên. Thấy tôi, bà ngừng tay :

— Em còn ngủ hả ?

Tôi nhìn mẹ tôi, lam lũ lệt bệt người mà lúc nào cũng có vẻ làm ốm. Sơn môi đỏ thắm, má hồng, tóc uốn ngắn gọn, nhưng mẹ tôi khó dấu được vẻ già nua của bà. Hình như càng son phấn vào, bà chỉ làm sắc sảo ra chút ít, mà sự già nua càng nặng nề thêm. Tôi cố không nhìn vào mắt bà.

— Có ai hỏi má đó.

— Đàn ông hay đàn bà ?

Dĩ nhiên là đàn ông. Đàn bà, mấy mụ bạn bè với mẹ tôi, hễ tới là lên gác gỗ, chui tọt xuống bếp, vô nhóm cả buồng tiêu nhà tắm người ta. Tôi trả lời :

— Một ông nào đó.

— Ông nào ? Là thiệt. Ai mới được chớ ?

— Thì má lên mà coi. Cái thằng cha già nhách, ăn nói như gà đá.

Tia mắt nhìn cảnh cáo của bà làm tôi quay mặt. Bà lớn giọng :

— Chậu quần áo đó, giặt đi. Càng ngày càng ăn nói mất dạy. Nghe Nhiên. Bà lấy khăn lau tay, rút trong túi áo ra cái gương nhỏ ngấm nghĩa, sửa lại tóc, quệt tay lên môi chà son lại cho đều, rồi hơi mỉm cười lấy điện trước khi trả cái gương con vô trong túi áo. Thấy mẹ tôi đứng dậy đi, hai nhỏ ù chạy cửa sau, ra góp mặt với trẻ con hàng xóm đầu ngõ.

Tôi ngồi xuống định tiếp tục công việc của mẹ. Nhưng tôi bỗng nghe tiếng cười lớn của gã đàn ông ở nhà trên. Không hiểu sao, tôi đá mạnh cái thau đồ, nước xà phòng chao ra ướt cả ống quần. Tôi lùi người lại, ai làm đâu mà cái chân tôi chịu thiệt thời. Tôi đi lẩn lên nhà trên. Tiếng cười của gã đàn ông làm mắt tôi muốn đỏ lửa.

— Ừ, thì em cứ chối đi. Em phụ bạc dứt tình đi. Anh còn nhớ, anh còn cần em, anh ở đây.

Giọng mẹ tôi có vẻ nhỏ nhẹ :

— Có mấy em rồi ?

Tôi làm thỉnh. Ít nhất hẳn cũng gọi tôi bằng cô, hay cũng bằng cháu. Gọi cháu cũng được đi, hẳn già thấy mờ ra rồi chờ bấu gì. Tôi mỉm môi, định quay vào nhà thì hẳn lại nói :

— Khách tới nhà có nước mời gì không ?

Thấy hẳn quen với mẹ, tôi không dám lộ rõ cho hẳn thấy sự coi thường của mình. Tôi đi vào nhà bưng nước ra mời hẳn. Lúc đó mẹ tôi đang ở dưới bếp, bà chưa biết có khách. Mà tôi cũng còn muốn cho thằng cha già ngồi đợi cho mực xương ra đã. Mẹ tôi, ôi, buồn chết đi được. Bà đã trên bốn mươi rồi, vậy mà bà có nên nết gì đâu. Cái ông dượng ghé đời sau của mẹ tôi ba trợn hết chỗ nói.

Ông đóng ở đâu trên Biên Hòa, hai ba ngày về ngủ nhà một lần, già đời làm thượng sĩ, điều hành diện của ông là mua được chiếc Honda. Lần nào về ông cũng khoe um xùm : Chà, lái xe xa lộ mát quá, sướng quá. Chà, xe Honda chạy ngon hơn xe hơi, rú ga vèo vèo mà có mệt mẹ gì đâu. Ông uống rượu tối ngày, mẹ tôi làm như kiếp trước mắc nợ ông, nuôi đàn con nhỏ của ông thấy mồ. Không biết ham gì mà mẹ tôi để hoài, lấy ông chừng bốn năm, để thêm ba đứa con năm một, eo sèo suốt ngày. Nhiều lúc tôi cũng thương em lắm, nhưng cứ thấy chẳng có mặt đứa nào giống mẹ tôi, lại ông dượng tập cho chúng ăn nói mất dạy, tôi đâm ra chán ngán.

— Nè, cô... gì đó ?

Đang nghĩ lan man, nghe gọi, tôi quay phắt lại. Tôi bắt gặp nụ cười của hẳn, đôi mắt của hẳn gấn trên da mặt tôi. Nghe giọng nói của hẳn khó có được chút thiện cảm nào. Đôi mắt thằng cha trắng dã, cả bộ mặt chỉ được có bộ râu, còn nước da đó, tôi có cảm tưởng chỉ búng khẽ một cái, nước đọng từ bên trong sẽ ứa ra ở hàng vạn lỗ chân lông đang dàn dầy da mặt.

— Gì ?

Tôi cũng sáng giọng. Hẳn thông thả bưng ly nước trà uống một ngụm. Đợi cho tôi sốt ruột, hẳn mới nói, giọng còn như ra lệnh :

— Gọi má dậy đi.

Không lẽ đứng đó để cãi với hẳn. Tôi đành đi ra sau bếp. Mẹ tôi đang giặt quần áo, hai đứa em ngồi chồm hồm hai bên. Thấy tôi, bà ngừng tay :

— Em còn ngủ hả ?

Tôi nhìn mẹ tôi, lam lũ lệt bệt người mà lúc nào cũng có vẻ làm đóm. Son môi đỏ thắm, má hồng, tóc uốn ngắn gọn, nhưng mẹ tôi khó dấu được vẻ già nua của bà. Hình như càng son phấn vào, bà chỉ làm sắc sảo ra chút ít, mà sự già nua càng nặng nề thêm. Tôi cố không nhìn vào mắt bà.

— Có ai hỏi má đó.

— Đàn ông hay đàn bà ?

Dĩ nhiên là đàn ông. Đàn bà, mấy mụ bạn bè với mẹ tôi, hễ tới là lên gác gỗ, chui tọt xuống bếp, vô nhòm cả buồng tiêu nhà tắm người ta. Tôi trả lời :

— Một ông nào đó.

— Ông nào ? Lại thiệt. Ai mới được chứ ?

— Thì má lên mà coi. Cái thằng cha già nhách, ăn nói như gà đá.

Tia mắt nhìn cảnh cáo của bà làm tôi quay mặt. Bà lớn giọng :

— Chậu quần áo đó, giặt đi. Càng ngày mày càng ăn nói mất dạy. nghe Nhiên. Bà lấy khăn lau tay, rút trong túi áo ra cái gương nhỏ ngắm nghía, sửa lại tóc, quệt tay lên môi chà son lại cho đều, rồi hơi mỉm cười lấy điện trước khi trả cái gương con vô trong túi áo. Thấy mẹ tôi đứng dậy đi, hai nhỏ ù chạy cửa sau, ra góp mặt với trẻ con hàng xóm đầu ngõ.

Tôi ngồi xuống định tiếp tục công việc của mẹ. Nhưng tôi bỗng nghe tiếng cười lớn của gã đàn ông ở nhà trên. Không hiểu sao, tôi đá mạnh cái thau đồ, nước xà phòng chao ra ướt cả ống quần. Tôi lùi người lại, ai làm đâu mà cái chân tôi chịu thiệt thòi. Tôi đi lẩn lên nhà trên. Tiếng cười của gã đàn ông làm mắt tôi muốn đỏ lửa.

— Ừ, thì em cứ chối đi. Em phụ bạc dứt tình đi. Anh còn nhớ, anh còn cần em, anh ở đây.

Giọng mẹ tôi có vẻ nhỏ nhẹ :

— Thôi mà anh, giờ em yên phận chồng con rồi. Thằng chồng sau này của em là lính tráng, tụi em cũng nghèo khổ lắm mà.

— Trời, nhà cửa thế này mà em kêu nghèo khổ. Anh biết rồi, thằng chồng em đeo lon Thượng sĩ chớ gì. Kể ra thì cũng già quá, nhưng em thì...hi hi em cũng già rồi.

— Thì bởi. Giờ em đã yên phận.

— Hồi này là con gái lớn của em đấy à ?

— Ừ.

— Nó con ai vậy. Nó có dính dáng gì tới anh không ? Con nhỏ xinh đấy chớ. Nó tên gì ?

Giọng mẹ tôi càng nhỏ hơn. Chắc bà sợ tôi nghe :

— Thôi mà anh, giống gì ác đức vậy. Con nhỏ này...

— Nó giống anh hôn ? Anh nhìn nó anh có cảm tình liền, dám nó là con anh lắm. Khổ nỗi tại em hết. Đạo đó em tùm lùm, bố thằng nào dám nhận. Tôi dựa lưng vào tường, có cả trăm nghìn mũi kim chích nát bết trái tim làm tôi đau nhói, muốn xỉu. Máu ứ đầy lồng ngực không có chỗ thông, muốn vọt ra miệng. Đờ khốn nạn. Mà ai khốn nạn đã chớ ? Chính tôi, tôi khốn nạn quá.. Mẹ ơi là mẹ. Cha ơi là cha. Không, tôi không muốn phải kêu lên những tiếng đó nữa. Cha tôi là gã đàn ông đó ? Cầu lạy trời, tôi có thể sinh ra do một tên đàn ông nào cũng được đừng bao giờ tôi biết mặt, đừng bao giờ tôi nghe tới. Còn gã đàn ông này. Tôi sẽ cắt mạch máu tự tử, tôi sẽ treo cổ tòn ten, tôi đâm đầu vào xe hơi, tôi cầm dao đâm lủng tim hân, nếu tôi biết đích thực hân là người đã tạo ra tôi.

Giọng gã đàn ông cười làm gai ốc trong người mọc lên da thịt hết.

— Mình còn có thể làm ăn với nhau. Bây giờ, anh muốn em đưa anh lên căn gác của em nói chuyện. Anh cũng có thể gặp thằng chồng say rượu tỉnh nồng như Trương Phi của em bất cứ lúc nào. Nhưng chắc em không muốn chứ gì. Anh muốn nói chuyện với em đang hoang..

— Không được, ở đây, có bày con của em.

— Ờ nhỉ ? Sau này em được mấy đứa ? Có đứa nào con của cha thượng sĩ không ?

Tôi không nghe mẹ tôi trả lời câu hỏi trên. Và hình như gã đàn ông nói gì với mẹ tôi nhỏ lắm. Hân có làm gì nữa, tôi nghe tiếng ghế chạm mạnh và tiếng mẹ tôi càu nhàu. Lát sau, giọng mẹ tôi hơi lớn :

— Anh thiệt tồi. Em không ngờ ..

Tiếng cười của hân. Sao mẹ tôi không vác cái ghế xáng lên đầu hân một cái cho cái đầu như bần đó vỡ ra. Lại giọng mẹ tôi :

— Bây giờ anh nghiện ngập rồi anh muốn làm tiền tôi. Anh muốn bao nhiêu ?

— Ít thôi...

Tôi không nghe hân nói thêm. Tiếng cười của hân càng lúc càng dòn dã. Tôi bưng cái đầu muốn nứt đôi ra xuống dưới bếp. Tôi muốn kêu lên một tiếng, tôi không còn tiếng kêu nữa. Phải thoát ra căn nhà này sớm phút nào hay phút đó. Mặc kệ mẹ tôi với dĩ vãng của bà. Tôi cũng theo cửa sau đi nốt. Tiếng cười của gã đàn ông như có lửa, sắp đốt cháy căn nhà ra tro. Đốt luôn cả mẹ tôi ra tro nữa.

Đáng lẽ ra tôi phải tới nhà Mạnh để đỡ ra những giọt nước mắt cho chàng thấy. Mà chàng cũng đã thấy nhiều lần rồi, thấy nhiều tới nỗi ghê sợ bộ mặt đura đăm của tôi. Em đừng làm thế, em đừng khóc. Anh sợ sự buồn rầu lắm. Đời không có bao lâu, tại sao cứ để nước mắt nó nuốt hết ngày tháng của mình. Mặc dù anh biết em khổ, nhưng em hãy can đảm lên. Tôi đã cố gắng tập can đảm, nhưng càng ngày, sự can đảm càng mòn dần, và tôi trở thành một đứa con gái khiếp nhược, hèn hạ. Tôi bỏ học, tôi bê tha, điều này làm cho Mạnh thất vọng về tôi bao nhiêu. Chàng có muốn cứu tôi không ? Bao giờ Mạnh cũng trầm tĩnh, dịu dàng, thân nhiên nữa. Bao giờ cũng khuyên cố gắng, can đảm, chàng khuyên mà chàng biết là tôi không còn chút can đảm nào. Thế mới chán. Mạnh có thể làm gì hơn ? Cười tôi, chàng nuôi chàng còn chưa nổi.

Nhưng tại sao tôi không tới Mạnh mà tôi tới với Hoành nhỉ ? Đáng lẽ tôi phải tới khóc với chàng về chuyện tui hôn hôm nay, và cũng báo cho chàng biết sự thay đổi trong cơ thể đang

làm tôi nghi ngờ sắp xảy ra điều ghê gớm. Nói với Mạnh. Thế còn Hoành? Tôi thật là một đứa con gái không ra gì, thật ra, khi tới với Hoành, không phải là tôi không biết tôi muốn gì. Tôi biết hết, Mạnh nghèo quá, mà gia đình tôi cũng nghèo. Tôi lại sinh ra trong thời đại tiền bạc trôi trên bề mặt mọi vấn đề. Tôi lại ở trong một gia đình không phải gia đình, tôi không được học hành cần thận, và vốn liếng của tôi không có gì ngoài chút nhan sắc. Hoành đã giúp tôi nhiều thứ, như những người con trai khác giúp tôi nhiều thứ mà ở Mạnh không có. Nhưng tôi, tôi chỉ có một tình yêu với Mạnh, chắc chắn thế. Khi đi với Hoành, nghĩ tới Mạnh tôi cũng xót xa lắm. Vậy mà chỉ có việc dứt bỏ đi những chuyện lãng nhãng tôi lại không dứt bỏ được. Tôi thuộc loại con gái có linh hồn của quỷ, tôi cô đơn quá nên muốn được nhiều người khác thương yêu mình, tôi vô vấp vội vàng, đôi lúc còn vô liêm sỉ nữa. Nhưng biết thế là một chuyện, mà sửa đổi quả là khó khăn. Mạnh làm sao hiểu cho tôi hết được. Tôi biết lâu nay Mạnh buồn phiền. Cả tôi cũng buồn phiền, tình yêu bỗng lẩn lóc hững hờ, khi xa nhau, thấy nhớ, nhưng khi gần, Mạnh đã cảm thấy tôi đem đến cho chàng nhiều sự khó chịu.

Giờ này, có thể mẹ tôi đã dẫn cái ông khách lạ lên căn gác gỗ. Tôi điên tiết lên, mặc dù tôi cũng đang ở trong lòng Hoành. — Chuyện gì vậy em? — Không. Tôi cười như nắc nẻ, cười thật dài, vui vội vã để những giọt nước mắt không có phút rảnh dỗi ra. Khóc với Hoành thì cũng như khóc với tượng đá. Khi nhìn tôi đã hết vui, Hoành bắt đầu muốn đền bù. Với Hoành, yêu đương cũng sòng phẳng. Hoành dẫn tôi ra phố. Một chiếc áo dài, món quà tặng vừa phải. Biết bao lần tôi đã đem bán những món quà tặng để mua những thứ cần dùng khác. Mẹ tôi, bố bà biết được tôi có gì ở trong người. Một cái nịt vú trên ba ngàn đồng, một cái quần lót cả nghìn bạc, giày đóng ở hiệu lớn, mặc dù lúc nào tôi cũng mang áo lụa trắng, vừa dãn dỉ vừa rẻ tiền. Đó là một cách tôi che mắt mẹ. Mà thật ra, tôi có không che mắt bà cũng chẳng để ý đến tôi nhiều đâu. Một bà mẹ như mẹ tôi, những đứa con sinh ra chỉ là những món nợ phải trả, càng ít chú ý thì món nợ càng nhẹ. Cuộc đời bà lại có nhiều món nợ quá, bà chưa

bao giờ kể cho tôi biết về cuộc đời của bà. Nhưng với mắt đó, mặt đó, cuộc đời chưa bao giờ ban cho bà một ân huệ nào.

— Đi ăn kem nhé, em?

Đi bên Hoành mà tôi cứ nghĩ lan man. Nghe Hoành hỏi, tôi tỉnh người, mỉm cười:

— Thế nào cũng được.

— Hay mình vô ciné ngồi, em.

Tôi gật đầu. Món quà trên tay tôi cũng nặng lắm. Món quà đồng lõa với bóng tối trong rạp chiếu bóng. Hoành vừa mới nhìn tôi, thoáng mắt đã thấy vui lại. Những chuyện vặt vãnh trong ciné đối với tôi cũng thường. Tôi đã trở thành một đứa con gái mèo mỡ gà đồng có hạng.

Khi tôi về tới nhà thì người đàn ông đã đi từ bao giờ. Com nước cũng chẳng có nữa. Mẹ tôi đã dọn dẹp hết và lên gác nằm. Hai đứa em nhỏ (chắc chắn là em tôi vì chúng đều nằm trong bụng mẹ tôi mà ra) đang đập lộn nhau ở nhà ngoài, chửi bới um xùm. Không thấy chiếc xe Honda dựng ở đó, tôi biết ông đương ghé không có nhà. Đạo này ông cũng ít về quá, nói là bận công chuyện. Mẹ tôi cũng tin vậy. Thiệt ra, lấy nhau mấy năm, mẹ tôi chẳng biết gì về ông thượng sĩ già hết. Nhưng coi mỗi mẹ tôi thương ông lắm, cái gì cũng bình, điều này làm tôi xa mẹ tôi thật dễ dàng.

— Con Nhiên về đó hả?

Giọng mẹ tôi trên căn gác gỗ vọng xuống. Tôi dạ lớn. Bà nói như hét:

— Lên đây tao biểu.

Lên thì lên. Lại mán giận cá chém thớt nữa đây. Tôi thận nhiên bước lên gác. Bà ngồi ở giường. Chiếc giường, tôi muốn cười gần một tiếng. Mẹ tôi trừng trừng nhìn tôi, tóc tai rũ rượi.

— Mày đi đâu từ trưa tới giờ, hả?

— Con đi chơi.

— Mày nói với ai mà đi chơi. Tao bận chuyện, nhờ mày giặt thau quần áo, trông em. Mày để đó bỏ đi. Nuôi mày lớn để mày ngựa hả?

— Thì má có khách, con ở nhà làm gì.

— Có khách mới cần mày ở nhà. Mày hiểu chưa?

— Con hiền. Nhưng ông khách đòi lên gác với má. Con ở nhà sao tiện.

Không biết tại sao tôi nói được như thế. Ai xui tôi nói chứ đâu phải tôi. Khuôn mặt mẹ tôi đang lên gân để bắt nạt bằng tài mép, mắt bà như vừa tối tăm. Bà sừng ra giây lâu, rồi cười nhạt:

— À, thì ra mày nghe hết.

— Dạ con nghe hết.

— Tốt. Mày kể hết cho thằng dượng ghẻ của mày để nó tổng cổ hết mấy mẹ con ra đầu đường đi ăn mày luôn.

— Con đại gì con kể. Miễn là má để yên cho con sống kẻ với ông dượng ghẻ là được rồi.

Chưa bao giờ tôi dám nói với mẹ tôi lời lẽ đó. Trước đây, mỗi lần muốn nói nặng, tôi nghĩ tới sự đau đớn của bà khi đẻ tôi ra, tôi lại đau nhói, không thốt nên lời. Mẹ tôi vẫn thường kể đi kể lại với bất cứ ai quen biết là khi đẻ tôi bà suýt chết. Chưa đẻ đứa nào đau đớn như tôi. Tôi sinh ra có cái đầu to. Tại mẹ đẻ đứa to đầu nên bướng bỉnh. Bây giờ tôi giám nói như thế, đủ biết câu chuyện buổi xế chiều tôi nghe lóm được đã làm giảm giá mẹ tôi biết chừng nào. Mà không hẳn vậy, tôi cũng giảm giá nữa. Biết đầu thằng cha đó là cha ruột của tôi. Trời ơi, tôi cũng muốn điên lên đây. Con cũng điên lên hưởng hồ gì mẹ. Mà khổ hơn nữa, hai mẹ con điên lên mà không chịu nổi nhau, không thương được nhau.

Mẹ tôi sao không nói gì được nữa. Tôi muốn bà hét lên một tiếng. Mẹ hét được con cũng hét được. Ngọn lửa già đàn ông đã chầm xong khi chiều, và bỏ đi. Chỉ cần vài tiếng hét nữa là tan. Cho nó tan đi. Tan đi cho rồi, tan tành cho rồi... Cái điệp khúc quay đi quay lại trong đầu tôi vô cùng tàn nhẫn...

— Mày đi đi. Mày đừng đứng trước mặt tao nữa.

Đi thì đi. Tôi lặng lẽ bước xuống. Tôi cũng có một chiếc giường ọp ẹp trong căn nhà này. Hai thằng nhỏ cũng trèo lên giường nằm đầu chuyện. Chuyện của trẻ con là chuyện chơi bời, đánh đáo, chuyện lập đẳng mặt nạ trong nhóm nhóc con. Còn tôi, người lớn rồi. Tôi nằm khóc, lăn lộn một mình. Cái điều đang thay đổi trong cơ thể tôi hết sức ghê gớm đây. Tôi phải làm gì. Phải làm gì? Cả mẹ tôi nữa, phải làm gì để thoát?

Ông dượng ghẻ Thượng sĩ không đem tiền về nhà nữa. Bữa cơm bắt đầu hết thức ăn. Mẹ tôi hỏi ông thì ông thủ thật dáo dác, làm ăn còn dễ dàng, ông còn bớt sén, tham những cò con một chút, nuôi nổi mấy mẹ con tôi, nay thì hết rồi, thằng khác ngon hơn, đã tranh chỗ của ông. Ông thủ thiệt luôn ông có vợ dưới quê, đi lính xa nhà, gặp duyên dọc đường cũng hái. Má sắp nhổ dưới quê phong phanh biết ông lập phòng nhì rồi, bắt ông đưa đủ lương về nhà không thiếu một cắc. Thấy không đem tiền về ông cũng vắng vẻ luôn. Mẹ tôi bắt đầu cau có, chửi bới con cái, coi con cái là kẻ thù đã tới trước mặt. Tôi lớn nhất, bướng bỉnh, là kẻ thù chính, mấy đứa em là đồng đảng. Bà kêu rao sao tôi không chịu xin việc làm, con gái lớn tông ngồng ăn hại. Tôi đi xin việc cũng khắp, chỗ nào cũng hứa hẹn thôi. Có lần bà gọi tôi là con đĩ vì bà bắt gặp được chiếc xú cheng đất giá của tôi. Bà chỉ biết đất giá chó bà cũng chẳng đoán được tiền mua bao nhiêu. Và căn cứ vào đó, bà cho tôi là đi làm đĩ mới có được những thứ đó.

Tôi cũng không chối cãi gì. Tôi còn biết nghề nghiệp nào xấu tốt nữa. Chính mẹ tôi, bách thịt đẻ tôi ra cũng không biết tôi con ai. Cái thằng cha vô hình nào đó đã đục kết tôi với một mớ thịt xương cùng linh hồn đầy tội lỗi di truyền. Nhưng không biết cái gì xui tôi cứ làm ra vẻ hơn mẹ tôi, nói là tư cách thì không đúng. Chúng tôi, mẹ và con, làm gì có tư cách nữa.

Thảm cảnh gia đình càng ngày càng trầm trọng. Ông dượng ghẻ báo tin đầy hồi hộp trên được một tuần lễ, thì phái đoàn vợ cả đến nơi. Bà này có máu ghen kinh thiên động địa từ thừa trong trứng. Góp thêm một mớ kinh nghiệm ở đời, phái đoàn của bà giao thiệp hết chỗ chê. Phái đoàn đến vào buổi trưa, chính tôi ra mở cửa cho họ. Bọn họ gồm có năm người, cùng đàn bà, quê hết chỗ nói nhưng lời lẽ thì bay bướm văn hoa. Mời đầu, cái bà gầy nhom, mặt đầy tàng nhang hồi tị:

— Em cho qua hỏi, có bà thượng sĩ Hách ở nhà không?

Thấy bà này ăn nói dịu dàng, tôi cũng lễ phép:

— Dạ có. Thưa bác, bác hỏi có chuyện chi?

Bà đưa tay chỉ phái đoàn, cười vui vẻ:

— Bọn bác là bạn hàng cũ, quen với má cháu. Lâu quá

không gặp, hôm nay tới thăm má cháu đây. Gớm, dạo này nhà cửa đang hoang quá hén.

Tôi nhớ ra mẹ tôi cũng có thời đi bán hàng. Tôi nhanh nhẩu :

— Mời mấy bác vô nhà. Má cháu trên gác, để cháu lên kêu.

— Ừ, được rồi. Cháu ngoan quá. Con gái lớn phải không ?

Tôi cười nói dạ phải rồi lệ làng lên kêu mẹ tôi. Bà đi xuống liền. Khi tôi theo mẹ xuống nhà dưới thì hai cánh cửa đã gài lại. Cả hai mẹ con cùng sững sốt. Người đàn bà mặt đầy tàn nhang đứng lên cười cười :

— Chị nhớ tụi này không ?

Mẹ tôi bước tới gần họ, vẫn ngờ ngác :

— Xin lỗi mấy bà...

— Bộ không nhớ tụi này à. Chà, coi chị dạo này mát da mát thịt quá há...

Mấy bà đi theo cũng cười rần. Tôi nhạc nhiên quá đỗi, tôi vẫn không nhớ gì hết :

— Bà là... xin lỗi, tôi quên rồi...

Người đàn bà mặt đầy tàn nhang bỗng cười gần :

— Nhớ làm sao nổi. Phải không. Tôi giới thiệu cho chị biết luôn. Tôi là vợ ông Hách đây.

Mặt mẹ tôi xanh như chàm, bà lấp bắp :

— Tôi, tôi không biết bà là ai hết... Bà đến đây làm gì...

Người đàn bà trở mặt rất nhanh :

— Mà không biết tao nhưng tao biết mày. Mày là con giết chồng.

Bà đưa tay ra sau :

— Cho nó một trận. Bịt miệng con kia lại.

Mẹ con tôi chưa có phản ứng nào thì mấy người đàn bà đã hè tới. Tôi bị hai bà to béo bẻ quặt tay ra đằng sau, lấy khăn bịt ngang miệng. Mẹ tôi cũng thế, bà bị giữ rịt, một người đàn bà cố sức bịt miệng mẹ tôi, rồi họ lôi trong xách ra sợi dây, trói mẹ tôi lại. Trói tay, bịt miệng xong, người đàn bà mặt tàn nhang mới cùng hai người kia xông lại đánh mẹ tôi túi bụi. Tôi muốn la kêu cứu cũng không la được. Mà hai đứa em tôi, bỏ chạy chơi đầu

rồi. Đứa bé ở trên gác khóc ré lên. Tiếng khóc làm cho người đàn bà giận dữ thêm. Bà túm tóc mẹ tôi giựt từng chùm, miệng chửi rủa :

— Cho mày giựt chồng. Lần này chưa đi nghe không. Đờ già rồi mà ngứa.

Mẹ tôi trợn mắt, ú ớ muốn kêu. Nhưng bà không nói được. Tôi mở lớn mắt nhìn mẹ tôi bị đánh đập mà không biết làm cách nào. Mặc dù oán giận mẹ, nhưng thấy bà bị hành hạ như thế, tôi thương đứt ruột gan. Trận đòn ghen không bao giờ đã tay, người đàn bà cùng hai bà bạn đánh mãi. Hai bà giữ tôi cũng lên tiếng :

— Đánh chết nó đi. Con giựt chồng.

— Rạch mặt nó đi.

— Chị tấn vào đó. Ừ, tấn vào cho nó chết luôn.

Tôi muốn rú lên. Trời ơi. Người đàn bà đã xé hết quần áo của mẹ tôi, và đang cầm thanh củi nhỏ đập vào phía dưới bụng mẹ. Mẹ tôi oằn oại đau đớn, mồ hôi vã ra như tắm. Tôi nhìn thấy máu bật ra, thấy máu là tôi muốn xỉu rồi. Cho tôi xỉu đi để đừng nhìn thấy cảnh đó nữa. Sao mẹ tôi lại chịu tội trước mắt đứa con gái. Sao tôi phải chứng kiến cảnh nát lòng kia ? Nước mắt tôi ứa ra. Mặt mẹ tôi cũng rần rụa mồ hôi với nước mắt.

Người đàn bà mặt tàn nhang cười gần, mặt bà ác như quỷ :

— Cho mày tồn.

Bà ngấm nghĩa, thở ra :

— Thôi tha cho nó.

Họ cầm xách, cầm khăn. Hai bà thả tôi ra, vẫn đề khăn bịt chặt miệng tôi. Mấy bà hề nhau ra cửa. Đề cho hàng xóm khỏi để ý, mấy bà còn cười chào âm ỉ :

— Thôi tui về nghe chị.

— Chào nghe.

Tiếng cười của mấy bà xa dần ngoài ngõ. Tôi lết tới bên mẹ tôi. Bà đã lả người đi, máu rỉ ra ở cả mũi, cả miệng. Tôi đưa tay tháo khăn bịt miệng cả hai mẹ con, rồi trối cho mẹ. Tôi muốn la cầu cứu, nhưng mẹ tôi đưa tay và ra dấu đưa mẹ tôi đi nằm. Tôi đưa bà vào giường tôi, lau vết máu cho bà. Trận đòn như tử không làm mẹ chết, nhưng chắc làm bà ốm đến chết. Tiếng cười

của mấy người đàn bà đánh ghen cứ xoáy trong đầu tôi, vang bên tai tôi bắt đầu từ đó.

Phải, bắt đầu từ đó tôi sống như con điên con khùng. Chẳng còn gì gió trăng, thơ mộng của tuổi con gái. Cái điên ghê gớm cũng đã thực sự chui nằm gọn trong bụng tôi. Một con người như tôi nữa đang thành hình, nó cũng sẽ chẳng biết cha nó là ai, và chắc chắn nó sẽ tiếp tục thảm cảnh như tôi đang chịu. Cái gì cũng có định mệnh nhưng tay vào hết, khi mới bắt đầu có sự thay đổi, tôi đã uống cả chục thứ thuốc mạnh để trục ra, tôi cũng có ý định nhờ một bà chuyên môn nào đó giúp tôi phá hồn máu oan gia đó. Nhưng thuốc chẳng ăn nhằm gì, vì tôi hèn nhát, sợ chết, mà đi tìm tôi, nhờ chỉ dùm một bà chuyên môn thì tôi không dám mở miệng hỏi ai, hồn máu cứ lỳ lợm kỳ khôi trong bụng.

Gia đình tôi từng thiếu đến lúc hết thuốc chữa. Tôi đã dám một mình đi tìm ông dược ghê ở đồn lính. Tôi gặp ông, nhưng ông ca rằng :

— Dược cũng thương mẹ con con lắm, nhưng con vợ của dược nó dữ quá trời, dược mà còn lui tới nữa thì mẹ con con cũng khổ.

Ông thượng sỹ đã già lắm rồi, khi nói chuyện với tôi, mắt ông lăm lăm lét như sợ ai bắt gặp về mách lại với sư tử. Mặt ông tái nhách và tay chân ông bắt đầu bị bệnh run. Ông ca đi ca lại những câu trên làm tôi muốn điên tiết. Nhưng tôi làm sao đáp cho ông một đáp được. Bà vợ ông đã rề rề bên cạnh ông để canh giữ. Với lại mẹ tôi, sau trận đòn ghen, chả còn gì quý báu cho ông lui tới thăm viếng nữa. Ông nói khi nào tiện ông sẽ ghé thăm sắp nhỏ (những đứa nhỏ mà ông tin tưởng là con ông). Tình đời đen bạc mà tưởng cái lương nào cũng có nói. Tôi bất lực chờ đợi sự bùng nổ. Thế nào tôi cũng nổ tan như xác pháo. Mà tau như xác pháo là cái chắc. Tết nhất sắp tới nơi rồi, gia đình tôi mừng xuân bằng bánh pháo to nhất, sẽ có người tự đốt mình để châm ngòi pháo.

Nhưng chuyện đó còn trong sự chờ đợi. Bây giờ có chuyện không chờ đợi được là cơm áo. Tôi nghĩ tới Hoành và đi tìm chàng. Căn phòng nhỏ trên một bin-đỉnh, gần máy lạnh, tiện nghi.

Buổi trưa nay tôi tới đó để tìm quên được. Những món quà đã hết đất giá, nhưng thà có còn hơn không. Tôi gõ cửa, Hoành lộ đầu ra, trông thấy tôi, hần đóng cánh cửa lại phía đằng sau lưng, giọng thiếu vui vẻ :

— Em đến có chuyện gì không ? Sao đến mà không hẹn trước ?

— Bộ những lần khác tôi có hẹn. Tôi cầu kính bậm môi lại. Hần cười mơn :

— Thôi em về đi. Chiều mai mình hẹn ở đây. Hôm nay anh bận.

Trước khi đóng cửa, hần còn nói với :

— Em cần gì không ?

Tôi quay đi. Nhưng ra tới cầu thang tôi đứng lặng người ở đó. Tôi đã bị xối bao nhiêu gáo nước lạnh lên mặt mày như thế rồi. Đời đen bạc với tôi quá, nhưng tôi đâu có thủy chung gì cơ chứ. Thôi bước đi, xuống khỏi đây và lúc nào thật cần hãy trở lại. Tôi đưa tay sờ bụng mình. Mày sinh ra bởi ai ? Đứa nào ? Không biết. Nó đang là của tôi đây mà. Của tôi. Của tôi. Tôi hậm hực đi ra ngoài đường. Nặng buổi trưa làm tôi hoa mắt. Tôi cũng không muốn về nhà lúc này nữa. Thằng đàn ông kia lại đến. Nó còn muốn hành hạ gì mẹ tôi nữa. Mà mẹ tôi, bị ông thượng sỹ thả ra sao còn đeo lấy hần làm gì. Hần không có tiền, không có tình nết, chỉ có đặc máu thuốc phiện. Giọng cười của hần thả rông trong căn nhà càng ngày càng rỗng, giọng cười của hần đuổi theo tôi cùng khắp bữa ăn, giấc ngủ, lúc đi đứng. Tôi mở cái ví nhỏ, còn vài chục bạc lẻ. Tôi lên xe lam đi tới nhà Mạnh.

Tôi đứng ở bên ngoài căn nhà chàng thật lâu. Tôi sẽ nói gì với chàng ? Lâu quá tôi không đến và chàng cũng không tìm kiếm. Không ai dai gì ngồi nghe một đứa con gái khóc lóc, kể lể rên rỉ, không có tình yêu nào bền vững nhờ nước mắt, nhờ sự khổ đau. Tôi lại đặt tay lên bụng. Còn đứa nhỏ này nữa, đứa nhỏ này là một hy vọng. Nhưng tôi lại bàng hoàng, giọt máu này có đúng của chàng không ? Tôi chỉ là một con đàn bà gian dối. Tôi ăn cả đời chưa hết tội lỗi. Xấu hổ, hèn hạ, khiếp nhục như thế, rồi tôi cũng gõ lên cánh cửa nhà chàng.

Mạnh đỏ. Ánh mắt chàng nhìn tôi cũng sững sờ, nhưng nụ cười đã như kẻ lạ.

— Vào đây. Nhiên.

Chàng kéo ghế, cử chỉ cũng có sự cố gắng để tự nhiên. Và chàng vẫn hỏi trước :

— Sao lâu nay em không tới ?

— Lâu nay...

Tôi không biết nói tiếp câu gì. Chúng tôi lại ngồi im lặng. Chắc chàng hy vọng hôm nay không phải trông thấy nước mắt. Nhưng nước mắt đã ứa ra rồi, tôi không chịu đựng được sự im lặng. Và lạ quá, chỉ có ở bên Mạnh là tôi tủi thân :

— Sao em khóc, Nhiên ?

Và chàng buồn bã :

— Anh không hiểu sao cứ trông thấy anh là em khóc.

Không ai hiểu tôi hết, chính tôi, tôi cũng còn không hiểu tôi nữa là. Những cơn điên khủng cứ tự nhiên kéo tới, tung hoành trong đầu óc tôi, chạy rần rần trong máu thịt tôi. Những giọt nước mắt thành thật với tôi nhưng giả dối với mọi người. Cầm nước mắt lại đi, đừng đóng trở nữa. Mạnh đã muốn nóng nảy bỏ đi. Tôi nức nở :

— Em khổ quá.

Mạnh ngó tôi, không có ý nghĩa nào trong nụ cười buồn :

— Nhiên bình tĩnh nghe anh nói đây. Đừng khóc nữa.

Tôi lau nước mắt. Có lẽ khuôn mặt tôi thiếu não lắm, cái vẻ phiền nhiễu đó làm ánh mắt chàng chán ngắt. Tôi đã hết còn là một đứa con gái xinh đẹp, trước mặt Mạnh, tôi chỉ là một khối khổ đau ai cũng muốn xa lánh.

— Chúng mình sắp hết làm khổ nhau rồi. Anh sắp đổi đi xa. Có lẽ thế hơn, anh hết thích làm linh kiêu.

Tôi tưởng như xỉu ngay tại chỗ được. Như vậy là Mạnh quyết định rồi. Chàng chán tôi tới độ không còn muốn nhìn mặt tôi nữa. Tôi hiểu lắm, Mạnh dúi mũi gì mà không nhìn ra được những điều nhỏ nhằng tôi đã làm với người khác. Nước mắt tôi lại muốn chảy dàn dụa. Nhưng đừng có khóc lóc nữa, không còn ai thương xót nỗi mày râu. Tôi cần mỗi đến rơm máu. Trước mặt

tôi, Mạnh vẫn ngồi, bình tĩnh, dứt khoát và nguội lạnh. Con điên tôi cứu tôi kịp lúc. Tôi không nhớ hết là tôi nói gì với chàng. Nhưng tôi đã đổ quá nhiều nước mắt. Tôi phanh bụng tôi cho chàng nhìn : Con anh đó. Nụ cười của chàng nhạt nhẽo làm sao. — Cô đừng có đóng trở. Tôi nhảy chồm chồm, tưởng có thể nuốt sống Mạnh được.

— Đờ khốn nạn. Mày tưởng mày bỏ tao được sao ?

— Rồi em làm gì ? Bình tĩnh lại đi, Nhiên. Tôi làm gì ? Ở nhĩ, tôi làm được gì kia chứ ? Tôi đứng lặng thinh, nhưng cơn điên không tha thứ cho chàng. Con điên nhắc cánh tay của tôi lên tát vào má chàng. Tát hụt, tôi nghiêng rằng, cơn giận dữ bị cắn đau vùng mạnh :

— Đờ khốn nạn. Đờ bạc..

Bạc như vôi. Bạc như vôi. Câu nói đó đuổi tôi ra khỏi căn nhà của mạnh. Nước mắt nước mũi tùm lùm. Tôi ngơ ngáo như con mẹ điên. Nhiều người đi đường ngó tôi như ngó một con vật lạ. Tôi đưa tay áo chùi nước mắt, cơn điên đã rời khỏi tôi rồi. Bây giờ, tôi bình tĩnh kỳ lạ. Tôi bắt đầu nhìn thấy cây cối, đường sá, xe cộ. Tôi vội vã gài hàng nút áo bung ra ở bên hông. Tay tôi đụng nhẹ vào bụng, bàn tay vô cùng ngơ ngác : Mày con ai ? Và tôi nữa, tôi con ai ?

Mọi tiếng động quanh tôi rộ lớn lên, chế nhạo.

Căn nhà của tôi chưa cháy. Nó như vẻ khiêu khích giỡn mặt với tôi. Tôi đẩy cửa, nhà vắng teo. Mấy đứa nhỏ quý sư mất mặt từ sáng tới tối, chẳng lúc nào có nhà. Chắc mẹ tôi đang ở trên gác với đứa nhỏ. Đứa nhỏ là một đứa con gái, tôi bàn tiện rửa cho nó khổ gấp đôi tôi để trả nợ cho mẹ.

Tôi nằm vật ra giường, để nguyên cả quần áo dài. Lúc này muốn khóc tôi cũng không khóc được nữa. Bụi bặm đã dính khô những giọt nước mắt. Tôi phải đi rửa mặt cái cho nó tỉnh táo, rồi muốn ra sao thì muốn. Nước lạnh làm tôi thấy dịu trở lại.

Lúc ra nhà ngoài gài cửa để trở vào đánh một giấc, tôi bỗng trông thấy những mẩu thuốc đập tắt giữa nền nhà. Cơn giận của tôi lại bùng bùng nổi dậy. Lại cái thằng đàn ông đó. Tôi lên căn

gác gỗ, muốn được như một nữ hiệp khách trong phim kiếm hiệp, đưa một tay đập mạnh, căn gác sập tan tành. Nhưng chắc giờ này hẳn đã đi vì tôi nghe thấy trên căn gác yên tĩnh lắm. Mẹ tôi chắc đã đuổi tay đuổi chân ra mà ngủ. Chắc vậy, vì đứa nhỏ bắt đầu khóc. Nó khóc như vậy thường quá, mà bà ngủ như chết, còn khuya mới nghe. Tôi vùi mặt vào gối, che được tiếng khóc đỡ nhưc tai chừng nào hay chừng đó.

Nhưng cái con lỏi tỳ càng lúc càng khóc dữ dội. Trời ơi, bộ bà mệt chết ngất rồi sao. Tôi muốn trông thấy cái mặt bà lúc đó quá, trông thấy rồi, để sự ghét bỏ, thù hận của tôi đỡ cần rút lương tâm. Tôi vùng dậy, xô chân vào dép, kéo chân thật mạnh từ dưới nhà lên căn gác gỗ. Mẹ con lại đụng độ, ác chiến xảy ra. Thà thế còn hơn lặng câm với nhau như thế này, trong lúc bà ngủ tôi lại chịu đựng tiếng khóc của con lỏi. Để coi, chuẩn bị đợi tiếng chửi mắng.

— Khóc gì mà khóc như cha chết mẹ chết vậy ?

Chưa thò đầu lên khỏi, tôi đã gắt âm lên. Như thế, chỉ thò đầu lên tôi là tôi đón ngay tiếng chửi rửa. Nhưng không có gì hết vẫn chỉ tiếng con nhỏ nghe bước chân người càng gào khóc dữ dội hơn. Tôi bước mạnh lên, và trời ơi, cái cầu thang gỗ như bị ai cưa bên dưới, đang từ từ sụp xuống.

Tôi nhảy phóc lên khỏi cầu thang, cái cầu thang không đỡ mà tôi đang từ từ đổ xuống. Mẹ tôi, bà không nằm ngủ trên giường, mà bà đang treo cổ tòn ten trên sợi dây thừng. Mắt bà nhìn tôi thách thức, lưỡi le dài dụa nạt. Vừa kịp nhận ra hình ảnh ghê rợn đó, tôi đã ngất đi. Nhưng tôi tỉnh lại rất mau. Tỉnh lại và biết hết mọi chuyện. Tôi vội ôm lấy đứa nhỏ chạy thoát xuống nhà, tung cửa la tiếp cứu. Hàng xóm chạy tới chật nhà. Hai thằng nhỏ nghe la cũng chạy về, tôi giao em cho một đứa rồi theo mọi người lên gác. Mẹ tôi được mọi người tháo xuống, nhưng bà hết thở, hết biết khổ đau.

Tôi muốn thật bình tĩnh, muốn đừng khóc. Nhưng không được. Nước mắt tôi như mạch suối chảy mãi không bao giờ ngừng. Tôi đứng xa mẹ tôi, giương mắt mà ngó. Mẹ quả thật bạc như vôi. Mẹ chia đều cho con cái cả một gánh khổ đau để lại.

Tôi ngồi bệt xuống sàn nhà, người nhẹ hều như không còn thịt da gì hết. Tôi khóc lâm ly, mà rõ ràng tôi khóc cho cái gì đâu chứ không phải vì mẹ. Mẹ tôi còn đồng thịt nằm đó, bà bạc như vôi. Tôi oán hận bà ngất trời xanh.

— Thôi đừng khóc nữa cháu. Nín đi để lo cho má chớ.

Tôi không buồn nhìn ai vừa nói đó. Mặc kệ họ, mặc kệ tôi. Để tôi khóc tôi cho đã đã.

— Đi tìm ông thượng sĩ về. Ai biết ông ở đâu không ?

— Hồi cô Nhiên. Cổ kh'c không à. Khóc hoài, dậy mà lo chớ.

Dậy mà lo. Tôi còn muốn nằm dài ra giữa nhà mà khóc đây. Lo cái gì nữa, lo là lo cho tôi đây này. Cút hết đi. Tôi muốn thét lên như thế để xua đuổi, nhưng nghĩ tới cái thầy ma còn nằm cứng đơ ra đó, tôi hết can đảm nói nổi.

Bên tôi thẳng nhóc cũng khóc, rồi đứa nhỏ cũng khóc.

Một người hàng xóm thở than :

— Thiệt chị thượng sĩ bạc phước quá. Con với cái thế này.

Bà quay lại nạt :

— Thôi tui bây đừng khóc nữa. Xuống dưới nhà hết đi.

Mấy người khác đỡ tôi dậy, dỗ dành :

— Nín đi. Nín mà tôi vuốt mắt cho má đi.

Tôi bị kéo tới bên giường mẹ tôi. Bà nằm đó, mắt trợn ngược nhìn tôi trừng trừng. Má ơi, má chết trước khi đẻ con ra có phải đẹp đẽ không ?

Mẹ tôi có nghe không vậy ? Cả khuôn mặt bà như vừa chuyển động và máu bỗng trào ra mũi tươi rói, đỏ au. Mọi người hoảng kinh lùi lại, lúc đó tay tôi còn đặt trên mắt bà. Khi tôi rút tay ra, mắt bà đã nhắm lại.

— Má.

Tôi khóc nức lên. Từ bao năm, đó là tiếng gọi má thành thật nhất, đúng nghĩa nhất của tôi đối với bà. Tim tôi cũng như vừa vỡ bung ra, và máu bỗng chảy loạn xạ, chảy cả trong mắt. Má. Tôi muốn gọi tiếng thứ hai cũng không được nữa. Cõi lòng tôi đã tê cứng bạc bẽo.

— Tôi có phải là con ông không ?

Tôi hỏi và chờ đợi ông ta trả lời. Nhưng hắn vẫn ngồi im lặng. Hắn không nhìn ai hết. Trông hắn bệ rạc nhiều, con thêm thuốc đã làm cho vẻ mặt hắn dần dần.

— Ông trả lời đi. Có phải tôi là con ông không ?

Hắn đưa cặp mắt lơ đãng ngó tôi. Hắn không trả lời câu tôi hỏi mà giọng tiếc rẻ :

— Má chết được mấy hôm rồi.

— Ông hỏi làm gì. Ông trả lời tôi đi chứ.

— Hỏi gì ?

— Tôi hỏi tôi có phải là con ông không ?

Hắn lại ngó tôi, mắt nhướng lên như muốn nhìn cho rõ và cố vượt com thêm thuốc đang hành hạ hắn. Hắn chậm rãi :

— Tôi không biết. Sao không hỏi má.

— Bà không biết.

— Vậy thì chịu.

— Ông có biết ai là cha tôi không ?

Hắn trả lời :

— Hồi bà có bầu thì khách tới tùm lum, bà có ở với người nào đâu mà biết. Khi thì bà bảo với tôi, khi thì bà bảo với người khác. Ôi, mà em thắc mắc làm gì, biết con bà là được rồi.

— Ông còn bà nào như má tôi nữa không ?

— Để nhớ. Chắc có mà tìm chưa ra.

Tôi đứng lên :

— Vậy thì ông rút ra khỏi nhà tôi mà đi tìm đi. Nếu tôi biết tôi là con ông thì...

Tôi quăng con dao mài sắc bèn ra bàn. Người đàn ông thất thần, hốt hoảng đứng dậy. Tôi chỉ tay ra cửa :

— Ông rút đi.

Hắn đi như chạy ra cửa. Ra tới cửa hắn còn quay lại coi tôi có đuổi theo không rồi chạy nữa. Tôi đóng cửa lại, ngồi thừ ra bàn. May mắn hắn không nhận hắn là cha tôi. Hắn nhận chuyện gì sẽ xảy ra đây. Tôi cầm con dao lên ngắm nghía. Con dao này dành cho những kẻ bạc bẽo. Mày cũng bạc như vôi,

Nhiên ơi. Con dao bỗng sáng rực, lóng lánh, kẻ bạc bẽo đang ở trước mặt nó làm sao nó không biết. Nhiên hốt hoảng quăng con dao xuống đất.

Bên hàng xóm, ai đang hát một bài vọng cổ hận kẻ bạc tình. Tôi lại đưa tay lên bụng xoa xoa : Mày con ai ? Mẹ, con con ai ? Tiếng của tôi hỏi quá khư và tiếng của bào thai sẽ hỏi tương lai. Tôi nghi ngờ cả ông Trời cũng không biết. Vì biết, sao tôi kêu ông tới mỗi miệng mà ông không chỉ.

Vậy mà tôi vẫn sống được. Lũ em cầu bơ cầu bắc của tôi cũng sống được. Ông thượng sĩ biệt tịch luôn. Tôi làm đủ thứ để sống, tôi biết thêm là thế nào cũng sống được.

Nhưng ai nói trái tim đỏ hồng tôi không tin. Trái tim tôi bạc trắng như vôi từ bao giờ.

nhã ca

Mặc Đỗ

Thư của một người lối xóm nhiều sự

Qua sự trung gian của một tờ báo một hôm tác giả nhận được bản sao bức thư của một ông giấu tên viết cho một bà trong lối xóm của ông ta. Nội dung bức thư phát giác nguyên ủy một thảm kịch tình yêu. « Người lối xóm nhiều sự » chẳng hiểu vì cảm tình hay vì ghét tác giả, trên mảnh giấy đính kèm không nói rõ, chỉ viết: « Tôi thấy ông lâu không viết chắc là bị đề tài lắm, tôi gửi ông bản sao bức thư lối xóm mới viết cho một bà không quen trong lối xóm để gỡ bí cho ông, ông có thể dùng làm đề tài mà viết. » Mảnh giấy không ký tên, không có địa chỉ. Tác giả nhận thấy cứ nguyên văn bức thư đã đủ thành truyện rồi, chỉ cần chụp cho nó một cái mũ là xong. Ấu cũng là một cách gỡ bí, đúng như ý muốn, xấu hay tốt, của ông bạn không quen.

« Sài Gòn ngày 14 tháng 4 năm 1971.

Thưa Bà, trước khi cầm bút viết thư này tôi đã đắn đo lắm, tự chê là nhiều sự, khi không can thiệp vào một việc mà dư luận đã quên đi và chính bà, người ở trong cuộc, có lẽ cũng đã xếp kỹ vào một xô xỉnh kỷ niệm nào rồi. Nhưng tôi đã vượt thắng được sự tị hiềm vô lý. Thư này, nếu được coi như một can thiệp, chỉ

hàng chạm tới một cá nhân, đó là bà. Theo tôi nghĩ, bà không được quyền quên. Có khơi dậy cái nhớ nơi bà vụ can thiệp không tàn nhẫn lắm.

Lý do thứ hai là cần thiết tôn trọng sự thật. Như bà đã biết hơn ai hết, cái chết của người tuổi trẻ kia đã bị gia đình và báo chí biến thành một huyền thoại hoàn toàn sai lệch với sự thật. Tệ hại hơn nữa, đã có những nhà văn nín lấy huyền thoại mà khai thác, vận dụng tài kỹ thuật đem sự thật từ chóp núi xuống tận đáy biển. Sự thật, nhất là sự thật liên quan đến cái chết bạo của cậu bé, không thể bị bóp méo, để tủi cho anh hồn của ai kia còn phảng phất đâu đây.

Lý do thứ ba là tình yêu tuyệt vời. Vì những tâm thương của con người, đã bao đời nay tình yêu bị chà đạp, vùi dập lẫn với đủ thứ xúc cảm. Thế nhân nói đến yêu như ca tụng một khoái cảm có thể bỏ tiền ra mua dễ dàng. Truyện tình yêu được truyền tay nhau như những cuốn sách bán chạy nhất. Trong khi tình yêu trọn vẹn, toàn bích giống như bông hoa dại ở giữa rừng, để mấy ai đã có công — và có duyên — tìm được tới đề mà gặp. Tình yêu của người tuổi trẻ đó là một tình yêu trọn vẹn. Không ngại tự khoe, tôi đã gần mãn đời mà còn cô độc vì kiếm hoài không thấy được tình yêu. Tôi không có quyền không biện minh cho tình yêu khi bắt gặp một kiểu mẫu tình yêu.

Tôi là người lối xóm, cửa sổ căn phòng của tôi có thể tò mò nhìn thấy nhiều sự việc mà nhà khác muốn giấu kín. Là kẻ gần mãn đời đi tìm tình yêu, tôi không thể thờ ơ không quan tâm hạnh phúc của kẻ khác. Đã từ lâu tôi theo dõi hạnh phúc của bà và người tuổi trẻ. Cái tật soi mói của tôi chắc bà cũng hiểu cho. Dù sao người cô độc cũng biết tự trọng, chỉ kín đáo chứng kiến hạnh phúc của kẻ khác và thả cho tưởng tượng thêm hoa vẽ gấm của người khác. Đứng ngoài tình yêu nhưng đọc sách và suy ngẫm tôi cũng biết rằng tình yêu có nhiều hình thái, có thứ tình yêu đẹp đôi lứa vừa lứa, có thứ tình yêu trái khoáy mà cũng vươn lên tới tốt đỉnh. Tôi là kẻ trời bắt dị thường — gần mãn đời chẳng gặp tình yêu — cho nên dễ liên tưởng với những trường hợp dị thường. Hạnh phúc giữa bà và người tuổi trẻ kia phải là một

trường hợp dị thường. Con mắt tò mò của tôi thành ra được tha thứ đến hai lần.

Tôi tò mò theo dõi hạnh phúc bên lối xóm như người một mình ở trong phòng thủ dâm để tìm thỏa mãn. Tôi cứ tưởng hạnh phúc ở bên kia sẽ kéo dài mãi và bất mền hai người có hạnh phúc đó. Tôi biết rõ gia thế, hoàn cảnh người sương phụ đang có hạnh phúc. Tôi cũng tìm biết về người tuổi trẻ đã tìm thấy hạnh phúc. Tôi biết rõ gia thế và cá nhân của chàng trai thường ngày kín đáo tìm đến tối ẩm. Cứ ngỡ gương mặt tuổi trẻ những lúc tình cờ chạm trán nơi đầu hẻm cũng thấy rõ ràng cậu ta đang giam giữ được con chim tình yêu trong lồng ngực.

Có lẽ tôi sẽ không quá dài dòng vô ích nếu nói ra đây quan niệm của tôi về tình yêu. Nói ra để bà hiểu cho tôi hơn và hiểu cái lẽ tại sao tôi vô cớ can thiệp. Tôi không chủ trương như số đông, có tình yêu thanh cao và tình yêu ăn dục. Chỉ có một thứ tình yêu mà thôi, ngoại giả là không phải tình yêu. Tôi lấy một thí dụ trong văn chương Việt Nam cho gần : Trong một truyện của Nhất Linh, người yêu con gái bàn hoàn tình yêu khi trong lòng chiếc thuyền câu lỏm người yêu con trai lần đầu tiên đặt bàn chân không của mình đề lên bàn chân không của bạn Tình yêu tuyệt vời đã đến sau một tiếp xúc quyết định, đến sau bao nhiêu to nhện dăng mắc phất phơ từ nhiều ngày trước. Đó là một hình thái của tình yêu. Nhưng tôi cũng thấy vẫn là tình yêu chẳng hạn nơi những gì đã xảy ra trong bao lâu ở bên trong căn nhà lối xóm tôi không nhìn thấy nhưng tưởng tượng được ra, tình yêu có thể thăng hoa trên giường nệm miến hai người trong cuộc đang là người yêu. Luân lý, khuôn phép, lễ giáo can dự gì vào đó nhỉ, nếu hai người yêu nhau chân thành ? Đừng ai bắc lên cần, bảo rằng hai người trai gái chỉ nhìn nhau không thôi, nắm tay nhau e ấp, đã yêu nhau hơn hai người trai gái trần truồng ở trên giường. Không ai biết được hết, chỉ có hai người biết với nhau rằng mình có yêu hay không, có thật yêu hay không, hay chỉ lấy yêu làm cái cớ. Riêng tôi tin chắc người tuổi trẻ thường ngày kín đáo bước vô căn nhà lối xóm là một người yêu.

Đột ngột tới bữa đọc báo thấy tin người tuổi trẻ tự tử chết, tôi đã mất cả ngày loay hoay tìm hiểu. Tại sao cậu bé đã tìm cái

chết giữa lúc vui đùa trong hạnh phúc ? Tôi càng không hiểu, thấy ngay tối hôm xảy ra vụ đó đèn bên nhà lối xóm vẫn sáng, sinh hoạt xem ra vẫn bình thường. Tại sao có thể như vậy ? Hay bấy lâu tôi đã bị lừa, chẳng có yêu thương gì hết chọi ? Tất cả chỉ là cái cớ, riêng tôi ngu muội quá tin, quá giàu tưởng tượng ?

Rồi sau đó, gia đình người tuổi trẻ đầu tiên cho báo chí theo dết căn cứ trên mảnh giấy có vấy máu tìm thấy bên cạnh xác chết của cậu bé vói, xiên từ bụng lên tới ngực, cây gươm samourai của một người Nhật thất trận ngày nào lưu lạc tới treo trên tường nhà người tuổi trẻ. Mảnh giấy có nguệch ngoạc mấy hàng chữ viết vói : « Tôi tìm hiểu mãi thế nào là can đảm, hôm nay tôi đã hiểu. Tôi phải chết. » « Gia đình người tuổi trẻ cho biết từ khi nhập môn triết học (cậu bé mười bảy) y không ngớt khắc khoải với những vấn đề tìm thấy trong sách. (Tôi xin phép mở một dấu ngoặc để thưa vói bà tại sao tôi cần nhắc lại trong thư này những gì mà báo chí hồi đó đã theo dết tùm lum. Cứ như điều tôi đã khám phá thấy gần đây, tôi không tin rằng bà đã mất công theo dõi những gì người ta viết về người tuổi trẻ đó. Tôi cần nhắc lại để bà biết). Bằng chứng trên mấy hàng chữ khó hiểu, chắc hẳn những hiểu và biết mới mẻ về sự sống đã đưa cậu bé tới những suy luận chỉ có thể giải quyết bằng cái chết ! Tôi là người tìm hiểu, tôi thú thật hồi đó đã vô cùng nhức đầu khi bắt buộc phải đọc cho biết đủ, biết hết, mọi dự phóng trên báo chí chung quanh cái chết thảm của người tuổi trẻ. Có một bữa, nhức đầu quá, tôi đã tỉnh phát giác cho một báo nào những gì tôi đã biết về một phần cuộc đời người tuổi trẻ. Vì tôi tự hỏi, các phóng viên đã sục sạo như vậy tại sao tuyệt đối không biết đến những buổi chiều đi gặp tình yêu của cậu bé. Nhưng nghĩ lại tôi thấy tôi không có quyền. Hơn nữa cũng bởi tôn thờ tình yêu, tôi không dám xúc phạm tới một ai mà tôi cho rằng đã có hạnh phúc một ngày gặp được tình yêu, nhất là người đó đã chết.

Hết báo chí tới văn nghệ đua nhau khai thác vụ khắc khoải đi tìm ý nghĩa cuộc đời của người tuổi trẻ đó. Tôi theo dõi báo chí, tôi cũng theo dõi hết những sản phẩm của rung cảm và tưởng tượng, nhưng tôi vẫn bất mền. Nhiều đêm tôi ngủ không được vì cứ loay hoay với thắc mắc : Không phải thế, nhất định không phải

thế. Nhìn vào những bức chân dung người tuổi trẻ qua những trang báo và trang sách, chân dung vẽ trên đủ thứ nền tùy theo cảm hứng với phảng phất những Chúa, Phật, Lão, Trang và cả ông Mác nữa, nhìn vào những bức chân dung cảm tưởng của tôi không khác khi nhìn chân dung Trần Hưng Đạo trên tờ giấy bạc, tôi không thấy rằng đó là thật. Căn cứ vào đâu mà bảo rằng thật? Gia đình người tuổi trẻ đã chắc hẳn được y chăng?

Không quen biết bao giờ người tuổi trẻ cũng như gia đình, ôi lại nuôi tham vọng hão huyền làm cách nào tìm hiểu được tại sao đang yêu cậu bé lại bỏ đi tìm can đảm, như những lời viết vội trên mảnh giấy.

Mãi cho tới hôm gần đây, do một tình cờ thậm chí vô lý, tôi đã biết được sự thật qua một người bạn của cậu bé. Tôi dạy học tại một học hiệu công, bạn của cậu bé là học trò của tôi. Cậu học trò này thi rớt tú tài năm ngoái, năm nay tới năn nỉ tôi gợi gẫm với các bạn để khỏi thi rớt nữa. Tôi trả lời không biết gợi gẫm ra sao vì thi viết làm sao mò ra bài thi để chấm gian lận được. Bị phần cậu học trò bảo tôi, nếu thầy không giúp con, thi rớt nữa con dám như thằng... (1) đâm một gươm xỏ ruột con chết. Cậu bé nói tới tên người tuổi trẻ làm cho tôi chú ý, vì tôi vẫn chưa bỏ ý muốn tìm hiểu. Tôi hỏi cậu học trò có quen chàng trai đó sao. Cậu học trò đáp không những chơi thân mà còn biết rõ đầu đuôi tại sao y tự sát. Vì ham hiểu, tôi đã tạm dẹp lương tâm chức nghiệp sang một bên, đổ dành cậu bé nếu nói cho tôi biết rõ tôi sẽ cố gắng giúp cho thi đậu (May mắn cho tôi, chẳng giúp đỡ được gì nhưng năm đó cậu bé cũng đậu!). Những phát giác hôm đó là động cơ chính buộc tôi phải viết thư này cho bà.

Tôi chăm chú nghe câu chuyện cậu học trò kể lại khi chiều hôm đó cùng với cậu bé kia về nhà và mọi việc xảy ra cậu học trò bạn đứng ngoài sân nghe rõ hết và sau đành nín lặng không dám nói ra với ai vì thương bạn. Đánh đổi hy vọng chắc chắn thi đậu cậu bé tiết lộ với tôi là người duy nhất. Nghe kể tôi vẫn chưa tin nên đã mất ngủ một tuần lễ dò la để biết thật chắc chắn

(1) Trong bản sao bức thư chỗ tên người đầu bỏ trống, thay bằng ba dấu chấm. (Tác giả chú thích)

hai người trước kia có là bạn với nhau. Đây là sự thật những gì đã xảy ra và bà là người có mặt, chắc bà không thể không xác nhận là đúng.

Khi cậu bé bước vô phòng khách bỗng thốt một tiếng la lớn làm cho cậu bạn đi sau vội lùi lại không dám bước theo. Cậu bé thốt lên một tiếng hoảng hốt vì trông thấy bà đang ngồi nói chuyện với mẹ cậu, hai người đang to tiếng cãi vã nặng (theo lời cậu bạn, cãi cọ chuyện tiền bạc chi đó, hai bà gọi nhau chị với tôi). Nghe tiếng la hoảng hai bà nhìn ra, im tiếng. Cậu bé đứng trân ra đó suy nghĩ trong mấy phút, rồi bỗng chạy lại quỳ xuống bên, gục đầu vào lòng mẹ khóc. Bà mẹ kinh ngạc, nhấc đầu con lên, hỏi: « Có chuyện gì con nói cho Má nghe? » Cậu bé vẫn ôm lấy chân mẹ, ngẩng đầu lên nói: « Con xin Má, con lạy Má, Má là con chứ Má đừng la... (1) Con yêu..., ... là lẽ sống của con, con lạy Má, Má đừng la... » Bà mẹ kinh ngạc, hết ngó con lại ngó người bạn ngồi bên, không thể hiểu. Cậu bé nhấn mạnh một lần nữa: « Thưa Má, con đã yêu... đây, hai đứa chúng con đã yêu nhau. »

Thưa Bà, chắc bà không thể đã quên và không xác nhận rằng khi thấy cậu bé chỉ đích danh bà lần thứ hai bà vội bật dậy, la lớn: « Trời đất ơi! thằng nhỏ này nó điên rồi, chị ơi! Mặt mũi tôi như thế này mà nó bảo rằng tôi yêu nó! Tuổi tác của tôi chừng này mà tôi đi yêu một thằng nhỏ hỉ mũi chưa sạch như vậy ư? » Cậu học trò của tôi kể lại rằng, từ nãy cậu bé vẫn quỳ dưới chân mẹ, khi nghe thấy bà la lối như vậy cậu ta đứng lên, gương mặt tái xanh gần như trắng bệch, cậu bé cứ đứng đó mà ngó bà trân trân, không nói năng chi hết. Rồi cậu bé vụt chạy ra ngoài. Cậu bạn thấy sự thể gay cấn, thẳng bạn đã bỏ chạy đi, nên lĩnh ra về, không ai biết. Cậu ta có nói thêm khi đó thấy gương mặt của bà vẫn tươi tỉnh như không, còn tiếp tục phân trần với mẹ cậu bé, cứ nhất định bảo rằng cậu bé khùng điên. Tuy chơi thân với cậu bé kia nhưng cậu học trò của tôi không biết những quan hệ giữa bà với bạn mình. Mãi sáng hôm sau cậu học trò của tôi mới hay tin bạn đã tự sát.

(1) Trong bản sao bức thư chỗ tên người đầu bỏ trống, thay bằng ba dấu chấm (Tác giả chú thích).

Câu chuyện do cậu học trò kể lại đã soi sáng trọn vẹn cho tấm thảm kịch, tôi không thể không tin. Bấy nhiêu chi tiết đủ giải thích tại sao người tuổi trẻ đó đã tìm cái chết. Tôi đã thỏa mãn trong sự tìm hiểu, nhưng đã hiểu tôi không thể đừng không viết thư này cho bà, mặc dù tôi cũng thấy là tôi nhiều sự.

Người tuổi trẻ trước khi chết đã nghĩ tới can đảm, nhưng can đảm đó không phải ở phía y, can đảm dám xóc cây gươm từ bụng lên đến ngực để chết, như gia đình và báo chí đã tán dương. Can đảm mà người tuổi trẻ đã nghĩ là ở phía bà, can đảm của người yêu dám nhận rằng mình yêu, bất kể dư luận. Người tuổi trẻ đã chết vì y thất vọng. Thất vọng bởi thấy rõ bà không có can đảm nhìn nhận sự thật, tôi tệ hơn nữa bà còn chối bỏ cuộc tình mà người tuổi trẻ coi như lẽ sống của y, bà còn mạt sát cuộc tình đó nữa bằng những lời lẽ tầm thường, dễ tiện. Người tuổi trẻ thất vọng vì thấy rõ bà không yêu, đối với bà yêu chỉ là cái cớ. Có nói ra chắc bà cũng chẳng đỏ mặt: Bà chỉ tìm nơi người tuổi trẻ những nhục cảm cần thiết cho người đàn bà nằm!

Đối với cậu bé mười bảy bốn chất lại đam mê, cuộc tình đó là một mặc khải huy hoàng. Người đàn bà nằm đầy ấp từng trái là bà còn đem tới cho cậu bé những khám phá chót vót về nhục cảm. Cuộc tình như vậy, với con người tuổi trẻ đó, thật là tuyệt đỉnh. Đang đứng trên đỉnh cao như vậy mà bà nở xô y ngã xuống tận đáy vực hư không, người tuổi trẻ đã chọn cái chết là đúng lắm. Vì trong đời y còn bầu vùi được vào cái gì nữa! Lớn tuổi hơn, nhạ bên trong đã cạn bớt, có lẽ. Trong tuổi đó, gặp tình huống đó, không thể có lựa chọn nào hết ngoài một cách duy nhất lao đầu vào đêm đen. Chính bà, bằng thái độ lúc đó, bằng những lời lẽ dễ tiện đó, đã đẩy cậu bé phải tìm cái chết. Chính bà đã giết người.

Tôi không phủ nhận cái quyền đi tìm nhục cảm của bà. Ở lứa tuổi đó, trong hoàn cảnh đó, bà cần được sống sao cho hợp với thiên nhiên. Bà có toàn quyền định liệu tùy theo nhu cầu của cơ thể, điều kiện của hoàn cảnh. Bà là giám sát của chính con người bà. Bất kỳ ai, cầu viện tới lý do gì để có ý kiến vô đó đều là người đạo đức giả, ở ngoài cuộc chẳng hiểu chi hết. Ngược lại, nếu mọi người nhìn nhận cái quyền thiêng liêng của

bà, về phần bà, không có quyền lừa dối người khác, sự trao đổi nhục cảm cần được minh bạch, nhục cảm đánh đổi lấy nhục cảm, tình yêu cân xứng với tình yêu, không thể lộn xộn. Trước khi đây người tuổi trẻ kia tới chỗ chết, bà đã vô tình hay cố ý tạo điều kiện cho cái chết bạo bằng cách mập mờ trong tình yêu. Nói yêu trong lúc sượng khác xa nói yêu chỉ vì yêu, chắc bà thừa khả năng để phân biệt. Có thể phân biệt được mà bà đã không làm, như vậy bà đã lợi dụng đã lừa dối người tuổi trẻ. Sau cùng, đến phút lựa chọn có thể chuộc được lầm lỗi bấy lâu, bà đã dễ tiện chối phứt, phứt sạch hết. Đặt trước sự thật nhor nhóp, người tuổi trẻ còn biết cách nào hơn là trốn chạy cõi đời đảo điên này. Y phải chết, đúng như y đã viết trên mảnh giấy. Và bà là kẻ giết người.

Xin bà đừng ngộ nhận, tôi không muốn là một thẩm phán để kêu án bà, nhất là phải dùng đến một khuôn mơn đáng tức cười người ta mệnh danh là tòa án lương tâm. Tôi chỉ muốn đặt bà trước sự thật và đòi hỏi bà nhìn nhận một sự thật: người tuổi trẻ đã chết vì tuyệt vọng trong tình yêu. Đó là lý do duy nhất, theo tôi nghĩ, đẩy một người tuổi trẻ đến chỗ phải chết. Những lý do khác cao vợi vợi đều không thật. Ở đời này chỉ có sự thật là đáng kể. Nói dối nhau làm chi cho mệt? Sống đã không đủ mệt hay sao? Tòa án lương tâm giỏi lắm cũng đến bắt bà chết theo người tuổi trẻ. Nhưng chết như thế có ích gì cho ai đâu. Cái thứ đáng gìn giữ nhất là tình yêu của cậu bé đã như chén nước đổ xuống đất, vớt lên sao được nữa. Bà cứ nên tiếp tục là người đàn bà nằm tìm thỏa mãn, cứ sống với thiên nhiên, đó là điều tôi cầu chúc cho bà. Tìm thỏa mãn, sống với thiên nhiên đó cũng là sự thật. Cầu chúc cho bà được gần sự thật mãi để không bao giờ nữa bỏ quên sự thật trong những quan hệ với mọi người. Như trong trường hợp người tuổi trẻ chết bạo. Chào Bà.

Đó là nguyên văn bản sao thư mà tác giả nhận được.

mặc đồ

Vĩnh Lộc

Nụ hoa hồi tưởng

Những bông cúc vàng thơm ngát, người đàn bà đem qua chỗ anh Ty đương nằm vắt chân chéo kheo hút thuốc, đột nhiên gọi lên nơi trí óc trống không của anh một điều gì. Một điều thật không mấy quan trọng đối với đám người ngủ hểm như anh. Tự nhiên anh mỉm cười vu vơ, ngó lên khoảng trời nhỏ sít nơi lỗ hồng giữa hai mái nhà rêu phong, mây trắng bông nổi trôi bẽnh bồng, như trí tưởng vật vờ, sau đêm trác táng:

— Ờ, mà lại sắp đến Tết rồi nhỉ?

Anh nhìn chú chuột cống thập thò cái mõm đen bần, đáng ghét từ ngách mấy thùng rác đầu lối đi, chép miệng nói vu vơ một mình. Trong cái thành phố không có mùa đông này, buổi sáng bỗng lạnh một cách dễ thương. Cái thứ lạnh xui người ta nghĩ đến một thân hình đàn bà ôm ấp trong tay, sau chầu rượu ngà ngà nơi quán cóc.

Những người hàng xóm của anh Ty đã trở dậy từ sớm tinh. Ngoại trừ tiếng ho khan của ông già Hối, con đường lát xi măng vắng hoe, còn lại mấy chiếc thùng cây cũ, đồ đạc của họ, những món đồ chẳng ai buồn gìn giữ vì chúng không đáng giá một đồng xu.

Chị Gái, vợ anh, giờ này có lẽ đang túi bụi với chồng đĩa chén dềch bên quán cơm mụ Ba Mập. Đưa con gái trắng trẻo dễ

thương là con Nụ, sau khi làm đĩa cơm tấm chan đầy nước mắm, lau chân sáo vào vườn Tao Đàn, hay lang thang ra Chợ Bến Thành xin tiền những người đi ăn sáng. Anh nghĩ đến đứa con, lớn lên với cơm hàng cháo chợ, nuôi nấng trong đường hẻm, với giấc ngủ màn trời, như một con chó hoang, bây giờ không còn đây. Đạo năm Thìn, một người đàn bà gặp nó xin tiền, thấy mặt mũi sáng sủa dễ thương đã đề nghị anh Ty xin đem nó về nuôi. Tưởng nói tào lao, ai dè anh Ty tặc lưỡi: Nó là con gái rượu của tôi. Thôi thì trước sau nó cũng là con người ta. Tôi chẳng đòi hỏi gì, chỉ xin bà ít trăm nhậu...

Chị Ty sốt con, nước mắt ngắn dài, nhưng không dám phản đối. Anh Ty có tật hay nói càng trong lúc say, có thể khi tỉnh rượu anh sẽ hết sức hối hận việc đã bán đứa con là nguồn an ủi độc nhất của hai vợ chồng. Nhưng lúc bấy giờ, thì chỉ có ông Trời may ra dám can anh ta. Chị Ty rất ngại những trận đòn vũ phu của chồng. Anh ta đập vợ như một người cao hứng, trong bất cứ dịp nào.

Có thể là sau chầu rượu bí tỉ khi về đến nhà trong túi không còn một tờ bạc. Có thể là một cuộc xe dài với một bà khách biền lận, trả giá tởi lui, và cuối cùng anh đã phải chấp nhận điều thua thiệt vì sự đã rồi. Có thể vì đập xe suốt buổi rạc cả cẳng không có ma nào kêu. Có thể nơi một góc đèn xanh đèn đỏ, anh thắng gấp không kịp, công lộ đòi xét giấy, biên phạt. Có thể, một trăm thứ có thể, trong đó đề chị Ty lãnh một trận đòn. Hình như chị sinh ra để làm một thứ súp báp an toàn cho chồng xả hơi vậy.

Chị Ty không giám phản đối vụ bán con. Chị đợi cho anh nhận tiền xong mới dám chạy theo người đàn bà năn nỉ:

— Bà ơi, nhà cháu say, chót cầm tiền của bà, chúng cháu chỉ có mỗi mong con ..

Người đàn bà, thuộc thành phần danh đá, quắc mắt, hăm dọa:

— Bộ tôi rớn với vợ chồng nhà chị sao chứ?

Chị Ty thật lúng túng, không biết phản ứng ra sao. Anh Ty đã cầm tiền, đứa con còn ở đó, mà chị thì không thể nào có ngay một lúc năm trăm đồng bạc để hoàn lại cho người đàn bà.

Người đàn bà xoa đầu con nhỏ :

— Ba mày bằng lòng cho bà đem mày về. Mày có ưng không ?

Đứa nhỏ ngược hai lòng đen chòn xoe, ngơ ngác.

— Về ở với bà nuôi cho ăn, đi học đàng hoàng, chứ không có lang thang đầu đường, xó chợ như thằng cha mày nuôi mày bây giờ...

Con bé lại ngó mẹ, nó cảm thấy bất đầu sợ sệt.

— Bà sẽ may quần áo lành lặn cho mặc. Bà sẽ gọi vô trường...

Tự nhiên hai con mắt đứa nhỏ chớp mau. Người đàn bà đưa cho nó chiếc khăn tay trắng tinh. Nó không cầm và bà ta dịu dàng lau những giọt nước trên mắt nó. Bà bảo người mẹ :

— Nó ở với tôi sung sướng. Chị đừng lo. Lâu lâu tôi sẽ đưa nó về thăm vợ chồng chị...

Trong cái đầu óc nhỏ xíu của chị đàn bà nghèo, câu nói như một niềm an ủi, thật vu vơ, như nụ cười nào đó.

Rồi người đàn bà dắt con Nụ lên tắc xi. Chị Ty quệt nước mắt trông theo cho đến khi chiếc xe con cóc chạy khuất vào một ngã tư nào nhiệt.

Hôm đó chị Ty đánh vỡ mất vài chiếc đĩa của bà Ba Mập và bị trừ luôn mất ngày tiền công rửa chén. Anh Ty sau khi nướng hết năm trăm vào canh bài cáo, thất thểu trở về hẻm, nốc chén một xí đế, rồi nằm lăn quay một giấc cho đến chiều.

Khi tỉnh giấc con hẻm đã tối thui. Chị vợ không có đó như mọi ngày. Chị ra ngồi góc phố cột đèn, ăn bắp nướng hành mỡ, đề khỏi phải về nhà trông thấy cảnh anh chồng say nằm thõ như một con vật ốm, và nhớ tới đứa con anh đã bán cho người đàn bà hồi sớm mai, lấy năm trăm đồng bạc.

Anh Ty loạng quạng bò dậy, giữa những tiếng muỗi đói vo ve. Cỗ họng anh khô đắng. Chân tay anh rời rã và đầu thì như có ai gõ những cái búa kêu boong boong. Anh quờ quạng tìm chai nước lọc mọi ngày chị vợ vẫn để trên thập gỗ. Chai nước rơi xuống bể tan, nhưng không còn một giọt nào trong đó. Tiếng thủy tinh vỡ vang trong đầu, khiến mắt anh hoa lên, trong một lúc như thấy sáng lờ những vì sao trước mắt. Anh lăm bằm chữ thề, gượng đứng dậy, nhưng đầu gối bỗng khụy xuống. Anh chống tay xuống nền xi măng để đỡ, nhưng chạm phải vật gì mềm nhũn

chạy vọt qua. Anh mất thăng bằng đập đầu vào góc tường ngã bở chĩnh trong khi con chuột kêu chóc chạy vọt vào lỗ cống gần đấy.

Bây giờ anh ta nằm thẳng đơ, như người đã chết rồi. Anh nằm với cái đầu vằng vất, toàn thể tứ chi đau đớn, những bắp thịt như có ai dùng sống con dao bằm chậm chậm. Con đầu quần quai đưa anh vào vùng mê thiếp.

Khi tỉnh dậy, anh nghĩ thấy mùi dầu cù là trên khắp thân thể, và những ngón tay dịu dàng của chị Ty đương thoa bóp trên bả vai, trên sống lưng.

Anh trở mình thật nhẹ như sợ sẽ làm những ngón tay dễ thương chạy trốn. Anh biết vợ anh đương ngồi đó như mọi lần, sau những cơn say cồn cào với đầu óc bênh bồng như nhối, chân tay rã rời, toàn thân như chiếc bè chuối thả trôi. Anh lim lim cặp mắt, nhưng không vội mở. Anh nhớ đến cảm giác hạnh phúc, thanh nhàn, những buổi sáng nằm vắt chân hút thuốc trong cái đường hẻm vắng tanh. Khói thuốc đưa anh trở về với vùng trời kỷ niệm.

Trong cái đợt di cư năm 1955, anh Ty đã gặp cái Gái. Từ trên một chuyến tàu đổ bộ của quân đội Pháp hồi bấy giờ, mà người ta vẫn gọi nôm na là cái tàu há mồm. Cái Gái đi lẫn trong đám người gồng gánh, chiếu manh, quần áo nâu lam lũ thất thểu bước thấp bước cao, đổ bộ lên một cái bến rộng mênh mông, nắng chói chang như đổ lửa. Lúc bấy giờ anh Ty đương còn làm phu khuân vác trên bến tàu. Anh làm thật cực nhọc nhưng dễ thở, vì chỉ có một mình, chẳng phải nuôi thêm miệng ăn nào. Cuối ngày lãnh tiền, anh ra quán cơm đánh một bụng, làm vài xí đế rồi đi ngao du từ bến tàu vào thành phố. Anh đi suốt đêm, và tiêu cho hết món tiền nhỏ nhoi vừa kiếm được, về một cái hẻm quen đánh một giấc đề rồi lại trở dậy với công việc cực nhọc quen thuộc mỗi ngày.

Cuộc đời như thế thật là vô vị, nếu không có một người đàn bà. Anh Ty xuất xoa khi cái cạnh sắc của đồng xu cạo xồn xột lên sống lưng.

Anh nhớ lại về máng rưng của vợ khi anh hỏi nó, thất thểu một mình, bên ngoài đám đông :

— Đi một mình ?

Con bé co dúm người lại như con sâu phải lửa. Nó nhìn anh Ty như khi người ta vào Sở thú mà coi một con Dã nhân.

— Đưa đây cầm dùm cho.

Anh Ty kéo bọc quần áo trong tay con bé, một cách thân mật, như thể với cô em gái từ quê lên.

Cái tay nải, về sau giờ ra Ty không thể nín cười. Nó gần như một đồng dẻ rách. Thực ra anh không bao giờ lại biết tán gái. Anh chỉ bảo con bé.

— Hãy về với anh.

Tiếng Anh, Ty dùng lần thứ nhất trong đời, mang âm hưởng thật dịu dàng, thật dễ thương. Đứa con gái ngó nụ cười chất phác của Ty, do dự hồi lâu, một thứ băn khoăn con nít trước những chiếc bánh, lớn nhỏ không đều, không biết nên lựa chiếc nào cho phải. Ty cầm tay nó đưa vào đứng trong khoảng mát của mái tôn chạy dài trong kho hàng mênh mông. Những bước chân dồn dập chung quanh làm con bé bắt đầu sợ hãi. Nó có cảm tưởng lạc vào khu rừng dữ, trong đêm tối và gã đàn ông trước mặt hiện ra như đốm lửa từ một túp lều tranh. Nó ngoan ngoãn theo Ty về con hẻm quen thuộc của hẻm.

Buổi chiều hôm đó Ty trở về sớm hơn mọi ngày. Con bé ngủ được một giấc dài, và trong giấc ngủ mơ thấy quê hương. Ty lau mắt cho nó và đưa nó đi ăn cơm chiều. Hai đứa thả bộ ra cầu tàu. Gió mát, những đứa trẻ hồn nhiên và những anh bẻm nhàu cười nói vui vẻ khiến con bé quên buồn.

— Quê em ở đâu ?

Ty hỏi âu yếm. Đứa con gái buồn bã lắc đầu.

— Bố mẹ còn sống hay chết cả rồi ?

Cũng lắc đầu. Ty chợt đề ý, từ lúc gặp con bé cho đến bây giờ nó chưa hề hé răng. Anh hỏi và nó lặng thinh. Như nó lặng thinh theo anh về hẻm. Như nó lặng thinh ăn miếng bánh mỳ cá anh mua cho. Như nó lặng thinh khi anh bảo hãy ở trong hẻm mà chờ anh đi làm về. Làm thế nào để nó nói lên được một tiếng đây ? Anh thở dài, rồi bỗng nó cười. Nụ cười tỉnh khỏi như hoa sớm mai. Đột nhiên anh cười theo, cười thật lớn, cười thật dài, như chưa bao giờ cười, ngay cả khi gặp Ba Văn trong tường riêu cũng không làm anh cười đến thế.

Cười xong anh bảo :

— Mai anh phải đưa em đi lấy căn cước.

Như một phép lạ, cô gái mở miệng :

— Căn cước là... ký gì ?

A, bây giờ cô ả mới biết nói. Tưởng con cá chép câm. Nhưng mà nó hỏi một câu đột ngột quá. Anh có một tấm giấy căn cước luôn luôn giắt trong mình như một cái bùa hộ thân, nhưng thật tình không biết giải thích làm sao cho con bé hiểu thế nào là một tấm giấy căn cước. Anh móc trong bóp tờ giấy bìa có ảnh và con dấu đóng ngay giữa mồm :

— Căn cước là cái giấy này. Để cho lính xét khỏi đem nhốt vào bót...

Cô gái có vẻ sợ hãi lắm. Anh phải ăn ủi :

— Anh sẽ đưa em đi lấy giấy. Phải có giấy đó trong mình. Thời buổi giặc giã này đề họ khỏi bắt bớ lỗi thôi...

Không ai đề ý đến sự có mặt của đứa con gái bên cạnh anh Ty. Ở con hẻm này, người với chuột sống lẫn lộn đến nỗi không ai còn phân biệt mùi hôi từ những cống rãnh bên cạnh, nói chi đến một khuôn mặt lạ. Cuộc sống của họ như giấc ngủ ban đêm sau những giờ vật lộn với sinh kế. Một bữa cơm chật bụng và một giấc ngủ vui là niềm an ủi bình thường cho họ.

Nửa đêm anh Ty trở mình quờ quạng ôm ngang con bé. Nó giật bắn lên la bài hãi. Mấy người hàng xóm bị đánh thức ngang xương lâu nhàu chửi thề. Rồi bóng tối lại triền miên. Con bé trở gậy ngồi bó gối trong góc. Một lúc sau nó khóc thút thít. Nó đẩy tay Ty ra mỗi lần anh định cầm tay nó, năn nỉ, xin lỗi.

Nhưng nó vẫn không nói tiếng nào, sự phản kháng lặng thinh khiến gã đàn ông chợt nghe hối hận.

— Thôi, em nằm xuống, ngủ đi. Anh xin lỗi. Anh sẽ không đụng tới người em nữa... Nằm xuống đi...

Đứa con gái ngồi bó gối một lúc chừng như đã mỏi. Một lát sau anh Ty nghe sống lưng mình hơi ấm của cặp đùi cọ sát nhẹ nhẹ. Cô ả đã nằm trở đầu đuôi và ngủ ngon lành.

Có một sự gì khác lạ vui vui trong cuộc sống của anh Ty bắt đầu từ buổi tối cái bàn chân của con bé gác lên lưng anh. Ông Hội già hen suyễn kinh niên, ngắt nghẻo cười hỏi :

— Chú lấy vợ hồi nào vậy ? Sao không cho bà con ăn cỗ ?

Anh hơi bẽn lẽn.

— Coi được không bác ? Gặp nó lang thang ngoài bến tàu trong đám di cư đấy. . .

Ông lão gật gù :

— Chú nó cũng tinh mắt lắm. Cặp vú đó với cái mông... trời ơi ! Đêm nằm sẽ không biết lạnh là gì. À mà hồi hôm hai anh chị làm gì mà la bài hải lên vậy ?

Anh cười ngỏn ngoãn :

— Chưa sơ múi gì đâu bác. Mới đụng vào người nó đã co rúm lại như con sâu phải nước sôi. . .

— Con gái tân mà ly. Phải nhẹ nhàng từ tốn. Anh cứ làm như đi chơi điểm nó sợ hết hồn, còn gì.

Rồi ông cười khắc khắc khiến đờm lên cò, phải ôm ngực thở dốc một hồi.

Anh đặt tên cho nó là Gái. Thứ nhất là để cho tiện lúc nói chuyện với nhau, tuy nó chỉ mở miệng khi không thể nín thinh. Nguyễn thị Gái. Bao nhiêu tuổi ? Không biết. Quê ở đâu ? Hình như miệt Nam Định. Thế thì bố ai biết được. Ông già làm giấy khai căn cước thuê cũng không thể nín cười khi hỏi lý lịch vợ anh Ty. Thuở bé đến giờ tôi mới gặp một đứa con gái mà cha mẹ không biết tên, làng xóm không biết chốn. Tên cúng cơm chẳng nhớ, tuổi bao nhiêu chẳng hay. Ngủ này có mà cho định cư lên Ban Mê Thuột.

Ông làm giấy khai căn cước nói có phần đúng. Vì cái Gái đen nhem như củ sừng. Hai con mắt ốc nhồi thô lỗ. Tóc rẽ tre lại hơi xoắn như tóc gái Chà và. Chân tay thì như cái chày giã gạo. Không biết nó đã có hơi đàn ông bao giờ chưa mà vú vể thốn thẹn, eo co ngồn ngộn, trông thấy mà ớn.

Anh Ty cứ cười mủm mỉm, khi ông ta phát ngôn như vậy. Anh biết vợ anh còn con gái y nguyên khi về với anh. Cái đêm thứ nhất anh đụng phải, nó la văng vẳng, là chứng cứ hiển nhiên. Anh phải o bế, tán tỉnh nó nhiều đêm cho đến lúc quen hơi, bèn tiếng rồi mới đụng được đến người nó lần thứ hai.

Anh oản người khi cạnh đồng xu kéo dài trên những đốt xương sống.

— Làm cái gì mà cào người ta đau dữ vậy ?

Chị Gái ngó chồng, khi hắn say rượu ngủ vùi rồi thức giấc với thân thể bài hoại, hắn thật dễ thương, như một đứa trẻ nít.

Dễ thương như đêm đầu tiên với những vuốt ve ấm áp nồng nàn trên thân thể. Dễ thương với cái hôn vụng về trên môi, bàn tay nâng niu từng chiếc nút áo gỡ lần trên ngực.

Những ngón tay mềm mại đương xoa bóp trên thân thể để mê, khiến anh Ty nhắm mắt lại như để tận hưởng thêm những giây phút thần tiên đó. Rồi bất chợt anh kéo ghì cái Gái xuống.

— Này, đừng có làm chò kỳ cục đó. Ban ngày ban mặt...

Hai bàn tay như con bạch tuộc bám chặt lên eo người đàn bà. Hơi thở nóng hừng dồn dập như quạt lửa.

— Cho anh một...tỷ thôi.

— Ông già Hội ông ấy ngồi lù lù kia kia. Uống rượu cho đã đời làm ăn không chịu. Còn bày đặt...

Hơi đầu nóng thấm vào cơ thể khiến anh Ty dần tỉnh rượu. Cạo gió cho chồng xong, chị Gái đứng lên. Anh Ty nằm một mình lấy thuốc ra đốt.

Người đàn bà vừa đi qua chỗ nằm của anh với giò cúc vàng tươi trên tay và mùi hoa cúc thơm ngát như những ngày Tết đã làm anh nhớ đến đứa con gái bán lấy năm trăm đồng bạc cho một bà sang trọng vô danh cách nay gần hai năm. Con bé có đôi mắt tròn to thô lỗ giống mẹ. Một khuôn mặt tròn vành vạnh như trăng. Nước da nó lại trắng muốt, không giống ai hết từ khi mới lọt lòng. Ông già Hội khoái lắm, đã nhận đỡ đầu và đặt cho nó cái tên rất nên thơ, là Nụ. Như một nụ hoa sớm mai, tinh khiết, một nụ hoa cần thiết cho cuộc sống tối tăm trong con hẻm, chỉ có những đàn chuột sấm và mùi cống rãnh, nồng nặc

Con Nụ lớn lên như nhánh cây trong rừng. Chị Ty để cho anh đưa con đầu lòng kháu khỉnh ấy lần đó cũng là lần cuối cùng. Chị nằm ngót tháng rằm trong nhà thương Từ Dũ rồi một buổi sáng anh Ty thấy đón chị về, cô mụ nói với anh :

— Anh thật có phúc. Chị ấy từ nay không còn sanh thêm mống nào nữa...

Anh Ty đương ngần ngại không hiểu sao người đàn bà lại khen anh có phúc khi vợ anh từ nay sẽ không thể cho anh thêm

đưa con trai đang mong đợi. Khi đưa chị Ty ra cửa, cô Mụ nói thêm :

— Nhà nghèo sanh một đứa đủ sài. Sanh nhiều chi cho cực...
Đàn ông họ có phải sanh để đâu. Họ chỉ biết... sướng cái thân...

Anh Ty bắt gặp nụ cười lợt lạt trên môi vợ.

Mùi hoa cúc vẫn còn phảng phất mãi đến lúc chị Ty đem vào cho anh một ly cà phê nóng. Anh đón ly, luôn cả bàn tay ấm áp của vợ và trong giây phút, giây phút thật phù du, anh hình dung lại, khuôn mặt người con gái ôm trong vòng tay, cảm giác thân tiên còn mãi trong tâm trí, cái ghi xiết nồng nàn rung động và khoảng tối mệnh mỏng êm ái của đêm thứ nhất vợ chồng.

— Con Nụ dễ thương năm nay lên bảy rồi đấy nhỉ ?

Người đàn bà rung rung nước mắt nhìn chồng. Như ngày xưa, chị gật đầu, không nói.

Trong nỗi ân hận se sắt anh Ty lại hỏi :

— Chẳng biết bây giờ nó ở đâu ?

Những giọt nước mắt bắt đầu chảy ròng xuống má chị Gái. Anh Ty cứ giữ chặt tay vợ, như một an ủi tuyệt vọng.

Anh đã bán nó trong một cơn say, lấy năm trăm đồng bạc và mấy thăng khốn nạn đã lột hết trong canh bài cắc tề.

— Nhà nghèo, sanh nhiều chi cho cực...

Câu nói của cô Mụ trong nhà bảo sanh lại văng vẳng bên tai anh.

Tiếng trẻ con líu lo trên lối đi. Mấy đứa nhỏ chạc tuổi con Nụ, cặp sách tòn ten trên vai, nhảy chân sáo theo chị người làm đưa đi học, ngang qua chỗ vợ chồng Ty đang ngồi. Một đứa trong bọn có đôi mắt đen tròn lay láy.

Anh Ty lấy khăn lau nước mắt cho vợ, cử chỉ âu yếm vụng về, khiến người vợ đột nhiên xúc động.

Con cá chép mỉm cười :

— Con Nụ nhà mình dễ thương nó đã đi học lâu rồi đấy, anh nhỉ ?

Anh vòng tay qua chiếc eo còn thon thả, nuốt nà :

— Nó vào được cửa nhà giàu, thôi mình cũng mừng.

Chị vợ nghe nhột nhột trên má :

— Cái nhà anh này...

Chị cúi yêu chồng rồi nhìn theo bóng nhỏ nhắn tung tăng mấy đứa trẻ khuất dần ngoài lộ nắng, thở dài.

vĩnh lộc

Đặng Phùng Quân

Đêm rời nổi chết

Dường như tôi đã bắt đầu bằng một câu : có một loài chim lạ bay trở lại bên song cửa — về vào mỗi cuộc hẹn hò ; thứ chim mang tin như người hằng mong đợi — chiều đã nhạt nhòa, ánh sáng của chiếc đèn nhỏ để trên bàn (từ hồi nào ?) đã ngăn cách với bên ngoài, không gian chìm chìm trong tối, chỉ thấy màu đục của những mái ngói, vệt sáng tím hung của khung cửa sổ trên lầu cao kia — mỗi ngày tôi thường thấy người đàn bà thò cánh tay ra kéo hai cánh cửa đóng lại sau khi đã vén tấm màn xanh có những sọc dài in những hoa lấm tấm lên để lộ một khoảng trong phòng, con mắt nhìn trong khoảng khắc chỉ thấy bóng dáng một người đàn ông chiếc mũ treo trên tường tấm mùng lơ lửng ; thế mà tất cả những gì có thể ghi trong tâm mắt đã lồi cuốn tôi trong tri tưởng tò mò, như thấy mình là kẻ bệnh hoạn, ghim giữ dính đập mỗi ngày thành một cuộc hẹn hò. Trong này, ánh sáng bao thành một vùng, tôi vẫn có thói quen ngồi duỗi chân lên trên sập báo để dưới bàn, những ngón chân thô kệch với đường gân xanh lộ ngoằn ngoèo dưới lớp da, bàn tay hầy còn xúc động, cơn xúc động của tri tưởng, dầm cây bút đặt trên bàn mặt giấy trắng — chưa có một chữ viết ; những dòng chữ thường được viết khi cơn xúc động đã lắng, những chữ viết ra rồi cũng bất động như những màu thuốc lá hỗn độn với những cây diêm, những tàn tro xám,

hay năm ba quyền sách, lá thư đề kia, mở ngỏ, chặn dưới con dao bọc giấy (chờ đợi trả lời ?), còn bàn tay kia cử động, điều thuốc kẹp trong hai ngón tay, ý nghĩ cũng đặc sệt như khói thuốc bay lên. Không, ly cà phê thứ mấy rồi đã làm tôi run rẩy lúc này, dường như lồng ngực ngộp khói, chiếc lưng còng xuống mệt mỗi thời thúc sự thêm muốn ngã mình xuống, quên, quên tất cả. Mến nợ nào. Trả lời cho xong lá thư đã, đề ngày mai sau khi gấp lại đặt trong chiếc phong bì đưa cho đưa nhỏ đem đi, với hy vọng những điều gì muốn nói, đã nói xong, dứt khoát như thẻ người nhận phải có bốn phần hẳn là lá thư trước đã đến tay, tôi muốn nói chúng ta ở cùng hoàn cảnh, chia buồn với một người đã mất, thỏa thuận nuôi đứa trẻ, gửi ngân phiếu xuống trường, làm một lá đơn xin cấp dưỡng, viết một lá đơn khác khiếu nại, hỏi thăm địa chỉ mới, sức khỏe, ái tình, công việc ra sao. Bắt đầu cho một bài học mới, sự lười biếng đã tạo thành thói quen chỉ muốn nói, nói trước những bộ mặt dường như ra khỏi căn phòng, hai bên tường những ô cửa mở toang trắng và trống trơn, hui hậm là quên ngay không còn nhớ lấy một nét mặt người, biến những lời thề ra thành chữ viết, nói trong tình cờ, những ý nghĩ này biến mất, những ý nghĩ khác dồn đến, tiếp tục và cuộc chạy đua với thời khắc để khi kết thúc, vẫn tưởng nói được một điều gì. Bài học mới. Vẫn một thói quen máy móc, xếp những trang giấy để trước mặt, cầm lấy viên phấn trắng viết những dòng chữ lên bảng đen để sửa soạn cho những lời nói phải thốt ra, không thể im lặng. Nhưng không thể viết, trái tim miễn cưỡng khi nghĩ đến làm đầy đủ một bốn phần, viết cho những lời sắp nói, về một không trung nào đó, về một người nào đó, về một ngôn ngữ nào đó, về những con số, những linh thần, những hành lang của chủng viện, của giáo đường, bỗng dưng thấy sự vật chung quanh biến mất, hóa thân trong hai thế giới như khi bắt đầu ngã mình xuống đệm, quơ với chiếc mền đắp lên ngang ngực, cả thân thể trần truồng (cái thói quen xấu là trong những lúc trời đất ngả thu lạnh lẽo hay không gian tẻ tẻ, hăm hấp nóng vẫn phải cởi bỏ quần áo, cả chiếc quần lót sau cùng để nằm cho thoải mái. Ngủ) quên trong giấc mộng sắp tới, với những ảnh tượng chỉ đến trong giấc mộng, những màu sắc cảnh trí lạ lùng

không bao giờ gặp khi tỉnh dậy, hơi mình trong sự phiêu lưu kỳ thú của thế giới mới — mà lần mềm mỏng là cánh cửa ngõ dẫn vào, ở đó cõi chết hiện ra trong kinh nghiệm, để hiểu thế nào là cảm giác của cõi chết. Viết như tự đánh vật, là kẻ tội đồ cho mỗi bài học mới, đặt một bước chân vào thế giới của tinh thần, hữu thể — lý trí — phạm trù — bản ngã xếp bầy bóng loáng như những đồ chơi cổ nhỡ lại một ngày nào lạc lỏng vào cửa tiệm khách trú ở một vùng xa lạ nhiều đèn lồng giấy lớn với những đại tự đỏ trên nền đen, những hàng hiên cổng rãnh với những đồng gạch vụn nhấp nhô, mùi khói thuốc và hơi thở nồng nặc quyện vào trong thính không những tiếng nói lao xao, âm thanh của những cây mã tước xoa trên mặt bàn da, chọn lựa lấy một điều để nói đến « để làm gì ? bất cứ điều gì » xếp đặt viết lại như cái máy, buông cây bút xuống, quên hết những điều quan trọng là chọn lựa thời khắc để viết, lần nữa, tự cho phép mình ngã dài trên chiếc ghế, vói tay lấy một tờ báo liếc mắt trên những hình ảnh mũm mĩm, đồ sộ như tranh của Renoir hay đứng lên mở một lon bia lạnh vò thiếc chai cứng, uống một hơi hương vị đắng ngái, châm hết điếu thuốc này qua điếu thuốc khác thở những cụm khói bay lên mờ mịt trong khi ký ức loảng dần, ý nghĩ chùng xuống, cái ý nghĩ quý quái đã đọc trước những điều sắp (phải) viết, chữ nghĩa xô nhau hiện ngồn ngộn trên trang giấy của trí tưởng, nhưng giây phút này... đặt một bước chân bên kia xuống cầu thang, những vết lấm trên tường nhấc tiếng banh dội đều đều của đĩa nhỏ nghịch một mình dưới ánh nắng, trên đầu con lộ dốc xe lam (tiếng máy nổ lẫn vào tiếng thắng ken két, trạm đợi với những người đứng hình thù ngã xuống mặt đường chói chang ánh nắng ; màu vàng hoe, rực) qua lại và đó là lúc phải ra khỏi nhà, đi ngược lại con đường vào trung tâm để đến trường ; khung trời cắt theo hàng dọc qua những dãy mái nhà cao, đường dây điện nối dài thăm thẳm như đến tận chân trời. Gót giày gõ nhịp nhàn, hình ảnh con ngựa già đi cho đến trạm hẹn. Tôi thường ra khỏi nhà, phải ngang qua cái sân thượng lát gạch đỏ, màu gạch sẫm vì những vũng nước đọng lại từ những chiếc áo quần còn ướt sũng vắt trên giây kềm rô xuống, dẫn tới cầu thang lộ thiên xây áp vào bức tường chạy dài mấy

cần phở lâu phân cách hẻm bên này và khu nhà của hẻm bên kia, phía tường dưới cầu thang vẫn mang những tấm bích chương của kỳ bầu cử vừa qua tô những hàng chữ lớn, mặt người ở một góc bên cạnh cái nón cái áo con trâu cái tàu bông hoa nhánh lúa sự quen thuộc của những dấu hiệu tôi còn đọc được lại trong trí nhớ đã giúp tôi mỗi khi lơ đãng, lầm lũi đi dọc theo bờ tường qua khỏi nhà vẫn kịp nhận ra lối cầu thang để trở lại; đi vào lúc nắng đã ngợp trên những ô giấy kín màu keo, thứ hai, thứ tư, thứ sáu của tuần lễ. Những ngày của tuần lễ nối tiếp, thứ hai một mối tơ trời sau một ngày đầy ồn ào, làm đầy bằng những ly cà phê sữa màu sữa trắng đục như vôi chứa trong chiếc lọ sành, những ly trà nóng mùi chanh đắng chát, những quyển sách cũ gói trong lần giấy báo nhàu nát, nuốt vội một tô bún thịt lúc một giờ trưa, đi ngang qua những dãy xe máy dầu xếp dọc theo con lộ, ghé mua một tấm vé chuyển từ một bàn tay qua lỗ tò vò, lấy tấm chương trình trong ngày để theo dõi tên những con ngựa của độ thứ nhất, những tên mỹ lệ của loài ngựa đua giống tên những người đàn bà yêu dấu; thứ tư lơ đãng, trí não lại chùng xuống vì một ngày hy vọng đã trôi qua, mỗi buổi chiều tiếng nhạc hiệu quen thuộc để ghét báo động ồn ào, tiếng máy phát thanh rè rè với tiếng những trái banh rớt từ những vòng cầu (người xướng ngôn viên cho biết như vậy). Những con số đọc lên rời rạc, nghe rồn rảng như những tấm giấy số nằm rải rác trên mặt bàn. Hy vọng Đường như niềm hy vọng ấy bắt nguồn từ sự chờ đợi thích thú, cái cảm giác ngày ngất đánh lừa mình từ nhiều ngày sẽ gặp một phép lạ rất tinh cờ, chẳng sửa soạn sẽ phải làm gì khi nghe tin có một số tiền lớn (ôi ! những đơn vị tiền bạc tiêu tan trong chớp mắt trên một canh bài, chuốc lấy sự mệt mỏi của con tim, khói thuốc tuôn đầy ngực, ngang thất lưng thấy đau buốt, những hẹn hò ngày này qua ngày khác, mặc mãi chiếc áo lót thấm mùi mồ hôi không có thời giờ thay) đôi lấy từ một nơi chưa từng đặt chân tới, những thủ tục đợi chờ một phép lạ khác, biến tấm giấy mang những dòng số kia thành nhiều tấm giấy mới thơm mùi mực in. Những hy vọng chất chứa của một đời. Thứ sáu. Nghe buồn nản như điệu nhạc sầu gỗ trên chậu thiếc. Những đồng kềm rời. Ôi một

đời ta chấp choãng mù lòa như anh Sầm ngày cũ ở ngõ Đường Thành hát điệu chia ly ai oán. Thứ sáu.

Giữa hai thế giới này, viết đề đi tìm cái hư trong cái thực, khám phá lãng quên trong chữ nghĩa. Viết đề tìm về cái chết. Một cái chết nào.

Chết. Chữ từ hư không trở lại nghe thảng thốt như kinh nghiệm đời người bất gặp tuyệt đối. Dường như không cái chết nào dịu dàng như cái chết của bé. Con đã nhắm mắt bình yên trong giấc ngủ. Dường như không cái chết nào sung sướng bằng cái chết của bé. Con đã ra đi chưa kịp biết thế nào là nợ nần của thân phận người sống ở đời. Dường như không cái chết nào mơ hồ hơn cái chết của bé. Con đã thiếp vào chuyến đi khi ngôi sao Hôm chưa đi giáp vòng tìm kiếm ngôi sao Mai — mặt trời không mọc từ thành phố, chỉ khi những ngọn đèn đường tắt muộn màng phố xá trở giấc, tiếng động cơ rú lên nơi những chiếc xích lô máy chạy sớm ở ngoại ô trở lại châu thành, ly cà phê quên bỏ đường tôi đã uống trên chiếc sạp cũ bằng cây đặt ở khuất góc nhà thương, vượt mặt cho tỉnh ngủ để đối phó với nỗi nhọc nhằn của một ngày tang tóc, tiếng trẻ khóc thất thanh ở phòng bên cô lễ; toàn thân còn run rẩy với hàn khí trong phòng lạnh suốt một đêm canh chừng những giọt nước biển từ bình thủy tinh trên cao chảy rì rì vào mạch máu lẫn vào da thịt còn thơm mùi hương phấn, đôi mắt bé lác dần, 40 độ, 41 độ — đường thủy ngân lạnh lùng nhảy mau trên mặt ống thủy (nhịp thời gian của đời người cũng rút nhanh); có cái gì từ những giọt nước kia là dưỡng khí của đời sống, là mạch đập của tim, là sinh động trên mỗi thớ tế bào, là hơi thở trong lỗ mũi, là nụ cười hạnh phúc, là tiếng khóc đòi ăn, đòi bế, là mỗi biến đổi của cơ thể làm quen với sự lớn, những cử chỉ của tri giác đầu tiên biết nhìn theo sự vật, biết lấy sấp mình ngược đầu lên, biết dầy chân tựa vào chiếc gối để lăn mình ra khỏi giới hạn của tiềm thể khởi sự cho đời

sống hiện thân. Không, tôi không tin thế, những giọt nước vô tình kia chỉ chia xẻ niềm an ủi cùng người níu kéo lấy sự sống trở lại trên mỗi phân da thịt, khi cái chết mơ hồ đã tỏa dần bao bọc lấy tấm thân bé nhỏ mỗi giờ, mỗi khắc thêm lạnh nhạt với những kẻ thân yêu. Bốn bức tường trắng sừng sững, những ô cửa kính mở ngỏ một bên ra khoảng trời còn chìm trong bóng đêm với những tàng cây cao xào xạc, một bên đối diện với hành lang đèn sáng trưng, những người nằm, những người ngồi nét mặt nhẵn nhúm trong giấc ngủ nặng nề. Cái chết nào vây bọc lấy tôi, cô đơn bên thân bé im lìm, bất động trên chiếc đệm nhựa trắng toát mùi tử khí. Một mình tôi và cái chết. Khi đêm chưa kịp tan biến, khi những sự vật im lìm chung quanh, đồng lõa nhau nhe hòng đe dọa; nỗi nhọc nhằn của sự đau thương bắt đầu. Tôi thiếp mình trong cơn mê sáng của đau thương — bay vút lên theo nỗi đau thương tột cùng, hai bên thân nặng trĩu cặp cánh của hư không nâng nhấc mình vào cao độ, thấy nỗi đau thương tột cùng là tuyệt đối. Lần đau thương kỳ diệu dẫn mình vào tuyệt đối. Kinh nghiệm đến tuyệt đối là cùng. Giữa khoảng chơi vui của tuyệt đối, tôi vẫn ngồi đó, làm những cử chỉ như máy, mặc bộ quần áo mới cho bé (những chiếc nút một người nào đó đã tháo đi) chụm chiếc mũ lên lên mái tóc khô hong vì hơi lạnh, vuốt đôi mắt con cũng nhấc vì dây gân đã liệt; thôi! già từ, đôi mắt một lần khép không bao giờ mở lại để nhìn những sự vật phục sinh từ ngày con ra đời, những sự vật mà con (lẽ ra) phải làm quen như vào thế giới mới, những sự vật chỉ có con mới (sẽ) cho chúng một linh hồn, một cái tên, một sự làm mới bởi chưng trong thế giới cũ kỹ này, bố đã già như ngày trái đất mới ra đời, bố đã quên những tên gọi của chúng bởi vì ngày thường, bố đã hành hạ chúng, xử dụng chúng như những thứ vô tri — không bao giờ nhận ra chúng, nhóm ngó chúng, cho chúng sự hiện diện tinh thần trong những thói quen, mở cánh cửa, đóng cánh cửa lại tàn bạo không nương tay, quăng cái ly vào một góc bàn, giậm gót giày thô bạo trên sàn gạch. Những ngày, nhiều ngày tới, chúng vẫn trở lại bộ mặt vô tri bị quên lãng, vì bé không còn ở đó, không lớn lên để tập làm quen với chúng, nâng niu chúng trong mối thiện cảm sơ khai.

Nếu không có những tiếng nước nổ, những tiếng ồn ào của nhiều người mới đến, chia xẻ cùng tôi trong cái chết này, tôi vẫn ngồi đó với nỗi kinh hoàng đã trở thành thực tại. Tôi đối diện với số phận đơn côi, « con đầu » ? dường như tiếng nói đến từ một chỗ khác nào của người đàn ông khi trở lại nhà, mở cánh cửa nhẹ nhàng vào căn phòng đã chạm mặt ngay với những đồ đạc lỉnh kỉnh, chiếc giường nhỏ đan những nan song tròn bằng gỗ, ghếghêu ghẹo cây treo mừng choán một khoảng giữa nhà, cái bàn ngủ bày đầy những lọ thuốc, bình thủy, bầu sữa, muống thiếc, bông phấn và chai lọ, chiếc bồn tắm bằng nhựa đồ để giữa lối đi, nước tung tóe trên sàn gạch ; cả một thế giới hiện diện của trẻ thơ đã đầy lui giang sơn của người lớn vào một góc, không có chỗ để ngồi đọc một tờ báo, không có chỗ để quăng bữa bãi những áo quần thay ra — mọi thói quen lười biếng đều phải gác lại. Sự bận rộn êm đềm mới khởi đầu. Tôi vẫn ngồi đó, khi những nén nhang đầu tiên đã thấp lên, khói hương quý quái như nhắc mi, đòi mi khốn nạn rồi đó, sự cùng cực theo đuổi mi, thử thách mi trong vũ trụ này, còn cái tôi nào khác đang bình bằng tìm kiếm con trong hư vô, hư vô... ký tên như máy lên những tờ giấy người khản hộ vừa đem lại, dường như cô ta nói lí nhí mấy điều, thủ tục đã xong, cái chết đã hoàn tất, tôi nhìn thấy tên tôi, cái tên quen thuộc dường như của một kẻ nào, cái tên của bé, không, con không bao giờ có một cái tên vì con đã đi khỏi sự hành hạ của trần gian này (cái trần gian khoác cho mỗi sự vật một cái tên, để kêu réo, để săn đuổi). Những tiếng nước nổ nào trỗi lên những khuôn mặt nào hiện ra dưới tầm mắt đã sụp xuống của tôi, tôi không nhìn thấy ai, lúc này, dường như tôi khóc. Giọt nước mắt nào cho con, giọt nước mắt nào cho em, giọt nước mắt nào cho tôi.

Có một loài chim lạ bay trở về bên song cửa. Dường như tôi đã ngồi đó từ lâu lắm, những vùng ánh sáng này thoát đi, những vùng ánh sáng của ngày đã hiện ra, đêm như kết thúc rồi, nắng đã lừa con mắt, bàn tay khô với những ngón dài ám khói thuốc vàng kín dần cây bút trên mặt trang giấy với những đường nét

ngoằn ngoèo, màu mực xanh lặn vào những nét viết mảnh kéo ngập từ bề mặt trên của tờ giấy có đường kẻ rãnh cửa, xuống hết trang này, dòng này, cái chấm sau cùng, đồng thời lồng ngực đè xuống cạnh bàn, một bên chân tê dại như muốn cắm xuống sàn gạch nở phồng lên, cổ họng rạo rức đòi ho, khô ran ; tôi đã ngồi đó thấy thân mình trùn rộng ra đầy lông lá biến thành loài dười vơi như kẻ ngậm ngải tìm trầm quên ngày về.

đặng phùng quân

Du Tử Lê

Dì Lãng

Chốc chốc đi Lãng lại ngừng tay đan và cúi đầu nhìn ra ngoài ngõ. Về mặt di thờ thần, xanh nhợt. Tôi ngửa hẳn người vào băng ghế nệm xéo góc với đi, lâu lâu lại lật một trang sách. Sự thực, tôi chẳng đọc được một chữ nào, hay đúng hơn có cố gắng đọc nhưng không hiểu gì những giòng chữ dưới mắt. Tôi nghĩ tôi biết đi Lãng có ý trông đợi ai và chính sự biết được này đã làm tôi khó chịu, bức dọc.

Hai di cháu ngồi như thế có cả nửa tiếng. Tôi không sợ cái im lặng nặng nề ngọt ngào khó thở đó. Tôi muốn kéo dài nó, để đi Lãng phải thấy rằng sự im lặng của tôi chính là dấu hiệu báo trước cho đi biết rằng tôi đã hiểu và đã đọc được những ý nghĩ trong óc đi lúc đó. Tôi muốn thử xem cuối cùng rồi kẻ nào sẽ thua cuộc. Kẻ nào sẽ phải lên tiếng trước.

Buổi sáng đã muộn nhưng trời vẫn chưa có nắng. Thời tiết những năm gần đây thường trở lạnh vào những ngày cuối năm. Cái lạnh vừa đủ để cảm thấy thịt da gai gai ớn ớn trong cùi quạnh hiu xa vắng không tên của những ước mơ, những thất vọng và những chán nản. Cái rét lạnh cuối năm, thường bắt người ta bằng khuâng làm lại cái công việc khó tránh, cộng số đời mình. Tôi không muốn nghĩ gì hết. Có lẽ tại có nghĩ mấy rồi cuối cùng thì đời mình cũng chẳng khác hơn. Có nghĩ mấy thì rồi cuối năm,

hai di cháu cũng ngồi với nhau trong cái im lặng của một bỏ quên tôi thân và chưa xót.

Tôi đã bước qua tuổi ba mươi và đi Lãng thì với mùa xuân này nữa là ba mươi bảy.

Tôi bỏ nhà đến ở với đi Lãng thoáng chốc thế mà đã năm năm. Tôi chọn đi để đến ở bởi lòng thương đi thái quá. Tôi luôn mắc phải cái lỗi lầm hay cái bệnh là tình cảm thái quá. Tôi dễ xúc động một cách rất thật tình trước tình cảnh éo le hay buồn thảm của một người nào đó. Tất nhiên là không phải chỉ vì thế mà tôi đã bỏ nhà ra đi. Lý do gần và chính của việc này là ông Doãn. Phải ông Doãn, người cha kế, người mà mẹ tôi đã chọn để chấp nối nốt cuộc đời bà, những ngày còn lại sau cái chết của cha tôi. Chẳng hiểu có phải bản tính tôi vốn ích kỷ độc đoán không mà tôi không thể nào chịu đựng được sự có mặt của ông Doãn trong ngôi nhà, trong cái khung cảnh trên hai mươi năm, tôi đã quen mắt với ba tôi. Khi mẹ tôi loan báo ý định chấp nối với ông Doãn, tôi chỉ nói được một câu ngắn. Tôi bảo : « con không thể chịu được sự có mặt của bất cứ ai khác. Không ai thay thế được chỗ của người đã khuất. Mẹ nên sống riêng với ông Doãn ở một nơi nào khác. Nếu mẹ đem ông ta về đây, trước sau gì rồi con cũng phải bỏ đi. Hơn nữa, mẹ cũng đã già rồi. Còn hàng xóm láng giềng. Con làm sao sống nổi... ». Mẹ tôi đã im lặng sau câu nói ấy. Người không khóc, cũng không để lộ một trạng thái tình cảm nào bên trên lớp phấn dày và màu son môi hung đỏ. Tôi hiểu việc loan báo của mẹ tôi chỉ có nghĩa như là sự điều chỉnh lại cho một tình trạng đã được quyết định, đã xong xuôi hết từ lâu mà thôi, bởi trước ngày mẹ tôi nói với tôi điều đó thì ông Doãn đã ở trong nhà. Có chăng là thỉnh thoảng ông Doãn mới ngủ lại ban đêm. Mẹ tôi nói : « Mẹ hiểu nỗi đau đớn dày vò của các con, nhưng mẹ không thể làm sao khác hơn, dù rất muốn, hơn thế, con cũng thấy đó, ông Doãn rất tốt. Không chỉ tốt với mẹ mà còn tốt cả với các con. Ông lo lắng cho gia đình mình từng ly từng tý... » Tôi ngắt lời mẹ tôi bằng câu nói chưa chát : « Thôi, con nghĩ mẹ chẳng cần phải biện minh làm gì cho mệt. Mẹ còn quá trẻ. Mẹ mới bốn mươi tuổi, mẹ còn những sáu mươi năm dài trước mặt. Mẹ lấy ông Doãn là đúng. Mẹ phải sống

đời của mẹ. Chỉ khổ cho lũ em con, chúng nó còn quá nhỏ. Con thì dễ rồi... » Tôi không thể nói dứt câu vì chính nước mắt ở nơi tôi tự đầu đã ứa chảy và tôi đứng lên đi về phòng mình. Ý nghĩ bỏ nhà ra đi, nhen nhúm ở trong tôi từ đó. Di Lăng là cái địa chỉ đầu tiên trong những địa chỉ mà tôi đã nghĩ tới khi tính chuyện bỏ nhà ra đi. Sở dĩ cuối cùng, tôi chọn Di Lăng bởi vì dù sao, Di Lăng cũng là em ruột của mẹ tôi. Ở Di, ít ra còn có tình máu mủ, có liên hệ, có ràng buộc hơn là đến ở nhà bạn. Hơn thế, Di Lăng lại chỉ có một thân một mình. Trước đây di sống với bà ngoại tôi, nhưng khi bà ngoại qua đời thì di chỉ còn một mình giữa căn nhà hai tầng cuối một con ngõ yên tĩnh thuộc trung tâm thành phố. Di ở đó, với cơn bệnh không giảm, không tăng, cứ nhỉ nhắng (chữ của di) là bệnh lao. Chính cơn bệnh này đã không cho di sống được một đời sống bình thường của một người đàn bà. Tôi vẫn mang trong lòng một niềm thương mến di Lăng đạt dào tự những ngày còn bé. Và cái tình cảm đó, lớn dần theo với ngày tháng. Đó là thứ tình cảm ngậm ngùi của một phụ nữ, hiền nổi đau đớn, éo le của hoàn cảnh một người phụ nữ khác. Ngay từ khi chưa xảy ra chuyện ông Doãn, khi ba tôi chưa qua đời, Di Lăng đã nhiều lần ngỏ ý với ba mẹ tôi cho phép tôi được đến ở với di.

Nhưng ba tôi không đồng ý. Người nói rằng sợ tôi sẽ quấy rầy di, nhưng nói riêng với mẹ tôi thì người bảo sợ tôi sẽ lây bệnh của di Lăng. Tôi chẳng có một ý niệm nào về việc lây bệnh và cũng chẳng thấy việc di Lăng bị ho lao là một chuyện ghê gớm. Ngày xưa, có thể, nếu bị bệnh đó, mọi người sẽ phải lánh xa nhưng ngày nay thì khác, với thuốc men, với phương pháp trị liệu tiến bộ, bệnh đó đã trở thành một thứ bệnh quá thường. Riêng tôi chỉ hơi thắc mắc là tại sao Di Lăng lại không chịu chữa chạy cho nó tuyệt hẳn đi mà cứ để lằng nhằng mãi như vậy làm gì.

Khi Di Lăng hay được ý định của tôi, di mừng rỡ lắm. Chính di đã đến nhà tôi và loan báo lại với mẹ tôi về ý định đó. Mẹ tôi cũng không khỏi mừng, vì ở với ai chứ ở với Di Lăng, người có thể yên tâm hay ít ra lương tâm người cũng vì thế mà yên

đan, không bị day dứt. Và từ khi có ý định tới lúc thực sự xách va ly tới Di Lăng ở chỉ trong vòng một tháng.

Tôi đã sống những ngày tháng đầu tiên trong ngôi nhà thờ ngoại thật êm ả thật bình thân, hạnh phúc.

Từ nhà Di Lăng, buổi sáng, tôi có thể dậy muộn và đi bộ một cách thông thả tới sở. Trưa đến, tôi không còn phải ăn cơm trong sở nữa, tôi có thể thả bộ về nhà ăn cơm nghỉ lưng một lát trước khi bắt đầu công việc của buổi làm chiều. Những buổi tối cũng là những buổi tối thật ấm áp. Cơm nước xong hai di cháu ra phòng khách ngồi nói chuyện, đủ thứ chuyện bên tách nước trà loãng. Tôi nói cho Di Lăng nghe những chuyện vụn vặt xảy ra trong sở, ngoài đường phố. Di Lăng nói về những ngày xa xưa bên ngoại, những họ hàng thân thích. Thứ nhất là di nói cho tôi nghe những ngày đầu tiên ba tôi đến làm quen với gia đình, đã bị di chọc ghẹo và bắt nạt như thế nào... Những chuyện đó tôi nghe đi nghe lại hoài có cả trăm lần mà vẫn không thấy chán.

Nhưng một năm rồi hai năm qua, làm như những buổi tối với thời gian đã dài thêm ra mà chúng tôi thì cũng mệt mỗi dần. Những buổi tối, đã không còn là khoảng thời gian cho những kỷ niệm mới cũ sống lại nữa. Chúng tôi vẫn giữ lệ uống trà tối (những ly trà đậm hơn) nhưng trong im lặng, trong ngậm ngùi, trong xót thương mơ hồ mà kẻ nọ dành cho kẻ kia, Di Lăng đã già héo thêm với những nếp nhăn xếp lớp ở hai bên mép và cuối đuôi mắt. Tôi cũng thế. Phấn son như đã bắt đầu không muốn ăn vào cái da mặt ngày một thêm khô nẻ của tôi. Tôi đã bắt đầu phải tổ lên mặt mình những lớp phấn dày hơn, để che khuất phần nào cái làn da sần sần, xơ xác với những vảy da bong ra vào những ngày trời hơi trở lạnh. Những chấm da mốc trắng đã thấy hiện nhiều hơn trên má tôi.

Thời gian khiến chúng tôi cùng mòn mỏi và chán chường. Tôi đã lần lượt đi ăn cưới những đứa em gái và em trai của mình. Đứa em gái út tôi cũng mới đi ăn cưới nó vào tháng trước. Trong những dịp này, thường tôi lánh né sự chạm mặt ông Doãn, và mẹ tôi. Mẹ tôi biết vậy nên bao giờ bà cũng đi tìm tôi và cố ép tôi phải trả lời bà cho bằng được dăm ba câu hỏi vớ vẩn, nhàm chán.

Và cũng ở trong buổi tiệc cưới của đứa em gái cuối đó, tôi đã gặp người đàn ông, và ông ta chính là nguyên nhân của sự bồn chồn trông ngóng của cả hai di cháu trong buổi sáng nay. Ông Nhạ.

Buổi tối hôm đó, ông Nhạ đã xin phép được đưa tôi về nhà. Người bạn ngồi cạnh giới thiệu ông Nhạ với tôi, ông là Giáo sư của một tư thục, ông Nhạ đã đứng tuổi. Tôi có cảm tưởng như ông trạc tuổi ông Doãn hay nếu có kém thì cũng chỉ kém chút ít.

Trong suốt buổi tiệc, ông Nhạ đã lấy được cảm tình của tôi với lối nói chuyện có duyên, chừng chạc và điềm đạm. Cách ăn mặc và lối sống qua câu chuyện, tôi hiểu ông Nhạ còn độc thân.

Sáng hôm sau tôi có kể lại cho di Lăng nghe chuyện ông Nhạ. Di Lăng cho rằng những người đã ngoài bốn mươi như ông ta mà chưa lập gia đình, thì đó là những con cáo già, phải cần thận, coi chừng lắm mới được. Tôi đã cười trước lời khuyên cáo của di Lăng.

Một tuần lễ trôi qua sau buổi tiệc đó, thiết tình tôi cũng khuấy quên luôn chuyện ông Nhạ, nhưng rồi, một hôm đột ngột ông Nhạ trở lại kiếm tôi. Ông đem cho tôi một bó hoa, tấm thiệp với vài lời hỏi thăm. Di Lăng nhận hoa giùm tôi vì tôi đi làm không có nhà. Di Lăng thuật lại là có mời ông Nhạ vào trong nhà ngồi chơi một lát. Ông Nhạ hứa rằng sẽ trở lại vào chiều hôm sau.

Di Lăng chỉ nói vắn tắt thế. Tôi cũng chẳng hỏi thêm một câu nào. Hai di cháu vào bàn ăn. Buổi tối đó không khí trong ngôi nhà có vui lên một chút vì có chuyện để nói. Chuyện ông Nhạ. Di Lăng khen ông Nhạ bận nghiệp, nhưng hơi xạo. Tôi cho rằng ông ta là một tay ăn chơi sành sỏi quá nên chẳng thể nào lấy vợ được. Di Lăng nhìn tôi hồi lâu, mỉm cười, và bảo rằng kể ra thì ông Nhạ vẫn còn đủ phong độ để lấy vợ và làm cha, nếu có được một người đàn bà hàng hoàng chắc ông ta sẽ khác.

Tôi nhìn lại di Lăng. Mãi lúc sau tôi mới hiểu cái nhìn đăm đăm và nụ cười trên môi di. Tôi hơi ngượng và nghe lòng mình xao xuyến. Tôi muốn hỏi di Lăng rằng trong trường hợp một ngày nào, nếu tôi đi lấy chồng, di Lăng sẽ sống ra sao, nhất là khi sự có mặt của tôi trong ngôi nhà đã trở thành một phần đời sống khó thể thiếu vắng của di. Nó đã thành nếp. Nhưng tôi lại lặng im

vì thấy rằng còn quá sớm để hỏi một câu như vậy. Tôi đứng dậy, giả bộ vươn vai kêu mệt và lên gác.

Đêm đó tôi không ngủ được. Tôi lên xuống thang gác nhiều lần và thấy phòng di Lăng vẫn còn đèn. Tôi nghĩ co lẽ tại mấy ly nước trà hồi tối uống quá đặc. Đúng như lời hẹn trước, hôm sau ông Nhạ trở lại. Ông ngỏ ý mời cả hai di cháu tôi đi ăn cơm dưới phố. Tôi hỏi ý kiến di Lăng. Di Lăng nói tôi nên đi. Một mình thôi. Tôi bảo nếu không có di, tôi không đi. Cuối cùng di Lăng đồng ý đứng lên đi thay quần áo.

Lên xe của ông Nhạ, di Lăng nói : « Không biết đã bao nhiêu năm di không ra khỏi nhà vào buổi tối ». Câu nói của di Lăng nghe mời thăm làm sao. Cũng chính với câu nói đó, tôi mới chợt nhận ra rằng tôi cũng đã chẳng khác hơn Ông Nhạ thật là một may mắn cho ông. Buổi tối đó, ông Nhạ mời chúng tôi ăn cơm trên một tầng lầu lộ thiên ở ngay giữa trung tâm thành phố. Không hiểu nguyên do nào khiến di Lăng đã nói nhiều từ suốt dọc đường đến bữa ăn. Tôi im lặng nghe và đôi khi cảm thấy khó chịu khi di nói những lời có ý khen lao tôi. Tôi bấm di nhiều lần, nhưng di thân nhiên làm như không để ý tới. Di Lăng cũng nói với ông Nhạ về căn bệnh thâm niên của di. Tôi không thích cái tình bày tỏ tình cảm một cách dễ dãi đó. Thái độ của di Lăng cho tôi cái cảm tưởng như vậy. Sự lặng thinh của tôi, đã khiến ông Nhạ hiểu lầm. Ông hỏi tôi :

« Cô Nguyên có vẻ không được khỏe trong người ? »

« Ông nghĩ thế ? »

« Không. Tại tôi thấy cô im lặng quá lâu. »

Tôi đã cười trước khi trả lời ông rằng tôi chẳng cảm thấy có điều gì cần thiết phải nói. Ông Nhạ cũng cười và thêm, ở trường hợp ngược lại, người ta cũng sẽ có chung một thái độ như vậy. Tôi hỏi tại sao. Ông Nhạ nói tại khi có quá nhiều điều để nói và cùng muốn nói một lúc, người ta sẽ phân vân không biết nên nói điều nào trước điều nào sau.

Câu nói hơi có vẻ khôi hài của Ông Nhạ, khiến chúng tôi cùng cười. Chừng như di Lăng chợt nhận thấy một ám chỉ nào đó dành cho mình nên di nói :

« Nay giờ chỉ có tôi là người nói nhiều nhất. Chắc tôi ở lo

lửng giữa hai trường hợp.». Tôi muốn nói với dì Lăng rằng nếu thế thì cách hay nhất là đi nên im lặng ngay từ phút này, nhưng ông Nhạ đã nói :

« Cuộc đi chơi này sẽ tẻ nhạt ghê gớm, nếu không có cô, cô Lăng à. »

Tôi hiểu câu nói của ông Nhạ chỉ là một cách nói để lấp đầy cái khoảng trống vô duyên mà dì Lăng ném lại sau câu nói của dì, nhưng đồng thời tôi cũng nhận biết thêm một điều là ông Nhạ khéo quá. Ông có vẻ chu đáo tới độ không thể chu đáo hơn và điều đó làm tôi e ngại.

Bữa ăn sẽ được kể như là hoàn toàn, nếu không có sự nhiều lời và hơi vội của dì Lăng cùng những ly rượu mức từ chiếc thau sành màu hung hung đỏ với những khoan, những lát táo, cam, lê, dứa... mà dì Lăng đã uống. Thau rượu này chính là món đầu tiên mà ông Nhạ giới thiệu, được coi nhà là món đặc biệt nhất của nhà hàng. Tôi từ chối ngay từ lời mời đầu tiên dù rằng đó chỉ là một thứ rượu khai vị, có uống nhiều cũng khó say như lời ông Nhạ. Dì Lăng đã uống tất cả bốn ly. Men rượu đổi thay thật nhanh lớp da mét mét hai má dì thành một màu hồng, nhợt nhợt. Từ đó, dì Lăng có vẻ mất bình tĩnh và hầu như không còn giữ gìn nữa. Tôi biết từ bé tới lớn có bao giờ dì uống rượu. Tôi nói nhỏ với ông Nhạ điều đó và yêu cầu ông đừng mời thêm rượu cho dì Lăng, ông Nhạ cả cười, có thể là ông cũng đã bị chính cái hơi men chệnh choáng của thau rượu mà ông bảo có uống nhiều cũng khó mà say làm cho ông khác đi. Ông nói lớn là không sao hết và nếu chẳng may có say thì cũng chưa hẳn đó là điều đáng để phân nân.

Dì Lăng nghe được và đoán hiểu câu nói nhỏ của tôi. Dì tỏ ý trách mắng khéo tôi với hàm nghĩa bày đặt, làm bộ...

Tôi im lặng và không cảm thấy giận hờn một chút nào trái lại chỉ thấy thương hại và tội nghiệp dì hơn.

Ăn xong ông Nhạ mời chúng tôi đi xem ci nê. Tôi viện cớ quá mệt và dì Lăng cũng không khá gì, đòi về nhà ngay. Khi ông hỏi ý dì Lăng, dì cũng gật đầu và cho biết dì cảm thấy như đầu cũng choáng váng, như nếu ngồi lâu hơn dì có thể sụm ngã.

Ông Nhạ lái xe đưa hai dì cháu tôi trở về sau khi tính tiền. Ngồi trong xe chỉ tôi biết dì Lăng đã khóc. Những giọt nước mắt, không hiểu bởi lý do nào đã trào ra khỏi khóe mắt dì, khi dì nghiêng đầu vào vai tôi. Hơi thở dì Lăng nóng hổi. Tôi quay hết kính xe để giữ an toàn sức khỏe cho dì Lăng. Đêm đó dì Lăng lên cơn sốt. Dì nóng vùi, nhưng tôi không hay, tôi về phòng mình ngay khi đi được dì vào phòng của dì. Nửa đêm khi trở mình, tôi mới nghe được tiếng dì gọi tôi yếu ớt từ dưới thấp vẳng lên. Tôi chạy xuống, dì Lăng vẫn chưa ngủ được. Dì kêu khát nước. Khát khô bỏng cả cổ. Tôi rót nước và đỡ dì dậy cho dì uống. Sờ tay lên trán dì, tôi mới biết là dì quá nóng. Cơn sốt có thể lên tới bốn mươi, bốn mốt độ. Tôi ngồi một lát nhìn dì Lăng dần dần mê man trở lại. Tuy nhiên tôi không thể cứ ngồi như thế cho hết đêm vì hôm sau tôi còn phải đi làm, tôi đứng dậy khép hờ cửa phòng cho dì và bỏ lên gác ngủ sau đó.

Cơn mơ đến trong giấc ngủ lại này là một cơn mơ lạ lùng. Tôi mơ thấy dì Lăng chết. Đám tang dì chẳng có ai đi đưa, ngoài tôi và ông Nhạ. Lúc hạ huyệt, ông Nhạ dành phần ném những viên đất đầu tiên xuống lòng mộ và tôi nghe ông thú nhận rằng ông đã yêu dì Lăng. Tôi nhớ là tôi đã không có một phản ứng tâm lý nào trong tình cảnh đó. Tôi đứng thu người dưới một tàn cây nhìn những người phu nhà đòn lấp trả lại những lát đất mới phủ kín mộ dì Lăng. Chúng tôi chia tay nhau ở ngoài cổng nghĩa địa. Ông Nhạ trước khi đi đã cầm tay tôi và nói không có một lần thứ hai, ông trở lại thành phố này. Chừng như hành động của ông Nhạ đã khiến tôi ngạc nhiên quá đời. Tôi an ủi ông rằng chết là hết có chi đâu mà phải có quyết định ghê gớm vậy, xong tôi hỏi ông định đi đâu, ông Nhạ trả lời cũng chưa biết rõ. Tôi muốn nói với ông rằng nếu không gấp lắm mời ông ghé qua nhà uống chung với tôi một chung trà loãng, ở cái chỗ ngồi bắt đầu bỏ trống của dì Lăng, nhân tiện tôi có thể trao lại cho ông ít kỷ vật cuối cùng của người qua đời. Nhưng cuối cùng, tôi không nói ra được ý định của mình và tôi đã bật khóc, lúc nhìn theo chiếc bóng xiêu vẹo của ông chìm dần vào hai hàng bóng râm đen biếc của những tàn cây cổ thụ.

Tôi tỉnh dậy giữa lúc còn kịp thấy hai bàn tay đang bưng lấy chính mặt mình. Tôi nhớ khi ấy trời còn sớm. Ngoài cửa sổ tôi còn thấy những đám sương như khói bông bông không bay dưới chân tường. Tôi cố nhớ lại mọi việc và vội chạy xuống phòng đi Lãng. Di Lãng đã ngủ được. Con nóng cũng dịu hơn hồi khuya trên vàng trán di nhân nhúm và mấy chấm tàn nhan nhỏ li ti nơi hai gò má.

Tôi nghe lòng mình nhẹ voi hẫng đi như vừa trút ra khỏi nó một cái gì cứng nặng. Tôi vào bếp lui hui đặt nồi nước. Pha trà và định bụng sẽ gọi di Lãng dậy uống với tôi một ly trước khi tôi tới sở. Sau đó tôi lên phòng mình trang điểm và thay quần áo. Loay hoay sao, lúc xuống nhà dưới, tôi quên khuấy vụ ấm nước và bỏ ra khỏi nhà ngay sau khi thấy di Lãng vẫn còn chìm sâu trong giấc ngủ muộn.

Trưa hôm đó tôi trở về nhà sớm hơn thường lệ. Ông Nhạ đã ngồi trong phòng khách và đang lật xem một cuốn báo cũ. Thấy tôi ông không dấu vẻ mừng rỡ. Riêng tôi, tôi đã đề cho ông ta thấy tất cả ngạc nhiên của mình về việc lại quá sớm và bất ngờ của ông. Chẳng như ông Nhạ đã đọc được tất cả những điều đó nơi gương mặt tôi, nên ông nói ngay rằng ông trở lại đề xin lỗi chúng tôi về bữa ăn hôm trước. Tôi cười giả lả đáp rằng không có chi khiến ông phải bận tâm quá thế. Tôi dấu không cho ông biết chuyện di Lãng bị sốt vì những ly rượu khai vị của ông. Tôi mời ông ngồi chơi và bảo đề tôi vào nhà mời di Lãng ra tiếp chuyện. Di Lãng vẫn ngủ vùi và chẳng như di có trở dậy một lần vào khoảng thời gian tôi đang phải làm việc tại sở vì tôi thấy trên bàn của di có một ly nước trà chưa uống hết. Tôi im lặng trở ra và nói cho ông Nhạ hay di Lãng không có nhà, chắc đi ra phố mua chi đó. Tôi đề nguyên quần áo ngồi tiếp chuyện ông Nhạ một cách miễn cưỡng. Ông Nhạ coi đồng hồ luôn. Tôi nói dối tiếp rằng chắc di Lãng sắp về. Ông bảo :

« Không. Tôi cũng chẳng thấy cần phải gặp cô Lãng lắm. Cô vui lòng nói lại lời xin lỗi của tôi là đủ. Giờ tôi có chút việc, đề lần khác tôi lại thăm hai cô lâu hơn. Tôi gặt đầu và đứng dậy trước. Tôi nói bất cứ lúc nào rảnh, ông đều có thể ghé qua chơi.

Ông Nhạ cầm mũ bước ra và nói với tôi rằng :

« Nếu câu nói vừa rồi của cô chỉ là một câu nói xã giao, thì tôi cũng vẫn sẽ coi nó như một câu thiệt tình và tôi sẽ trở lại khi có dịp. »

Tôi cười cười không đáp, nhưng trong lòng tôi có một chút gì đó vui vui vì cách thể chừng chặc và câu nói đầy tự tin của ông.

Thêm một tuần qua đi, ông Nhạ không trở lại nhưng ông cho một đứa nhỏ đem đến cho chúng tôi một bó hoa thật tươi. Tám các kèm theo nói rằng ông sẽ đến thăm vào buổi sáng hôm nay. Và nếu tôi không hiểu sai và hiểu xấu cho di tôi, thì chừng như di tôi đã tỏ vẻ nóng và sốt ruột hơn tôi nữa.

Di Lãng lại ngưng tay đàn và liếc nhìn ra ngoài ngõ. Lần này di nhìn thẳng không có vẻ muốn dấu diếm che giấu gì hết. Tôi lắng nghe được tiếng động cơ xe nổ. Âm thanh cho tôi cảm tưởng quen thuộc.

Tôi xếp cuốn sách lại và đứng dậy đi thẳng lên gác. Tiếng xe đuổi theo những bước chân gấp vội linh quỳnh của tôi lên từng bậc thang. Tôi nghe tim mình đập mạnh và lần đầu tiên, tôi thấy chiếc cầu thang cao và quá dốc. Tôi có cảm tưởng như nó muốn bắt ngược tôi trở lại. Phải cố gắng lắm tôi mới bước lên đến bậc thang trên cùng, vừa hay lúc có tiếng gọi khê, lạc giọng của di Lãng. Tôi chạy nhanh vào phòng mình, thẳng tay đóng xập cửa và úp xấp mặt xuống gối.

Buổi sáng cuối năm vẫn chưa có một tia nắng nhỏ nào bên ngoài khung cửa sổ.

du tử lê

Thanh Tâm Tuyền

Người hành khất trở về

Người hành khất trở về cùng lúc heo may — à mùa nông hắc
mênh mang riêng cở

Đất se mình dưới đầu gậy khua âm hình thù quá vắng

Ta nghe Ta nghe

Trên đường đề nám lỗ tuyết ánh nhìn. Tuyết kêu van náo động,
niềm hi thiết không cùng

Tuyết mù con nước cuốn dâng. Trời bạc phếch, mùa Lửa thần
nhiên trôi — đốm tàn lả tả.

Lửa chói mù lò, trận Tinh thâm khốc những ham mê

Ta nghe Ta nghe.

Ta nghe hồi trống bão bùng âm u, trống đập miên man ngực yếu
Trong miền trí nhớ quanh co mây đùn nổi lênh bênh

Con chó trung thành dẫn lối hóa đại đã chết ở ven đường bỏ ta
giữa cơn nắng hạ

Ta nghe cỏ xanh um thắm nín giải chân đề lập cập

Trống dội vang triều nước đục bặt ngàn
Cây gạo già trơ đã buông rơi những bông đầm máu.

Con trẻ bỗng gào trong thôn xa hẻo lánh trên cánh đồng chiêm
ngập lụt. Làng mạc quanh đâu còn dấu tích
Những tử thi trong ánh ngày nhòa trên kiệt cùng bờ bãi
rụng rụng
Phơi trong mắt ta chẳng thấy, trong quạnh hiu cơn bão kéo gần

Ta nghe Ta nghe

Người hành khất trở về tựa gốc đa khô. Quán lều hoang tịch.
Đường bến sông chẳng dấu chân người

Bàn tay trơ xương bụng gương mặt ngửa. Ngọn heo may thâm thì
trong tóc bõm xồm như lau lách

Ồi ký ức ta như trẻ ấy khóc gào biền biệt — Ta nghe Ta nghe —

Hồi trống dội thiếp mê giữa sân đình đồ nát

Mùa xum vầy thảm thiết, hồi anh em, tiếng trống gióng bởi ôi.

thanh tâm tuyền

(trích *Và buổi mai này của em*)

Mang Viên Long

Mây hoàng hôn

Qua khỏi khu trường tiểu học nằm bên kia nương nước Phúc bước lên cây cầu đá nhỏ đi dần vào khu chùa. Cổ trước sân chùa mọc cao ngêu, xác lá mục, thân cây oằn cong gãy ngã bừa bộn. Con đường mòn nhỏ bao bọc ngôi chùa đã bị khuất lấp mất chẳng còn dấu vết. Màu rêu xanh, màu mốc bạc thếp trên vách tường, cánh cửa đóng hờ, những tấm ván dựng rải rác quanh ngôi chùa đã nói rõ với Phúc mọi đổi thay dồn dập đau lòng từ ngày anh rời làng ra đi. Lúc cõ xe ngựa bắt đầu chạy lên nhíp cầu Phụ Ngọc đầu tiên, Phúc nhìn xuống dòng sông, con nước đang lớn, nghĩ nhớ tới lòng sông mùa khô bày trơ cát trắng những năm thuở nhỏ xa vời chiều nào cũng mang điều ra thả. Khi những cánh diều lồng lộng mơ ước đã rải cánh hoặc đứt giây bay bổng lên vòm trời xanh cao, cả bọn họp nhau lại bày đủ thứ trò chơi. U quạ mỗi miệng đến cướp cờ. Cướp cờ mỗi chân rồi ngồi quanh nói chuyện đời xưa ma quỷ hoang đường. Sau cùng, trước khi lững thững trở về nhà, bọn Phúc tìm tới một trũng sông sâu, dầm mình hơi lội. Dòng sông bây giờ đang ở mùa nước lớn, những bãi cát trắng, những cánh diều, những trũng nước sâu, những người bạn, những câu chuyện thần tiên ghê rợn thuở xưa đã cuốn trôi phăng theo dòng nước từ một đêm nào mưa gió. Cây cầu sắt chênh vênh xiêu vẹo sau lần bị phi cơ Pháp ném bom, nay đã

được rút bỏ, để thế vào một cây cầu đúc rộng rãi kiên cố. Tuy vậy, những bờ đập cao bằng đá trắng phía trên cầu hình như không có gì thay đổi: Những ngọn nước chảy rào rào trắng phếu giống dạo nào. Và sự khoáng đạt, tươi mát, tĩnh mịch bình như cũng không mất khi ở giữa cầu nhìn về hai phía dòng sông bên kia Nhơn Thọ bên này Kiên Mỹ. Gió, gió đầu đông nồm nợp gây lạnh trong ánh nắng se se, hanh vàng. Phúc chợt bắt gặp trong hơi gió và sắc nắng một sự quen thuộc thực thân thiết, thực nồng nàn. Cảm giác này đã xưa đi được đôi phần lòng buồn nẫu đã có nơi Phúc khi anh bắt đầu nghĩ tới việc trở về. Anh bắt giác mỉm cười như thể đang mở lòng đón nhận, mời mọc bắt thấy mọi nỗi an ủi vỗ về, đang bằng bạc man mác trong ánh nắng thu đông.

Người linh gác bên này cầu mệt mỏi hạ thấp sợi dây kéo giăng qua đường cho chiếc xe chạy lên chợ. Con đường bị những vòng kềm gai tua tủa ra hai bên nên hẹp khẹp lại, chiếc xe phải chạy chậm dần, lọc cọc, lắc lư trên quãng đường lồi lõm gồ ghề. Con ngựa cúi gập đầu cúi tới trước gắt kéo lê chiếc xe chở đầy người và quang gánh đồ đạc kồng kênh. Nhìn con ngựa lững lờ nhẩn nại với dáng gầy gò ngờ ngác, Phúc nghĩ tới người chủ đang ngồi trước gọng xe: Ông ta cũng đã già, gầy gò, và ngờ ngác như thế. Trên nhiều đoạn đường gập ghềnh, ông ta thường nhảy xuống bám đôi tay xương xẩu đen sạm lên gọng xe, cúi sát người xuống, hì hục cùng ngựa kéo chiếc xe nặng nề lăn bánh. Những lúc như vậy, Phúc thấy ông chẳng khác gì một con ngựa. Con ngựa kéo xe để được máng cỏ, ông kéo xe để được bát cơm. Trong cuộc sống này, Phúc nghĩ thêm, chẳng qua tất cả cũng đều là những con ngựa tuy rằng không kéo cùng một chiếc xe bánh sắt. Phúc bây giờ là một con ngựa què, anh sẽ không còn kéo theo bên mình chiếc xe trĩu nặng, nhưng chắc phải sống đời trơ vơ lang thang trên cánh đồng đã khô héo cỏ.

Phúc đoán ra khu nhà của người cô ở đầu xóm, tiếp giáp với đầm ruộng, bên này là con đường ruộng hẹp, đắp cao. Vị trí của căn nhà khó có thể quên được. Phúc nghe như lòng cũng rộn rã vui mừng khi nghĩ rằng anh đã nhìn thấy, sống lại được, trong căn nhà thân yêu cũ. Sau hàng rào cây xanh cao kia, trong khu

nhà vườn cây xum xuê đó, Phúc đã trải qua những tháng năm chưa xót nhưng thực êm đềm. Một nỗi êm đềm của lòng nhớ tưởng, thơ mộng tựa những cánh diều màu sắc lơ lửng vi vút trên vòm trời sông Phú Ngọc bao la.

Tại sao chiếc cổng gạch ẩm cứng dạo nào lại không còn ? Phúc nghĩ thầm, lợng lợng bước sâu xuống mấy khu nhà kế tiếp, dòm ngó, bờ ngó. Anh định đi tìm một chiếc cổng gạch, nhưng chẳng có căn nhà nào còn. Bờ dậu xanh cao rườm rà lá dúi, diềm đỏ hoa dâm bụt, hoa ô tàu. Chiếc cổng đâu ? Phúc đi ngược trở lại chú ý hơn vào các căn nhà. Không có căn nhà nào còn phẳng phất nét quen thuộc trong cái tường nhô cũ càng xa lắc của anh. Căn nhà ngói lớn, mái thấp, thêm cao, khoảng sân gạch xám của cô Cửu đâu ? Dừng lại trước hàng dậu căn nhà đầu tiên tiếp giáp với bờ ruộng, Phúc nhớ tới chiếc cổng gạch những ngày mùa đông rét run đứng co ro trong khe cửa nhìn màn mưa dày đen kịt, mà ngậm ngùi thương nhớ mẹ. Chiếc cổng, những trưa hè ngồi dựa lưng lên vách, đọc truyện thơ «Phạm Công Cúc Hoa», «Lục Vân Tiên», gió mát ru mùi giắc ngủ đơn lẻ lúc nào cũng không hề hay biết. Chiếc cổng, những buổi chiều ngồi nhìn đám thợ gặt làm việc náo nức rộn rã phía dưới mấy đám ruộng trước nhà. Chiếc cổng, những đêm trăng sáng cùng lũ bạn đi bẻ trộm dưa gang chín về ngồi ăn với đường tán đen cười nói ồn ào tới khuya mới tản mát. Chiếc cổng bây giờ đâu rồi ? Căn nhà của cô Cửu đâu ?

Phúc bước vào sân, người đàn ông trạc bốn mươi tuổi lộ đầu ra nhìn, cười gượng gạo :

— Chú hỏi thăm ai ?

Nhìn quan sát một vòng khu nhà, anh nói :

— Tôi tìm nhà bà Cửu, ông biết nhà bà Cửu không ?

Người đàn ông mừng rỡ ;

— Đây rồi, có phải chú là cháu bà Cửu ?

Phúc gật đầu, cúi nhìn tay nạm gố :

— Phải. Sao ông biết ?

— Ô, bà ấy nhắc tới chú hoài. Ông Cửu chết rồi chú hay chưa ?

— Chưa. Chết rồi à ?

— Chết rồi.

— Đã lâu chưa ?

— Cũng mấy tháng.

— À, còn cô tôi ?

— Bà ấy bây giờ không đi đứng được nữa, nằm căn nhà sau.

— Sao lạ vậy ?

— Phong. Tê liệt.

Người đàn ông chợt kêu lên :

— Ấy, sao chân chú vậy ?

— Gãy.

— Bị thương chắc ?

— Bị thương.

— Ô, trai tráng thời buổi này đều vậy cả...

Phúc theo người đàn ông bước vào nhà. Căn nhà lạ hoắt. Không còn một chút đồ vật, bóng dáng nào quen thuộc với trí nhớ anh. Quả thực thời gian đã dần dà đổi thay được hết cả : Căn nhà đã khác, người dựng không còn, bà cô nằm liệt, mấy người anh vắng bật, và Phúc khắp khiêng trở về cũng không giống xưa nữa. Ngày Phúc được mẹ dẫn tới gửi cho người cô, anh mới mười tuổi. Mười tuổi, cái tuổi ngây dại lơ lửng đó Phúc đã phải sống bơ vơ bên người cô xa lạ, cạnh ông dựng lèm nhèm mùi rượu, giữa những người anh bướng bỉnh, ngang ngạnh xấc xược. Mẹ Phúc tái giá với một tên sở Khanh, đào mỏ. Bà ôm tất cả gia sản đi theo ông để lo «khước trương làm ăn». Với tấm lòng rất dễ tin tưởng, hảo ngọt, và tâm sự buồn bã cô độc, những lời lẽ gò gẫm hứa hẹn của người đàn ông nọ đã làm yếu mềm lòng dạ bà. Thế nhưng tình nghĩa chỉ được kết nối bằng tiền bạc thì tiền bạc cũng sẽ kết thúc nó một cách đau đớn : Mẹ Phúc sạch nhẵn vốn liếng, người đàn ông nọ đã để bà chết đi một cách dửng dưng. Trước khi biết không thể sống thêm được, bà cho gọi Phúc gần gũi bà. Bà thường thở dài với hai dòng nước mắt lạnh lẽo : « Con à, con đừng bao giờ nghe lời quyến rũ của ai, nghe con ? ». Kinh nghiệm này, bà đã đổi được với một giá quá đắt bằng nửa cuộc đời cay đắng buồn thảm.

Phúc sống với bà cô như một bờ bến cuối, một nơi dừng

ngủ sau cùng, một trú nấp còn sót lại cho cuộc đời cô cút của anh. Bà con, họ hàng, bè bạn thực là xa cách, mịt mờ. Trước mặt Phúc bấy giờ là một đời sống cô tịch, khép kín, ngo ngác như ý nghĩa tương lai. Một tương lai tợ như những thân cây rừng hoang dại sừng sững trơ vơ giữa trời.

Người dựng Phúc thường nói: Tội nghiệp thằng nhỏ, cháu hãy sống với cô dựng. Dựng thương cháu dào dạt. Phúc đã ở lại trong tình thương yêu đó bằng cuộc sống của người ở độ, tâm tối, cực nhọc. Ngày quần quật, vất vả, tối đêm phải thức đêm lưng, bóp chân cho người dựng nghiệp rượu, co tấm lòng bao la ấy. Tuy vậy mỗi khổ tâm lớn nhất của Phúc chừng như là những bận ngang tàng, hống hách của những người anh đã ngộ Phúc với đôi mắt tấm lòng dành cho kẻ hành khất. Cái buồn tủi này đã là nguồn lực quyết định chuyển ra đi xa của Phúc năm mười lăm tuổi. Và, anh chỉ còn mang theo được hình ảnh êm ái của những buổi chiều đầu tiên rời mẹ mãi mẹ trên những cồn cát trắng của dòng sông Phú Ngọc với những cánh diều chấp chới bay liệng.

Phúc ngồi xuống giường bà cõ khuất sau tấm màn :

— Cháu đây này, cô còn nhớ không ?

— Thằng Phúc đó hả ?

— Dạ.

— Trời ơi...

Bà sụt sùi khóc. Đôi tay bà run rẩy nắm chặt cánh tay Phúc như sợ anh vụt mất. Tiếng khóc của bà khàn đục, nghẹn ngào trong cổ. Nghe tiếng khóc ray rức, quần quật đó, Phúc biết bà đã sống những ngày gần cuối cùng của đời bà thực cô độc và âm ảm. Đứa con út của bà, anh Trung, mà người dựng thường khoe rằng nói tiếng Tây như gỏ cây, nói tiếng Mỹ như gió, học hành được nhiều chứng chỉ, quen thân với ông lớn này, bà triệu phú nọ ở Sài Gòn, tương lai rực sáng như ánh đuốc, tài ba lỗi lạc nhất vùng nhất xứ ; đã vào nằm trong Thủ Đức mấy tháng nhưng bị bại lộ chứng chỉ tú tài giả, đã bôn đảo biệt tăm nhiều năm nay. Trung bỏ đi, câu chuyện của ông trở nên nhạt nhẽo và ông thường lẳng lẽ thở dài. Khác với lúc xưa, hể mở miệng, việc trước tiên là ngợi ca cái tài xuất chúng của con, bĩm môi khinh bạc những

người đồng lứa, nhất là những người trong họ hàng gần gũi. Ông thường nói: « Ôi, cái thằng đó không bằng cái móng tay của thằng Trung tôi ». Bấy giờ, ông đã chết, dưới tuyết sâu lạnh lẽo buồn bã, ông có biết chẳng Trung đã phiêu bạt lang thang như những cái móng tay đã cã bỏ ? Lòng kiêu ngạo mù quáng kia phải chăng là sự thất vọng lớn đề ông đã sớm lìa cõi đời còn mang theo một ngọn đuốc tin tưởng trước khi nhìn thấy nó thực sự chỉ là một tia lửa le lói, âm u ? Dù sao, nghĩ tới Trung, Phúc cảm thấy xót thương ông như đã cay đắng bù lại cho lòng tin yêu của mẹ anh thuở trước. Mẹ cha nào lại chẳng nuôi nhiều kỳ vọng vào đàn con để được ấm lòng già nua, xế bóng ? Con cái bao giờ cũng là nơi tích chứa mọi mơ ước đã được nuôi nấng dạt dào trong lòng cha mẹ.

Người đàn ông ngồi ở sân nói chuyện với Phúc về căn nhà qua nhiều cuộc tản cư, bom đạn, thay đổi. Lần chót, được trở về căn nhà không còn là căn nhà nữa : Cổ cây, mối đất, rầu rết, đã biến cả căn nhà, khu vườn là một bãi hoang, ghê rợn. Nay chú, lũ tôi đã phải bỏ ra ngót một tháng để dọn dẹp, chặt cây, nhổ cỏ, ủi đất, phát rào, đổ nền, dựng nhà đó. Một tháng làm việc tay tấy, vội vã, ngày đêm mới trông tạm như bây giờ. Chú à, nhiều lúc tôi nghĩ, giá mà phải bỏ chạy một bận nữa, chắc lũ tôi hết chỗ nương tựa. Bà Cửu có hứa với vợ chồng tôi rồi, khi bà chết, bà sẽ dành khu nhà này cho chúng tôi coi ngó. Phúc đứng dựa vào vách tường, mặt hướng ra ngõ, buổi chiều u ám mây lạnh, cánh đồng vắng vẻ ướt át, nghĩ tới những ngày kế tiếp phải sống lại nơi đây trong những biến đổi ngòm ngợp khắc khoải, Phúc tưởng mình cũng đã quá già nua khó héo. Như người cô tẻ liệt nằm mãi trong buồng tối, như người đàn ông quê mùa lỡ vận tản cư, như xóm làng thê lương chưa ngoi dậy thoát khỏi nỗi ám ảnh chết chóc.

Phúc mời người đàn ông một điếu thuốc, anh hỏi :

— Cây ổi bát quạt ở góc kia cũng chết rồi à ?

Người đàn ông cười :

— Người còn chết hướng hồ là cây cỏ...

Giọng Phúc chợt buồn :

— Tôi có khắc mấy chữ ở thân cây ổi đó, ngày tôi ra đi.

Người đàn ông do dự, im lặng. Hình như ông ta muốn nói gì nhưng lại quay mặt nhìn hồ qua bờ rào. Phúc cảm thấy không yên tâm khi biết ông ta cố lảng tránh cái nhắc nhở về cây đời và hàng chữ cũ của mình. Thói quen im lặng của ông giống sự lạnh nhạt đứng đưng, Điều đó khiến anh khó chịu, buồn bã.

Tiếng người đàn bà hỏi từ bên kia bờ rào:

— Con Sáu đi chợ Đình Đình về chưa ông Thứ?

— Chưa, có chuyện gì vậy?

— Không, hỏi thăm vậy mà.

Phúc đề ý tới giọng nói của người đàn bà thực quen thuộc. Anh quay lại, nhìn qua bờ rào cao, thấy khuôn mặt của Nữ. Anh hỏi lớn, giọng bình thản:

— Có phải chị Nữ không?

— Ai đó?

— Tôi.

— Có phải cậu Phúc không?

— Đúng rồi.

— Ồ, cậu Phúc đó à? Về khi nào vậy?

— Mới về.

— Rảnh ghé lại đặng tôi chơi nhé?

— Dạ, cảm ơn.

Căn nhà của mẹ con Nữ đã dời lên giữa xóm, nằm cạnh đường, con đường từ nhà cô Phúc đi thẳng, dẫn lên dãy phố cũ, từ đó quẹo qua khu chợ mới được tái thiết ở bên kia hương lộ. Tối qua, nằm nói chuyện với ông Thứ, Phúc cũng đã hiểu được cảnh ngộ Nữ từ ngày anh bỏ đi tới nay. Trước khi anh rời làng này, Nữ đã có con với một gã cán bộ trong ủy ban hành chánh xã. Đám cưới gấp gáp giữa khoảng sân nhà hoang phế vào một buổi chiều cuối xuân. Hai dãy bàn kê nối nhau, hai dãy ghế đối diện dành cho hai đám trai, gái, bè bạn liên hệ trong xóm. Mấy đĩa đèn dầu leo lét chập chờn đặt rải rác trên mặt bàn. Họ uống nước trà, ăn bánh ngọt, nói chuyện đủ thứ chuyện nào thì đùa diết chuột, bắt sâu, thuê má, đào hầm trú ẩn liên lạc, canh gác, hội họp, kiểm thảo, phê bình, công tác chuyển vận, dân công..

Buổi tiệc cưới biến thành một cuộc thi đua thảo luận hăng hái hơn bất kỳ một buổi gặp gỡ nào bởi có mấy quả bánh và nước trà. Sau đêm đó, khi Nữ có thai sáu tháng, gã cán bộ xã phải xuống tàu tập kết. Theo lời ông Thứ kể, quãng sau này, nàng là vợ của một ông trung đội trưởng nghĩa quân. Gặp ông trung đội trưởng này đã có thêm hai đứa con, hai đứa con trai cả, nhưng rồi ông này đã chết. Ông ta chết trong đêm đồn bị đánh. Cũng theo lời ông Thứ, lính trong đồn có vài ba người, đa số đang còn mãi mê đánh bạc ở đâu đó, ông trung đội trưởng thì vừa từ nhà người mèo của ông ta về tới đồn, mệt mỏi đặt lưng xuống võng, tiếng súng nổ dồn đã bốn phía đồn không kịp trở tay. Đồn bị đánh. Ông trung đội trưởng chết ngay trên võng. Sau đêm đó độ vài tuần, cả xóm phải hè nhau bỏ chạy, như vậy tính đến nay chồng Nữ đã mất được chẵn hai năm rồi. Nữ vẫn ở chỗ cũ, nuôi ba đứa con. Một đứa là con của gã cán bộ tập kết, hai đứa là con của ông trung đội trưởng nghĩa quân tử trận. Ba đứa con, những mảnh tình chia xẻ, những oan nghiệt khắc khe đã bủa vây lấy cuộc đời hăm hiu yếu đuối của Nữ. Trọn đêm qua, thấu rõ cảnh đời lận đận của Nữ, Phúc trần trọc nhớ lại những ngày sống gần gũi Nữ như một người chị lạc lõng yêu dấu đã vồ về môn tròn nổi cô độc buồn phiền của anh những ngày sống ngơ ngác trong tình thương ba hoa của người dượng. Nữ đã an ủi Phúc khi ôm anh vào lòng lau khô những giọt nước mắt thấm thiết. Nàng như chiếc cổng gạch trước nhà, sẵn sàng che chở anh, xoa dịu ngọt ngào, ôm ấp miễn yêu. Phúc tưởng chừng đôi bàn tay mềm mại êm đềm kia vẫn còn phơn phớt in dấu trên khuôn mặt mình. Và hơi thở ấm, giọng nói trong, hơi hướm khác lạ Nữ đột nhiên trở lại như một quuyến rủ ám ảnh Phúc cho tới lúc này.

Nữ lớn hơn Phúc bảy tuổi. Giờ thì đã có ba đứa con. Người cán bộ năm nào chắc cũng mờ một bóng dáng trong rừng núi Trường Sơn trùng điệp xa lắc, còn gã trung đội trưởng nghĩa quân đã yên rồi một kiếp, nhưng Nữ vẫn còn đó, lúi lúi như một chiếc bóng khốn khổ. Liệu nàng có còn phải hứng chịu thêm một tai họa buồn thảm nào khác? Đôi bàn tay tình nghĩa bơ vơ kia chắc đã chai mòn, rời rã sau bao bất hạnh dồn dập phủ phàng?

Phúc dừng lại một lúc trước cổng nhà Nữ, nhận biết rõ lòng mình thực bồi hồi, xúc động.

Tiếng Nữ ở phía dưới khu nhà nấu ăn mừng rỡ gọi lên :

— Cậu Phúc, cậu Phúc, trời lâu quá rồi phải không ?

Nàng đã ra giữa sân, áy náy hỏi :

— Cái chân cậu thế nào ?

Phúc hơi cúi xuống nhìn vào bàn chân mình, cười :

— Gãy.

— Gãy à ?

— Gãy. Nhưng vẫn còn được về để tìm thăm chị kia mà.

Nữ cười gượng gạo. Có lẽ nàng nghĩ tới thuở cũ khi nghe câu nói nặng tình kia. Chợt ngược nhìn sững lên mặt Phúc một thoáng, Nữ ngó lảng tránh chỗ khác, bối rối mời Phúc vào nhà. Phúc, cậu bé đạo nào nàng thường lau giùm nước mắt, ve vuốt gương mặt hiền hậu thông minh, thỏ thẻ vỗ về đùa nghịch như với người em bé bỏng. Phúc, hình bóng người con trai đầu tiên đã ghi lại nhiều dấu vết êm ái quyến luyến nơi tâm hồn thơ ngây, mơ mộng nàng. Phúc, gã thanh niên phong trần dày dạn đang ngồi trước mặt Nữ thực khác lạ với mọi nhớ tưởng ồm ập cũ. Phúc, có phải cậu vẫn còn nhớ chuỗi ngày hoang dại xa xưa đó ?

Nàng đột ngột hỏi :

— Cậu định ở chơi mấy hôm nữa ?

Phúc lấy diều thuốc ra khỏi môi, nhả khói bay lảng đãng lên không, giọng nói chậm :

— Tôi ở lại luôn đây rồi, chị Nữ à.

— Cậu không nói giỡn chơi đó chứ ?

— Tôi không nói giỡn với chị đâu. Tôi ở luôn với cô tôi.

Im lặng một lát, Phúc ngẩng lên nhìn thẳng vào mặt Nữ :

— Có lẽ chị hiểu tôi nhiều rồi mà ?

Nữ hơi lưỡng lự vì ánh mắt nhìn thẳng và câu hỏi ngầm ý nhắc nhở khơi dậy những nhung nhớ cũ. « Có lẽ chị hiểu tôi nhiều rồi mà », Nữ ấp úng nói :

— Tôi hiểu cậu, nhưng tôi nghĩ cậu không thể sống mãi ở đây.

— Ý chị muốn nói...

— Tôi muốn nói cậu sẽ buồn nản vì tất cả đã đổi thay một cách đau xót.

— Ngay cả chị nữa ?

— Đúng vậy, ngay cả tôi nữa.

Giọng Phúc bỗng thấp hẳn, xa vắng :

— Không hề gì, phải, không hề gì chị Nữ à.

Phúc nhìn thoáng lên mặt Nữ, khuôn mặt tuy đã gầy xanh đờ đẫn, nhưng nét dịu hiền tha thiết vẫn còn ẩn kín sau đôi mắt sáng ngời. Anh thấy cái dáng dấp yêu dấu cũ chừng như không hề phai mất nơi Nữ. Trái lại, được bồi đắp thêm bởi những lời lẽ phân vân, cử chỉ ngần ngại, nụ cười chiu chắt nồng nàn. Phúc hỏi :

— Chị thấy thế nào ?

Nữ bàng hoàng :

— Cậu nói thấy thế nào ?

Phúc cười mơ hồ :

— Tôi ở lại đây có được không ?

Nữ nhìn Phúc :

— Cái đó tùy cậu...

Bên ngoài, cơn mưa đã nặng hạt dần. Màn mưa dày, đen kịt. Căn nhà bỗng tối sầm xuống, lạnh lẽo. Phúc với tay kéo ngọn đèn lại trước mặt, đánh diêm đốt sáng. Màu sáng vàng bệch đậu trên gương mặt hiu hắt Nữ như một người vừa ngã bệnh.

Trước khi nghe lời người cô đề nghị rằng anh phải cưới Sáu, theo bà, đó là một đứa con gái hiền khô, làm lưng buôn bán giỏi, biết chịu đựng lo lắng cho chồng con ; Phúc đã có dịp gần gũi Sáu. Tại một góc nhà giữa, lúc Sáu đang bông đùa em út ngó mông ra khung cửa sổ, Phúc lại gần nàng. Sau mấy câu hỏi bằng quơ, anh đã thử nắm vào cánh tay Sáu, nhưng nàng vẫn yên lặng. Phúc đưa tay xoa lên mái tóc, ve vuốt khoảng lưng, rờ rẫm lên ngực, Sáu vẫn lặng lẽ, không hề có chút phản ứng chống chọi. Từ đó, dầu rất thương Sáu ở cái hiền khô thơ dại, nhưng Phúc nghĩ anh không thể sống yên thắm hạnh phúc trong cái ngơ ngác, cục mịch đó. Đôi lúc, Phúc muốn cố gắng tạo nhiều sự cảm thông sâu sắc hơn, nhưng chưa có dịp bày tỏ.

Cô Phúc đã gọi anh ngồi cạnh bà, bằng một giọng ôn tồn, bà nói:

— Cháu à, cháu hãy ưng con Sáu đi. Cô muốn thấy cháu có vợ con đang hoàng rồi có chết cũng cam. Mẹ cháu có nói với cô...

— Thưa, mẹ cháu nói sao?

— Mẹ cháu lúc sống có gọi cháu cho cô, cô đã hứa sẽ lo cho cháu tươm tất.

— Cháu đã lớn rồi, cô đừng bận tâm tới chuyện đó, cháu có thể lo lấy được, cô à.

— Đừng, cháu không tự lo liệu được đâu, chuyện vợ con không phải dễ, vả lại cô đã nói với vợ chồng thằng Thứ rồi.

— Cô đã nói rồi?

— Nói xong rồi.

Đêm đó Phúc đã ngồi với Sáu trước hiên nhà, trên chiếc chõng tre, gần suốt đêm. Vẫn như lần trước, Sáu không mấy may phản ứng đôi tay ve vuốt, sờ soạng trên thân thể nàng. Phúc đã dần dà tìm đủ mọi cách ướm thử, nhưng nàng cứ ngồi yên lặng lẽ, ngơ ngác quá đỗi. Nàng chỉ có một câu trả lời Phúc « Không biết, anh nói với mẹ tôi » rồi cúi đầu lảng tránh, im lặng chui đứng.

Phúc hôn lên môi Sáu thực lâu, hỏi:

— Em nghĩ thế nào?

Nàng khẽ cử động, nghiêng mình xuống, giọng lạnh lùng:

— Anh hỏi cha tôi...

Phúc nghe tiếng mình cười:

— Anh không muốn hỏi cha, hỏi mẹ, anh hỏi em.

— Tôi không biết.

Phúc thấy Sáu thực tội nghiệp: Nàng như một cục đất. Sự nghèo khó lao đao đã lần hồi lấy mất ở nàng những sao xuyên rung cảm. Nàng ngồi đây, bên cạnh Phúc, co ro lặng thinh như một bóng cây ũ rũ phiền muộn. Tuổi con gái mới lớn với những mơ tưởng tình ái hoang đường không hề ánh lên trong tia nhìn nàng, không lộ ra nơi nụ cười khô héo hiếm hoi. Anh nghĩ biết rằng đã thương Sáu vô vàn trong lòng knot xa cho thân phận kiếp số khốn đốn lạc lõng nàng nhưng đồng thời cũng thấy khó bề mà gần gũi tha thiết với tình nghĩa trăm năm như cô đã sắp đặt. Phúc

nghĩ tới Nữ và những bận lui tới: Mỗi lúc, Phúc càng nhận ra anh không thể rời xa Nữ được. Hình ảnh êm đềm khó nguôi cũ được sưởi ấm soi sáng thêm bằng những nụ hôn ngây ngất mới mẻ đã xuôi anh nhớ thương Nữ như một mối tình cưỡng quít tình khiết đầu đời. Ở Nữ, Phúc tìm được thực nhiều an ủi cho cái quá khứ đen tối và đời sống hiện tại bấp bênh tật nguyền. Trong tận cùng mong ước anh, anh đã muốn được dừng lại yên tĩnh bên Nữ, người con gái đầu tiên đem tới nhiều cảm xúc lạ, sâu, thấm trong đời sống anh. Và bây giờ, đang tiếp tục dẫn dắt triu mến những bước chân khập khiễng tìm về, như đôi cánh tay thân ái đã mở rộng để đón anh vào lòng buổi sáng nào.

Bước lên hiên nhà Nữ, Phúc đã bị cơn mưa bất chợt đổ ướt sũng. Nhìn vào trong ngọn đèn dầu lay lắc vàng vổ, căn nhà chấp chờn bóng tối, Nữ đã đi đâu? Phúc bước vào nhà, ngó quanh quất khắp căn nhà trống, tất cả im lìm. Tiếng mưa đổ hừng tợn bên ngoài. Gió rung động hàng tre kèn kẹt, xạc xào phía sau nhà. Nữ, Phúc gọi lớn. Nữ, có ở nhà không? Phúc ngó dáo dác ra phía nhà sau.

Tấm màn che nơi cửa buồng khẽ xao động: Nữ mệt mỏi lưng cuống bước ra. Dưới ánh đèn chấp chờn khuôn mặt Nữ chừng như nhợt nhạt, đỡ dần hơn. Những trũng tối dưới sống mũi, đôi mắt, phía cằm không che khuất hẳn một nét mặt buồn bã. Phúc để ý thấy dưới trũng mắt, trên gò má cao, màu da láng ướt, ánh rõ lên. Anh nắm bàn tay Nữ, lay mạnh:

— Tại sao Nữ lại khóc?

— ...

— Tôi đã làm cho Nữ khổ?

— ...

Bất giác, nàng ngược lên, lặng lẽ nhìn Phúc thực lâu. Nàng gượng cười:

— Không, Phúc đừng nghĩ thế.

— Tôi buộc phải nghĩ thế.

— Tốt hơn Phúc nên nghe theo lời cô đi.

— Bây giờ, Nữ đừng nên khuyên tôi như vậy, có lẽ Nữ đã hiểu rõ tôi hơn ai hết rồi.

Gió thổi tắt phụt ngọn đèn ở bàn. Phúc dìu Nữ ra phía

ngoài cửa. Trời một màu sáng đục nước mưa. Hai người đứng dựa lưng vào vách, tất cả im lặng. Phúc chú ý tới dãy tre lá ngọn rạp rình lay lắc cuối xóm. Thân tre ngã con về phía dãy núi, ngẩng lên cúi xuống, đều đặn theo từng cơn gió cuốn. Nhìn lâu, anh nghĩ đó là những con người khổng lồ áo quần lòa xòa, đang đi chuyển âm thầm. Đoàn người lũ lượt lay động đi trong màn mưa trũ hạt giữa đám mây chiều u ám, buồn tênh. Phúc tưởng tới những câu chuyện hoang đường mà Nữ vẫn thường kể cho anh nghe lúc trước : Những toán người triều đình phục sức dềnh dàng võng lọng xênh xang đi rước một hoàng hậu là cô gái rừng núi nghèo khó về cho thỏa lòng mơ ước của một ông vua lãng mạng si tình.

Mắt vẫn không rời hàng tre xa mờ sau màn nước mưa dày, Phúc hỏi :

— Thăng Việt chiều nay không về sao ?

Tiếng Nữ trả lời :

— Không. Nó ở nhà trọ, ít khi về.

— Hôm nay là thứ bảy.

— Tôi thường xuống dưới đó thăm nó.

— Hai đứa nhỏ chắc đã về bên nội ?

— Về bên nội.

Gió thổi dạt những giọt nước mưa vào chỗ hai người. Tấm áo ướt rũ của Phúc đã dần khô, tuy vậy, anh đã bắt đầu cảm thấy lạnh. Một nỗi rét mướt âm ỉ ray rức bốc lên từ trong lòng anh, ngoài đường, không một bóng người qua lại, mưa vẫn mờ một dải tợn phủ xuống một lớp dày đục. Phúc bỗng thấy căn nhà Nữ như nhỏ sụp xuống, tách biệt hẳn, tro vơ lạc lổng như dáng đắp nàng. Anh dừng lại nhìn sững lên khuôn mặt Nữ, nàng gương lớn đôi mắt ngó lên. Trong đôi mắt đó, Phúc như đọc thấy những rung cảm say đắm, thiết tha. Và anh xoay người, hôn lên đôi mắt nồng nàn mời gọi của Nữ.

Phúc nói :

— Trời tối rồi, chúng ta vào nhà kéo lạnh...

Tiếng Nữ hỏi phía sau :

— Trời mưa quá, làm sao Phúc về ?

— Tôi không về.

Phúc quay lại ôm choàng Nữ trong đôi tay :

— Tôi không về, được không ?

Nữ cúi đầu nhìn bóng tối dưới chân :

— Cái đó tùy Phúc...

Có tiếng Phúc cười rất khẽ trong bóng tối lạnh lẽo, kín bưng. Dù tiếng cười rất nhỏ, Phúc cũng nghe rõ được trong tiếng cười tất cả xao xuyến, hạnh phúc đã đến.

mang viên long

Dương Nghiễm Mậu

Đào thoát

Khi tỉnh dậy tôi thấy tôi nằm trên một chiếc giường sắt nhỏ trải vải trắng, gian phòng có ánh sáng xanh êm ái, người tôi bị giữ chặt xuống giường. Cửa sổ mở ra một khoảng trời xanh, mấy cánh lá của cây hoa sứ xanh tươi hắt lên. Tôi không hiểu thời gian trong ngày. Nhớ lại, trong hồi tưởng, tôi biết lúc tôi ra khỏi nhà, bước xuống bậc tam cấp thì chợt chân ngã xuống. Tôi mê đi. Từ lúc đó tôi giờ không biết đã bao nhiêu thời gian trôi qua. Đã hết buổi sáng chưa hay là tôi đã qua một thời gian lâu hơn thế, biết đâu tôi đã mê đi mấy tháng mấy năm. Tôi thấy mình tỉnh táo và khỏe mạnh. Tôi muốn trở dậy nhưng không sao làm được. Tôi đang ở đâu đây, mọi người đi đâu cả. Tôi có ý định lên tiếng gọi nhưng ngay đó lại thôi, tại sao mình không nằm im như thế này xem những điều gì sẽ đến. Một con tò vò ở ngoài bay vào theo cửa sổ, nó quanh quất trên những góc tường, có lúc nó đậu lại bỏ một đoạn ngắn hai cánh vẫn mở ra như sẵn sàng bay đi. Thoát một cái nó bỏ phòng phóng mình bay ra khỏi. Một người đàn ông lạ mặt bước vào phòng, ông ta mặc áo khoác trắng, đôi kính trên mắt, mái tóc đã hoa râm. Tôi nghĩ: chắc là ông bác sĩ. Tóc góc cổ như muốn trở dậy.

— Ông tỉnh rồi à.

— Dạ.

— Ông hãy nằm im. Ông không nên cử động mạnh.

— Tôi muốn được trở dậy.

— Không được, không được, ông cần phải tĩnh dưỡng.

— Tôi thấy rất khỏe...

Ông ta hơi mỉm cười nhìn tôi, ông kéo chiếc ghế nhỏ lại ngồi bên và để ống nghe lên ngực, tôi định nói nữa nhưng ông ra dấu cho tôi nằm im, ông hơi cúi người, đôi mắt như nhắm lại vẻ chăm chú. Ông im lặng thật lâu. Sau khi ông bỏ ống nghe ra, ông cời bỏ những giây giữ người và nói tôi trở dậy. Tôi thấy trên tay áo có dấu của một giọt máu đỏ.

— Thưa bác sĩ, người nhà đã đưa tôi vào đây từ buổi sáng.

— Buổi sáng, không, ông được đưa vào đây từ sáng hôm qua, chúng tôi lo ngại thấy ông mê đi. Tôi tưởng ông bị đứt gân máu...

— Như vậy có nghĩa tôi không bị đứt gân máu?

— Không bị gì cả. Có lẽ...

Tôi chờ đợi nhưng mãi không thấy ông ta nói tiếp, tôi nóng ruột:

— Vậy tôi bị bệnh gì?

— Có lẽ ông đau tim.

— Đau tim?

Tôi thấy một bên chân tê đi, cảm giác buồn buồn chạy luồn theo ống chân, tôi cố gắng cử động nhẹ nhẹ chờ cho cơn tê qua, tôi gượng nhẹ với mặt nhăn lại. Ông bác sĩ hỏi:

— Ông thấy khó chịu?

— Ở chân tôi.

Không chờ đợi, ông ta đưa nhanh tay cầm lấy chân tôi, cảm giác mạnh chạy khắp cơ thể khiến tôi la lên thành tiếng. Ông bác sĩ hốt hoảng. Tôi cử động lại và thấy đã hết tê, tôi mỉm cười.

— Hết rồi.

Ông bác sĩ ngạc nhiên:

— Tôi không hiểu.

— Tôi vẫn tự hỏi cần gì tim mình cứ phải ở trong lồng ngực. Ông có thấy vậy không?

— Vậy ông nghĩ tim có thể ở chỗ nào? Nó ở dưới bắp chân ông?

Ông bác sĩ cau trán, đôi lông mày nhíu lại, giọng nói có phần tra khảo khó chịu. Trái tim dưới bắp chân, biết đâu đấy.

— Có khi thế.

Ông bác sĩ cười khan như đùa rớt một cách mỉa mai.

— Tôi là bác sĩ tôi không nghĩ được như thế. Tim ở trong lồng ngực. Vàng, tim ở trong lồng ngực.

Ông bác sĩ nhắc đi nhắc lại với tiếng nói nhấn mạnh. Tôi quay người bỏ chân xuống đất, ông bác sĩ vội vàng ngăn lại :

— Không được, ông nên nghe lời tôi, ông không nên cử động mạnh, chúng tôi tìm chưa ra nguyên nhân tại sao ông mê đi tới hơn một ngày.

— Vậy mới đầu ông nghĩ tôi bị bệnh gì ?

— Mới đầu chúng tôi nghĩ áp xuất máu cao. Có lúc tôi tưởng ông bị đứt gân máu trong đầu, sau rồi chúng tôi tưởng ông bị tim...

— Bây giờ ?

— Bây giờ...

Ông bác sĩ ngần ngừ không nói tiếp. Tôi không chờ đợi đứng lên khỏi giường vươn vai thấy những bắp thịt như rắn ra một cách thoải mái. Ông bác sĩ ngồi im vẻ ngạc nhiên. Tôi ngồi trở lại. Ông bác sĩ có vẻ lo lắng :

— Ông thấy gì khác lạ.

Ông ta chăm chú nhìn vào mặt tôi như cố gắng dò tìm một dấu hiệu nào đó xuất hiện. Tôi để tay vào bụng. Ông bác sĩ vội vã :

— Ông thấy đau ở dưới này ?

Tôi mỉm cười :

— Không có, chừng như tôi đói.

Ông bác sĩ thở ra, dáng vẻ thất vọng. Tôi nghĩ chắc ông đang muốn tôi thực sự mắc vào một bệnh nào đó. Hồi trước khi tới tuổi nhập ngũ tôi đã đi trình diện, sau ngày đầu qua những thủ tục hành chánh, tôi được dẫn đi khám sức khỏe cùng những thanh niên khác. Mới đầu chúng tôi xếp hàng một, mọi người phải cởi trần, trước nhất chúng tôi được chụp hình phổi, sau đó chúng tôi lần lượt đi qua những phòng khác nhau, nơi thì răng, nơi đo, nơi cân, nơi mắt...nhưng tất cả những nơi đó chúng tôi chỉ được kêu tên, đi qua, có người đứng ở bên ghi ghi chép chép không thấy nói gì cả. Tôi thấy khỏe mạnh nên cũng chẳng thắc mắc gì. Trăm chót hết chúng tôi cởi hết quần áo ngồi đây trong một phòng như một bầy heo, có những người không quen nên

khúm núm che đậy, có những anh nghênh ngang như ở trong phòng kín, có điều tôi thấy nhiều thân hình rất kỳ cục, có những anh trông bệnh tật như hiện ra. Tôi nghĩ giá người ta đừng mặc quần áo thì đời sống nhiều thay đổi, trước nhất là phân biệt giàu nghèo, bỏ quần áo ai cũng như ai. Từ đây chúng tôi từng người một vào trong một phòng khác có một ông bác sĩ ngồi. Tôi thấy người trước tôi đi vào, tôi tưởng ông ta khám gì không, nhưng ông chỉ nhìn rồi ra dấu cho đi ra. Tôi tiến vào sau đó trần truồng đứng trước mặt ông. Ông ta nhìn tôi, giọng nghiêm trang : cởi, trường còn đeo kính. Tôi muốn phì cười khi nhớ ra mình vẫn còn đeo kính đen trên mắt. Tôi bỏ ra. Ông ta nói : mở bàn tay ra, có bệnh gì không ? Có bệnh gì không. Không thấy tôi trả lời, ông ta sẵn giọng : có bệnh gì không. Tôi nói đau tim. Đau tim, ông ta nhắc lại rồi ra dấu cho ra ngoài. Tôi không hiểu thằng cha này nó làm việc gì, chẳng lẽ là bác sĩ sao. Hôm sau tôi được kêu đi khám bệnh lại. Người lính nói : bày đặt truyện bệnh tật, bệnh gì đó. Không rõ. Không rõ sao xin tái khám. Tôi nhớ ra câu chuyện hôm trước khi nói đau tim. Tôi nói cho xong : đau tim mà không khám, ngộ lẫn quay ra chết ai chịu trách nhiệm đây. Người lính cần nhắc khó chịu. Đau tim, bày đặt, khỏe như vâm mà đau tim. Truyện bệnh tật do một lúc tức giận nói ra đến đó không ngừng. Mới đầu khám tim, bác sĩ nói không phải, người ta ngờ tôi bị bệnh phổi, sau phim cho thấy không phải người ta nghĩ tôi đau dạ dày... Ngày nào tôi cũng phải chầu chực đi khám sức khỏe, nhưng thủ tục dằng dặc kéo nhau khiến cho tôi nằm mãi ở trong trại nhập ngũ như một tên tù. Tôi xin thôi không khám lại sức khỏe nữa cũng không được. Và cho tới khi tôi ra khỏi đây, nhận lãnh quân trang đề sang trại huấn luyện thì ngã bệnh thực sự. Con bệnh ấy kéo dài thêm thời gian tôi sống ở trong trường. Khi ra tới đơn vị tóc tôi mỗi lúc một rụng thêm nhiều, những sợi còn lại dựng đứng như một tên hóa dại. Tôi ngồi thờ mặt với câu truyện cũ, ông bác sĩ vẫn kiên nhẫn ngồi ở bên. Ông lấy thuốc ra châm hút :

— Vậy từ trước tới nay ông có bao giờ bị va động mạnh vào đầu không ?

Vừa nói ông vừa chỉ một ngón tay lên nơi thái dương như muốn giúp tôi hiểu rõ câu hỏi của ông.

— Người ta đã đề súng vào mang tai tôi.
Vừa nói tôi vừa chỉ một ngón tay lên nơi tóc mai. Ông mở lớn mắt nhìn tôi :

— Có sao không ?

Tôi cười lớn. Có sao không. Tôi hỏi giọng nghiêm trang :

— Từ trước tới nay ông có bị va mạnh vào đầu không ?

— Có, ông phải biết là đầu rất nguy hiểm, bây giờ ngồi xe gắn máy bao giờ tôi cũng đội mũ an toàn. Ông phải biết bên Âu Mỹ việc đội mũ an toàn được coi như luật mà mọi người phải theo, va mạnh chết như chơi, tôi bị một lần ngã rồi, may không sao.

— Sau đó ông có đi khám bác sỹ không ?

— Ôi trời ơi, ông phải biết, tôi phải chụp hình đủ kiểu hết. Không sao cả, rất tốt.

Ông ta nói vẻ vui mừng và hài lòng. Tôi đứng lên :

— Tôi đói quá, tôi phải về. Cảm ơn bác sỹ.

— Không được. Ông không về được, chúng tôi đã được người nhà gửi ông ở đây. Ông chờ một chút.

Nói xong ông bác sỹ nhấn chuông nơi đầu giường tôi. Lúc sau một người nữ y tá bước vào dáng vẻ lễ phép. Ông bác sỹ nói giọng ôn tồn :

— Ông ấy tỉnh rồi, cô lo cho ông ấy ăn điểm tâm, cho thức ăn nhẹ. Ông quay sang tôi — Ông nên nằm nghỉ, chút nữa người nhà ông lại rồi ông hãy về.

— Nhưng ông có tin rằng cái đầu của ông đã được hoàn toàn tốt không ?

— Ông muốn nói tôi... Ông cũng là bác sỹ sao ?

— Không, không... nhưng mà tôi hoài nghi...

Ông ta bực tức bỏ ra khỏi phòng, đóng cửa mạnh. Tôi vội đứng lên chạy theo để xin lỗi, nhưng cửa đã bị khóa lại, tôi không sao mở được, tôi cố gắng cho tới lúc mặt nhòai vẫn không có ích lợi gì. Tôi trở lại giường với hơi thở gấp gáp mặt nhọc, mồ hôi tứa ra cả trong lòng bàn tay. Tôi bỏ người nằm xuống. Tôi chợt thấy đôi mắt như đôi ngủ, tôi nhắm lại trong giây phút, tôi giật mình vì tiếng động, tiếng cửa mở rồi người y tá nói ở bên :

— Ông dậy dùng điểm tâm.

Tôi cố gắng không nhúc nhích như đã ngủ say.

— Ông dùng điểm tâm không chút nữa nữa ngủ người.

Giọng người y tá như thể nài nỉ, tôi mở mắt, phác một nụ cười làm quen rồi ngồi trở dậy, chiếc bàn nhỏ có bánh xe để ngay nơi cạnh giường. Tôi mơ ước những sớm mai thức dậy với cánh tay nhỏ lay động của người vợ, bữa ăn sáng nhẹ nhàng và nụ hôn sớm mai trước khi ra khỏi nhà. Người y tá trở ra để tôi lại một mình. Tôi nói :

— Rất cảm ơn cô.

— Thưa ông có cần gì thêm.

Người y tá đứng nơi gần cửa, dáng vẻ chờ đợi.

— Tôi muốn trở về nhà.

Người y tá hơi mỉm cười, giọng nhẹ nhàng :

— Ông nên nán đợi lại một chút, bác sỹ sẽ cho ông biết.

Không đợi tôi nói thêm, cánh cửa đóng lại. Tôi không còn thấy đôi nhưng tôi ăn cho qua. Đứng lên khỏi giường, tôi đi quanh quần trong gian phòng hẹp, thực tôi muốn được ra đi dạo ngoài sân, tôi bấm chuông nhiều lần nhưng không thấy ai vào phòng. Khoảng nửa giờ sau cánh cửa mở ra, ông bác sỹ đi vào cùng với mấy người khác và một chiếc xe, ông nói tôi ngồi vào chiếc xe và đẩy tôi đi :

— Tôi có thể đi được mà.

— Ông nên cẩn trọng, chúng tôi nghĩ ông không nên động chạm mạnh, ông để chúng tôi đưa ông xuống dưới bệnh viện chuyên môn ở dưới kia, trường hợp của ông rất nên đề phòng.

Tôi thấy buồn ngủ trở lại, tôi cũng không muốn làm gì, tôi thử đợi xem người ta định làm những gì. Họ đẩy tôi trên chiếc xe lăn tới cửa, một chiếc xe trắng nhỏ đã đợi sẵn. Không hỏi han, một người y tá khỏe mạnh cúi xuống bồng tôi lên đặt xuống chiếc băng ca tự động từ trên xe chạy ra. Trong giây phút tôi đã nằm trong xe với một người y tá đã đợi sẵn, cửa xe đóng lại, chiếc xe chạy nhanh ra ngoài với tiếng còi hú. Tôi cười : mình cũng đang là kẻ được cấp cứu.

Việc trước nhất là một ông bác sỹ khác khám tôi, ông ta trẻ, nhanh nhẹn, ông cũng làm những công việc thông thường, nghe

ngực, nghe lưng, cảm một cái búa gõ vào đầu gối, bắt tôi há miệng, thè lưỡi, sau chót ông hỏi tôi :

— Ông đau bệnh gì.

Bệnh gì, tôi phá lên cười, bỗng tôi thấy nhói nơi đầu. Tôi lạng đi trong giây lát, tôi chỉ tay lên thóp mũi :

— Tôi bị nhói nơi đầu.

Ông bác sỹ mở xấp hồ sơ bệnh lý ra đọc và nói giọng lơ đãng :

— Sao người ta ghi là ông có triệu chứng về tim.

Tôi lặng im, ông bác sỹ lùi húi một lúc rồi trở lại với câu truyện.

— Ông cho tôi biết đời sống thường của ông trong những ngày gần đây.

Tôi cũng sống bình thường vậy, như mọi người. Không có gì đặc biệt. Tôi thấy vậy nên không biết nói thế nào, có người nói lại với tôi ý của một người khác : hần lớn tuổi rồi, đời sống có vẻ đã mất bình thường. Mất bình thường, tôi không hiểu, có điều tôi có một số thói quen, những năm vật lộn trong quân đội, đời sống làm công chức bần tiện, những đối phó với chung quanh có lúc làm tôi chóng mặt bực dọc. Tôi đã mất đi vẻ dễ dãi, khoan dung, nhiều lúc tôi đã thấy mình cau có, tỏ thái độ với những điều mà trước kia tôi bỏ qua như không có. Tôi nhớ lại nhưng thật tình mọi điều trở thành mơ hồ, có lúc tôi ngạc nhiên với một quãng thời gian không biết mình đã sống ra sao, không biết mình có ăn uống, có làm tình không.

— Có lúc người ta bảo tôi bị bệnh thần kinh.

— Sao vậy ?

— Tôi cũng không rõ.

Ông bác sỹ hơi mỉm cười. Tôi nói tiếp.

— Người ta kể sủng vào mang tai tôi nhưng khâu sủng hết đạn, họ bỏ đi, hồi đó tôi bị thương tại mặt trận, dịch nó tràn lên, bọn nó không tha cho những người bị thương, tôi nằm giả chết bên những đồng bạn, chắc là tôi có vẻ một xác chết sao đó nên tôi thoát. Ông hãy tưởng tượng tôi một cảnh tượng như thế. Cho đến lúc chúng bỏ đi rồi tôi vẫn phải nằm im không dám cựa quậy, tôi cứ có cảm tưởng như bọn chúng vẫn còn rình rập xem có ai

thức dậy không thì thanh toán cho hết. Lúc những đồng đội trở lại, tôi vẫn tưởng bọn chúng, may sao những tiếng nói khiến tôi nhận ra và tôi được cứu thoát. Từ đó có những lúc tôi hết hoảng, nhiều đêm giấc mơ đưa tôi lại cơn ác mộng.

— Ông có bao giờ cau giận, đập phá nhà cửa không, những hành động mà mình không tự kiểm soát được không ?

— Không, có lẽ ông hiểu lầm tôi.

Tôi cười. Ông bác sỹ dịu giọng xuống. Tôi nhớ thuốc lá.

— Ông có hút thuốc không ?

Ông bác sỹ lấy ra bao thuốc có đầu lọc cho tôi. Tôi thấy không thích thú đề đốt thuốc. Tôi cảm một điều cảm ngang đưa lên mũi ngửi rồi bỏ vào trong túi áo.

— Tôi được biết, mới đây ở nhà, ông đã đập bỏ máy ti vi và gây lộn với ông anh bà chị ông.

— Có. Có, vậy ở nhà ông có ti vi không ?

— Có.

— Ông thường xem mỗi ngày cùng với các con.

— Vâng, ông không thích.

— Chẳng phải vậy. Như vậy thì ông hiểu điều tôi muốn trả lời với ông.

— Thực tôi không hiểu.

— Vậy ông nghĩ tôi điên sao.

— Đầu có, ông hiểu lầm tôi, bệnh thần kinh bây giờ là một bệnh rất thông thường, đời sống làm cho người ta bị mệt, như vậy đủ khiến người ta bị rồi. Đời sống bây giờ, ông cũng hiểu.

— Có lẽ đúng thế chứ không phải lầm.

— Ông có thể giúp tôi hiểu, trước đó câu truyện đã xảy ra như thế nào ?

— Có gì đâu, tôi cũng như mọi người, tôi sống, tôi tuổi tôi nhập ngũ, đánh giặc, rồi giải ngũ, tôi làm ăn để sống, tôi cũng đã thoát chết...

— Không, tôi muốn hiểu truyện ông đập phá.

— À, có gì đâu, khi đó tôi mới được giải ngũ, nhà tôi bị cháy hồi biến cố, không có chỗ ở, tôi đến ở nhà anh chị tôi, đây là nhà một người chị họ xa, phần gia đình tôi thì không còn ai, ông biết là tôi bỏ nhà đi từ năm 17 tuổi, những mơ mộng của tuổi trẻ,

cha tôi chết trong kháng chiến, mẹ tôi thì có gia đình khác... Mà những điều này thật là thừa. Tôi trở lại điều ông muốn hỏi. Tôi ở nhà ông anh bà chị, nhà ở trong khu lao động rất ồn ào, tôi không có được sự yên tĩnh, nên ban ngày tôi ngủ, ban đêm thức...

— Sao kỳ vậy, sao ban đêm ông lại thức ?

— Vậy ông không có sinh hoạt gì cho ông sao.

— Tôi đi làm, về ăn cơm, chơi với các con rồi ngủ...

— Nhưng tôi không có việc gì để làm cả, việc làm của tôi cần sự yên lặng, vì vậy tôi làm việc ban đêm. Nhưng tối lại, cái tivi nó hoạt động, bọn cháu tôi sau khi ăn cơm là nó ngồi trước tivi, mắt mở lớn cho tới lúc ngủ gà ngủ gật. Ông biết là ban ngày chúng phải tới trường, mệt rồi, đêm lại không ngủ ngay... Ông hãy tưởng tượng tới một cảnh như thế, trong khi tivi là gì, nó có giúp gì cho trẻ con đâu, những mèo cái, chó cái, những trò nhăng cuội trên đó, thế mà để cho trẻ con coi, vừa hại sức khỏe, vừa hại cho đầu óc chúng. Tôi nói ở nhà nên cho các cháu đi ngủ sớm, tivi nên để cho người lớn. Ông nghĩ xem điều tôi nói có đúng không?

— Đúng, tôi thấy đúng là phải như vậy.

— Nào đâu đã hết, chung quanh còn bao nhiêu thứ ồn ào khác, những tiếng dội của ra-dô, của máy nhạc... người ta điên. Tôi nói không ai nghe, tôi không muốn mấy đứa cháu trở thành như đứa ngu như bò, hay là rồi phát điên lên, tôi vác búa đập cho tan cái tivi ra. Và tôi đã không dừng lại được trước thái độ của những người khác, thế là tôi lập tức được triệu đi, ông biết tôi đầu không ?

— Cảnh sát ?

— Nếu thế thì cũng không có truyện, tôi được đưa vào một nhà thương điên. Và tất nhiên tôi chỉ có cách là đào thoát, bởi nếu không thì tôi điên thật cho mà coi. Thật khủng khiếp, cái bọn người này, tôi cũng không thể hiểu được.

Tôi ngừng lại mệt nhọc, máu như lại dồn lên mặt tôi với câu truyện cũ, tôi ngả người ra sau ghế. Tôi thấy tay tôi tê dại đi, tôi đưa tay bên này sang bóp nhẹ nhẹ. Tôi mỉm cười nói với ông bác sĩ.

— Ông có nghĩ là tim tôi nó nằm ở cánh tay này không ?

— Ông là một người vui tính.

— Ông chuyên về bệnh gì ?

— Tôi chữa về tim.

— Vậy chắc là tôi bị đau tim. Biết đau tim tôi không ở dưới bụng chân ? Lúc sáng tôi có cảm tưởng tim thất lại ở bụng chân. Cứ gì tim phải ở trong lồng ngực. Có khi cơ thể tôi đã bị sắp xếp một cách sai lạc. Tôi thấy có người tim nằm ở bụng dưới.

Ông bác sĩ cười lớn thú vị.

— Có thể.

— Vậy chuyện đó có thật sao. Ông đã có chữa cho người nào bị tim mà nó nằm ở bụng dưới ?

— Có, bây giờ ông nói tôi mới thấy rõ điều này, tim của người ta ở lung tung cả, mà có kẻ không có tim nữa.

— Vậy là thế nào, vậy thì sao họ sống ?

— Họ có những trái tim khác.

— Tôi hiểu rồi, trách nào người ta đã thử ghép tim chó, tim heo.

Ông bác sĩ cười ngặt nghẽo, chúng tôi du vào một câu truyện khoái trá. Ông bác sĩ đề nghị ra khỏi phòng, chúng tôi vào một phòng khách và ông ta kêu mang rượu ra uống với tôi. Chúng tôi cùng ly với nhau cho tới lúc ông bác sĩ say nằm ngủ ngay nơi nền nhà, ông ngáy thành tiếng lớn. Tôi nghĩ mình phải ra về, tôi trở ra khỏi phòng. Trời đã tối từ lúc nào, tôi đi quanh quất trong bệnh viện mãi không thấy lối ra, tới một bờ tường cao tôi liền leo lên, khi đó tôi nghe tiếng người gọi nhau, tiếng chân chạy đến với vẻ cấp bách. Tôi thấy rõ phải hành động thật nhanh nếu không muốn bị tóm cổ lại. Tôi thấy người nhẹ hẫng khi vừa đu người lên được thành tường, phổ vẳng tanh phía ngoài, tôi ngồi xuống lại, giữ chắc tay lên mép tường rồi buông chân nhảy xuống. Phải chạy về hướng nào. Tôi đứng lại một chút, tim đập mạnh, mồ hôi ướt trong lòng tay. Không nghĩ ngợi tôi chạy về phía ngã tư. Phổ vẳng, chừng như đã khuya lắm. Một chiếc xe ở đây chạy ở phía sau, vượt lên trước mặt và đậu lại. Một tiếng còi, hai người cảnh sát nhảy xuống, tôi đứng im, không hỏi ban, mỗi người đến một bên giữ lấy tôi, và nhanh nhẹn tháo việc một cái còng đã khóa ngay tay tôi lại :

Nguyễn Thị Vinh

Người vợ

Ngày này qua ngày khác, những đau thương, thất vọng dồn dập, đè nặng và vây kín tâm hồn Thủy. Những cơn khóc thầm đầy hận tủi, làm nàng quá mệt mỏi. Vậy mà cả đến giấc ngủ cũng không chịu tới để an ủi nàng. Như lúc này, đã mười một giờ đêm rồi, cả ngày không ngủ một phút, mắt cứ như có sạn. Hình như sự buồn phiền quá độ, đã làm chùng mọi cảm giác của Thủy. Bỗng nhiên tâm hồn Thủy vắng lặng hẳn đi. Nàng nhắm bờ đôi mắt, từ trong màng mắt xuất hiện những tia sáng nhỏ, lấp lánh các màu xanh đỏ, hỗn loạn. Thoảng trong giây phút, Thủy bất chợt được nổi vui hồn nhiên, từ thuở bé trở về tâm hồn nàng. Thủy nhớ những buổi tối, sau bữa ăn được mẹ nàng dẫn ra đứng hóng mát ở cửa. Những đốm sáng trong mắt Thủy lúc này như hòa hợp với ánh đèn đường và ánh đèn trong các tủ kính, cửa hàng thành phố hồi đó, Thủy còn như nhận thấy cả từ hơi gió mát của buổi tối mùa hè, nàng ngồi trong lòng mẹ. Thỉnh thoảng Thủy thấy mẹ thở dài. Nhưng ngày đó làm sao Thủy hiểu nổi nỗi đau đớn qua tiếng thở dài nào nuốt của mẹ, trong phút giây chờ đợi cha. Có đêm ông không về, Thủy nằm bên mẹ, khép mắt đón chờ giấc ngủ êm nhẹ đang trườn lên nàng, giữa tiếng hát ru nhỏ nhỏ, nào nuốt, thường bị đứt quãng bởi tiếng nấc nở của bà. Một lần không biết có sự gì thúc đẩy, Thủy choàng mở mắt, đưa bàn tay bé nhỏ lên sờ mặt mẹ. Mặt bà ướt nước mắt, Thủy hỏi :

— Mẹ khóc hà mẹ.

Bà ôm chặt lấy Thủy, cười trong tiếng nấc :

— Cha bố mày, vẫn chưa ngủ à ? Việc gì mà mẹ khóc.

— Mẹ nhớ bố.

— Không nhớ, ngủ đi chớ con của mẹ.

— Sao bố không về mẹ, bố đi đâu ?

Hình như bà che dấu nỗi khổ tâm bằng tiếng gắt khề :

— Ngủ đi, hồi mãi. Bố đi với cô Hằng rồi.

Nửa đêm hôm đó, Thủy chợt thức giấc, đưa tay sờ quanh mình không thấy mẹ. Bà đang ngồi âm thầm trong chiếc ghế mây rộng, vẫn kê ở chân giường. Giữa tiếng nấc nở, bà vừa khóc vừa rên khe khề. « Mẹ ơi, sao con khổ thế này ! » Bà ngoại Thủy đã chết, nhưng những lúc lo lắng, buồn phiền, Thủy thấy mẹ thường hay gọi nhắc đến bà ngoại như vậy.

Thủy bỗng khóc hét lên gọi mẹ :

— Mẹ ơi, mẹ đâu rồi !

Bà mẹ vội tới ôm Thủy, cuống quýt nói :

— Mẹ đây, mẹ đây con.

Thủy ôm lấy mẹ, giờ phút này nhớ lại nàng vẫn không phân biệt nổi, lúc đó nàng kêu hét lên, vì sợ bóng tối, hay vì thương mẹ, nàng linh cảm sợ nỗi khổ quá độ sẽ cướp đi mất người mẹ thân yêu.

Thủy nằm xoay người úp mặt xuống gối. Giờ mẹ nàng đã mất rồi, sau cha nàng mấy tháng. Hồi đó nàng mới lấy Quảng, hai đứa con nàng không được biết mặt ông bà ngoại lúc mới sinh chúng nó, Quảng bắt Thủy phải tập cho các con ngủ riêng. Đến nay chúng nó đã quen, nhưng Thủy thì lại không quen. Nàng thương các con, chúng nó đã được nuôi nấng theo đà văn minh, hưởng đầy đủ những tiện nghi vật chất, nhưng vẫn thiếu giây phút ngậm núm vú mẹ, chấp chờn giữa cơn thức ngủ, bỗng trườn theo nhịp võng đưa và lời ru tiếng hát vợ vợi, tràn ngập tình mẫu tử. Nghĩ tới đây, Thủy ngồi bật dậy, tới chỗ các con đang ngủ. Thủy cúi hôn thẳng Huy, thấy má nó cục lên. Thì ra nó đang ngậm dở viên kẹo, rồi ngủ quên. Thủy cười lấy ra cho con, thẳng bé vùng vằng trở mình, rồi lại ngủ tiếp. Tới bên con Vân, Thủy thấy nó đã đập tung cả chăn, nằm co vào một góc nôi, nàng nhẹ

đỡ con lên. Con Vân mở mắt, thấy mẹ bế, nó nhón miệng cười, quàng tay ôm cổ mẹ. Thủy hôn con nói nựng:

— Chó con của mẹ.

Không biết vô tình hay cố ý, Thủy hay nói những câu mà ngày xưa mẹ nàng thường nói với nàng « chó con của mẹ ». Nàng bế con Vân về giường mình cho nó ngủ chung « chắc Quảng biết lại cần nắn » Thủy thầm nghĩ vậy. Nhắc nhớ đến chồng, Thủy nhìn lên đồng hồ treo tường. Gần mười hai giờ đêm rồi! Quảng vẫn không về, năm, sáu tháng nay, từ ngày Quảng mê Mỹ, Thủy không có giây phút nào được yên vui. Nỗi ghen dầy vò nàng lúc âm thầm, lúc gây gỗ nặng nề với Quảng. Tuy vậy nhưng chưa bao giờ Quảng bỏ nhà đi suốt đêm. Thế mà bây giờ, ý nghĩ Quảng ngủ lại với Mỹ làm cơn tức của Thủy bốc lên cùng độ. Thủy đành phải tính đến nước bỏ nhà mặc cho Quảng muốn làm gì thì làm. Nếu còn ở với Quảng, Thủy biết nàng khó bỏ được ý tưởng cầm dao nhọn tự đâm vào tim mình cho bớt máu uất.

Quyết định xong, Thủy thấy nhẹ lòng được đôi chút, nỗi nhẹ của kẻ thua cuộc, đành phận! Đặt con Vân ngủ yên, Thủy mím môi cả quyết đứng lên lo xếp đồ dùng theo. Đã nhiều lần, Thủy định sống xa chồng, nhưng nàng không thực hiện được. Tại nàng quá yếu đuối, tính lại bay tử thân. Mấy mẹ con dắt nhau ra khỏi nhà, biết nương dựa vào đâu? Phần vì Thủy vẫn còn yêu chồng quá mạnh, nên không dứt bỏ chồng dễ dàng được như nàng tưởng. Giá trước kia Thủy lấy Quảng do hai bên cha mẹ định đoạt thì lại đi một nhẽ. Đàng này rõ ràng hai người lấy nhau vì yêu nhau. Nhiều lúc Thủy khó hiểu đến thành ngờ ngác. Tại sao Quảng lại có thể hết yêu nàng, trong khi Thủy vẫn thiết tha.

Trưa nay, sau bữa ăn thấy Quảng vui đùa với hai con, Thủy thừa dịp tới bên nhỏ nhẹ:

— Hồi này anh hay đi chơi quá, các con nó... nhớ.

Quảng yên lặng, ngồi tựa lưng vào thành giường, hai tay khoanh trước ngực. Thủy tưởng Quảng đang chịu nghe mình nói nên tiếp:

— Ngày trước khi mới lấy nhau, chúng mình... Thủy chưa dứt câu Quảng đã hét lên:

— « Ngày trước, ngày trước » cứ ngày trước nhắc mãi, chịu gì nổi! Còn phải ăn phải sống chứ!! Thiên hạ có phải chỉ mình mình yêu nhau đâu, mà cứ ngồi kể mãi, nhắc mãi thế.

Thủy ngồi lặng người một lát rồi đột nhiên cũng hét lớn:

— Anh học ở sách nào mà nói được những câu ác như vậy?

Cho dù bây giờ có ai yêu anh, hay nói trắng ra là cô Mỹ có yêu anh hơn tôi yêu anh đi nữa. Nhưng tôi, với tình tôi yêu anh như vậy là hết sức của tôi rồi! Tôi cấm anh không được xúc phạm tôi.

Trước sự bất ngờ đó, Quảng nhìn Thủy ngạc nhiên hơn là tức giận. Lần đầu tiên trong đời vợ chồng, Thủy đã dám to tiếng cãi.

Còn Thủy, có bao nhiêu sức lực, hình như đã dồn hết vào tiếng hét mất rồi. Toàn thân rũ ra, nằm phục xuống giường khóc tức tưởi, trong lúc Quảng lẳng lặng đứng lên thay quần áo.

Quảng đi rồi, Thủy cảm thấy nàng như đã chết chìm trong nỗi tức hận và cô đơn. Cả đến tiếng khóc ré lên từng cơn của con Vân cũng không làm Thủy chú ý. Thảo Huyệt lớn hơn, chắc đã hiểu được phần nào sự giận dữ, bỏ ra đi cửa sổ, và nỗi đau đớn của mẹ. Vì vậy nó cứ đứng nép ở xó cửa, nhìn Thủy, nó không khóc lớn như con Vân, chỉ thút thít như khóc trộm vậy thôi.

Suốt từ lúc đó cho tới bữa cơm chiều, Quảng cũng không về. Cho đến bây giờ nếu Quảng có về thì vẫn chẳng thể lấy lại được không khí hòa thuận nữa rồi. Thôi thì đành, Thủy lấy giấy bút cả quyết viết thư từ giã chồng. Thủy biết nếu cứ sống gần Quảng trong tình trạng này thì hai người còn làm khổ nhau. Đã nhiều lần hai vợ chồng cãi nhau, giận nhau về chuyện cô Mỹ. Sự việc cứ quanh quẩn như thế mãi, chẳng giải quyết được gì. Thủy quá sợ, những giây phút đau buồn, quá sợ những lời nói phũ phàng của chồng. Thực ra Thủy cũng ít tìm được thì giờ để có thể nói được với Quảng. Buổi sáng Quảng hay thức dậy trễ, từ hộp café cũng phải uống vội để đi làm cho kịp. Trưa về chỉ có một chút thì giờ trong bữa ăn, Thủy phải cố gắng nén buồn giận của nàng, để khỏi nói những điều không vui vào những lúc đó. Ăn xong, Quảng chơi đùa với các con một lát, rồi ngủ và đợi giờ đi làm buổi chiều. Nếu hôm nào Thủy nói vài ba câu thì Quảng nổi cáu lên, bảo là ở tù cũng không khổ bằng! Tối đến sau bữa ăn Quảng

lại bỏ đi cho đến khuya mới về, rồi lăn ra ngủ Thủy biết rõ tới nào chồng nàng cũng đi gặp My, nhưng nàng không giữ được. Ngày lại ngày ngàn ấy chuyện cứ tiếp diễn đều đều. Tâm hồn Thủy càng phồng, chắt chứa thêm mãi uất hận, hờn ghen. Tuy vậy mà cứ nghĩ tới phải sống xa chồng, Thủy cũng thấy đau khổ. Giờ thì Thủy biết rõ Nàng như người bệnh nặng, cần phải mổ một lần, hoặc sống, hoặc chết, nhưng còn hơn cứ để tình trạng lai rai thế này. Có thể sau khi xa chồng, Thủy khó sống nổi, nhưng nếu sống qua được Thủy sẽ không còn bị dằn vặt, từng phút, từng phút như hiện tại nữa. Cần chắt môi dưới Thủy cầm bút cả quyết viết:

« Anh,

Em lại sắp nhắc lại một điều mà em đã định nhiều lần là em phải đi. Em không thể sống với anh trong tình trạng này được. Đối với em bây giờ chỉ còn có hai cách. Hoặc em chết, hoặc em bỏ đi. Thật ra thì em muốn sống với anh hoà, nhưng em kiệt sức chĩa đựng rồi. Em muốn thử đi thật xa, tìm việc làm, tự nuôi sống mình và các con. Từ trước em vẫn nương dựa vào anh, nay em thử sống một mình ngoài đời xem sao. Như thế có làm em quên anh được không? Em biết tình em rút rút lại hay tủi thân, nhưng cũng đành vậy!

Em sống với anh thì anh cũng mất vui, em chẳng muốn thay đổi gì, nhưng em không làm cho gia đình mình vui được nữa, thì sống chung làm gì. Em còn yêu anh nhiều, chắc anh cũng còn thương em một tý chứ? Nhưng tình thương chưa đủ để sống với nhau. Trên đời này thiếu gì kẻ thương nhau mà phải xa nhau. Chắc em phải chịu trường hợp đó.

Còn các con chúng ta. Thăng Huy và con Vân em biết anh cũng yêu thương chúng nó, nay em đem theo, không phải em muốn dành riêng cho em đâu. Mà chỉ vì em sợ tội con chúng mình cũng làm anh mất vui với cô My đó thôi.

Thành thật xin lỗi anh. Em bây giờ đáng khinh, đáng ghét rồi. Trên đời này em chỉ để anh độc quyền khinh, ghét em. Chỉ vì tội em quá yêu anh.

Người vợ đau khổ của anh

Thủy.»

Qua làn nước mắt, Thủy đọc lại hai ba lần tờ thư của chính nàng vừa viết, rồi gấp lại để trên bàn giấy của chồng. Tuy vậy

Thủy vẫn còn nấn ná, cố chờ đến giờ giới nghiêm. Thủy không dám tự nhận nàng vẫn ngấm ngầm mong Quảng về. Trước đây cũng có nhiều lần Thủy hờn, viết thư từ biệt chồng, nhưng chưa kịp bỏ đi thì Quảng về. Mọi dự tính lại thay đổi hết. Tới phút trót, tờ thư lại được bỏ vào trong chiếc hộp đựng bánh cũ, cùng với những tờ khác, rồi cất trong tủ. Chẳng bao giờ Quảng biết tới, vì chàng không có tinh lực đồ vật riêng của vợ.

Mười hai giờ năm phút rồi, ngoài đường vắng hẳn tiếng xe qua lại. Chỉ một vài đoàn viên nhân dân tự vệ, đi lại nói chuyện vang động trong phố vắng. Tuyệt vọng hoàn toàn, Thủy vùng đứng lên mở tủ lấy quần áo và đồ vật của ba mẹ con bỏ vào cái « va ly ». Trong Thủy lúc đó có hai con người. Một thì bảo đem theo cho hết đồ dùng, quần áo, một thì nghĩ lời tung ra lắm, rồi lại mất công xếp dọn mà thôi. Giữa hai thái độ, Thủy trở nên một cái máy vô hồn. Vớ được cái gì vắt vào « va ly » cái đó. Khi đã đựng chắt, Thủy ra giường nằm cạnh con Vân, hai mắt ráo hoảnh. Đầu óc gần như một người mất trí. Giá lúc này có Quảng ở nhà chỉ cần anh tỏ thái độ níu giữ, Thủy sẽ nhất định không chịu. Nhưng sau những lời xin lỗi của chồng chắc Thủy chỉ còn gục đầu vào vai chồng khóc.

Rồi sáng mai, mọi việc như một giấc mơ. Thủy sẽ lại như một cái máy quen thuộc, lo thu dọn nhà cửa, tắm rửa cho các con, sắp bữa ăn điểm tâm cho cả nhà, gọi người làm lên chi tiền cho v.v., Và sau khi Quảng đi làm, Thủy cất lại quần áo đầu vào đấy, cái « va ly » không sẽ lại được để vào chỗ của nó ở trên nóc tủ như thường lệ. Nhưng... Quảng đã không có ở bên này! Lòng phân vân, ở và đi, không nhất định được như trước lúc viết thư cho chồng được nữa. Trong phòng vẫn phảng phất mùi thuốc lá, hơi hương quen thuộc của Quảng còn đọng trong chăn gối. Thủy mềm lòng muốn ở lại « Minh vợ cái con cột, việc gì phải đi đâu, cho nó cướp sống mất chồng à » đó là câu nói của người chị gái nàng, mỗi khi tức thay cho Thủy vẫn thường bảo nàng như thế. Giờ này Thủy thấy nó trở thành một câu có ý nghĩa trợ lực cho lý do nàng ở lại. Nhưng mà, Thủy đã lỡ sắp xếp « va ly » mất rồi.

Dù việc làm của Thủy chỉ một mình nàng biết, nàng cũng thấy ngượng. Nỗi ngượng quá đà của một kẻ lỡ hăng say làm một

việc, mà chính mình cũng thấy là không phải, nhưng vẫn phải tiếp tục. Thôi thì đành, sáng mai mẹ con nàng sẽ lên ở tạm trên nhà người chị gái vậy. Thủy lại thở dài đành phận ! Áp mặt nàng vào má con Vân, Thủy nhắc lại câu nói của mẹ nàng ngày trước, mỗi khi gặp chuyện buồn bã thường rên khẽ lên thành lời kêu gọi bà ngoại nàng « Mẹ ơi, sao con khổ thế này ».

nguyễn thị vinh

Vĩnh Lộc

Tàn cơn gió loạn

(tiếp theo và hết)

Giọng Đạo bình thản nhưng ánh mắt buồn phiền như người đang trời trăng. Tâm nhận gói bạc nơi tay chàng rồi bỗng oà khóc. Lúc khác thì Đạo đã ôm lấy nàng mà vỗ về, an ủi. Mặc dầu Thiên không có mặt, Đạo chỉ đưa cho Tâm khăn tay để lau nước mắt. Những giọt lệ đau đớn hay vui mừng Đạo không thể biết. Điều chắc chắn là lúc này lòng chàng thanh thản vô chừng. Người con gái đã sống với chàng những ngày đen tối, đã cho chàng những hạnh phúc và đau khổ, đã đưa chàng vào cuộc phấn đấu tuyệt vọng cho mỗi tình ngây thơ nhất mà cũng đầy ngang trái của tuổi hoa niên bây giờ chỉ còn là một hình bóng nhòa nhạt. Nàng đứng đó, những hạt lệ long lanh trên mắt như những giọt sương tinh khiết trên cánh hoa hồng buổi sớm mai.

Con đường mòn đỏ, rặng tre xanh, mùi đất ải và cỏ non buổi sớm. Tâm đang đi, không phải chuyển đi bí hiểm ngày nào. Dĩ vãng ấy, vùng trời đen tối như cơn bão đã tan. Trong cơn lốc cuốn đi vụn vữa, bắt đầu từ hình ảnh một vùng quê quanh quẽ, khuôn mặt tình yêu đam mê đầu đời với những vết ve dùi dằng mơn trớn. Con chim ra giăng mở mắt với bầu trời bờ ngõ, bao la. Hạnh phúc như một thoáng nắng trong chớp mắt, rồi bao nỗi đắng cay lần lượt đến: Đưa con đầu lòng với niềm hạnh

phúc, an ủi xót sa. Như đá vọng phu, nàng sống mòn mỗi từng ngày, cuộc sống ảm đạm đến độ không chịu đựng. Thị trấn cao nguyên, người đàn ông lạ với cuộc tình ngắn ngủi, cảm thấy nhất trong đời, cuộc sống như bàn tay tàn nhẫn xô nàng xuống vực..

Tâm đỡ lá thư Đạo viết cho con, những giòng chữ nhảy múa trong ánh nắng:

« Sinh, con.

Ba bị ốm gần tháng nay nên không thể lên thăm con được. Ba gửi cho con hộp thuốc màu và mấy món cần dùng của con. Ba nhận được thư của ông tổng giám thị nói con đã tấn tới nhiều và khen con là trại sinh gương mẫu. Ba rất hãnh diện vì con. Nhưng điều ba mừng hơn hết là hôm nay con sẽ gặp lại Mẹ. Nếu con muốn, ông giám thị sẽ cho phép con rút ngắn thời gian ở trại. Con có thể về với Mẹ hay con tiếp tục học nghề cho hết thời gian sáu tháng. Ba coi con như đã trưởng thành và để tùy con lựa chọn. Tiếc đây, ba báo tin buồn là ông nội đã mất, nhưng từ nay con sẽ có một gia đình đầy đủ như tất cả những trẻ may mắn trên đời,, »

Thằng bé ngồi trong một góc nhà bát giác, nơi đám trẻ hội họp, đọc sách, đánh cờ. Nó ngồi giữa tiếng nô đùa bạn bè trên đầu gối là tấm bảng nhỏ với cây bút màu trên tay, thỉnh thoảng ngược mắt lên, khuôn mặt diễn tả một vẻ say mê thích thú.

Ông giám thị vẫy một đứa nhỏ đứng gần nhất:

— Tấn, con lại kêu thằng Sinh ra đây.

Đứa nhỏ vòng tay lễ phép:

— Phải thằng Sinh, họa sĩ, không thầy?

Viên giám thị mỉm cười gật đầu rồi nói với Tâm:

— Cháu vẽ giỏi lắm. Nó rất có khiếu về hội họa nên trong này bàn bè cứ gọi là Sinh họa sĩ.

Tâm chợt nghe lòng hồi hộp vô cùng, nàng cẩn thận đưa nhỏ và nói với ông giám thị:

— Ông đừng cho gọi cháu vội...

Ông giám thị vừa đưa Tâm đi thăm trại, những lớp học nghề im ắng trong ngày nghỉ với dụng cụ máy móc xếp đặt gọn gàng thứ tự.

— Chúng tôi cố gắng giúp cho các em ấy quên được cuộc sống bất hạnh ở bên ngoài, nơi mà chúng bị xã hội gạt ra ngoài hè phố. Những đứa du đãng nhất sau mấy tháng đầu đã trở nên thuần thục và phục thiện hơn. Bạo lực không có mặt trong chỗ này. Chúng tôi tổ chức cuộc sống tập thể trong tinh thần tương ái. Bam mươi phần trăm những đứa vào đây, khi trở lại đời sống bên ngoài đều có một nghề sinh nhai tự lập. Một vài đứa trong đó đôi khi phải trở lại đây với án tích mới. Nhưng chúng tôi không thất vọng. Những đứa trẻ như thằng Sinh làm chúng tôi tin tưởng rất nhiều...

Người đàn ông tóc hoa râm, có khuôn mặt khắc khổ ấy đang nói chuyện với lòng nhiệt thành như một thanh niên mang niềm tin tưởng sắt đá, hăm hở bước vào đời.

Tâm theo đứa nhỏ và ông giám thị đi về phía nhà hội, mỗi bước lại gần nàng đều nghe xốn xang kỳ lạ. Quãng ngày qua nàng đã bị đầy không ngừng từ những bi thảm này qua nỗi vui mừng kia, từ hạnh phúc eo uột ngắn ngủi đến nỗi đơn đau bất ngờ nỗi dài như khoảng đêm tối dằng dặc, lạnh căm. Nàng đã gần quen với những đột biến kinh hoàng của cuộc sống, vậy mà giây phút này nàng vẫn cảm thấy một nỗi hồi hộp khác thường, giống như đứa trẻ nạn nhân chiến tranh được đem đến một cô nhi viện, ở đấy đang có tiếng hát tiếng cười của bao nhiêu đứa trẻ bất hạnh như nó. Nàng dừng lại một nơi khá gần nhưng vừa khuất, đủ để cho nàng thấy con trong giáng điệu dễ thương như ngày nào. Nàng nhìn ngắm nó mê mải trong giây phút ấy và liên tưởng hạnh phúc như những mảnh nắng xuân đầy màu sắc chan hòa trong lòng mình.

— Ê, Sinh họa sĩ. Có người nhà lại thăm...

Thằng nhỏ ngược mắt, nỗi bàng hoàng ngỡ ngàng trên khuôn mặt rần rở, sạm đen. Cây bút màu từ trên tay nó rơi xuống đất. Nó đứng dậy, nhưng phải vịn tay vào giấy lan can sắt hoa. Hai mắt nó chớp mau như con chim ra giàng rồi tở vào một ngày ngập nắng.

Tâm ngó không rời mái tóc hớt cao, khuôn mặt thân yêu ấy. Nàng mở miệng, nhưng tiếng nói tắc nghẹn trong cổ, ngực

nàng như có ai dẫn xuống. Chân tay nàng bỗng nhiên rời rã như người vừa đi hết một chặng đường dài, thật dài.

Thằng nhỏ chậm chạp cúi lượm cây viết dưới chân. Bàn tay nó hơi run. Nó kẹp cây viết vào tấm bảng vẽ và nó bước từng bước tam cấp như người mộng du. Khoảng sân chói lóa trước mắt nó : Thằng bạn tươi cười, người đàn ông tóc hoa râm nghiêm nghị mọi ngày đang nhìn nó với đôi mắt hiền hòa và cuối cùng là khuôn mặt thân yêu dịu dàng, như từ trong tiềm thức tuổi thơ, lớn dần, lớn mãi, hiện hiện trước mắt nó như một thực thể chan hòa hạnh phúc.

vĩnh lộc

Tháng Tám 1970

KẺ TỪ SỐ ĐẦU NĂM Văn Đề thay đổi ngày phát hành

Từ trước đến nay, Văn Đề phát hành vào ngày 15 mỗi tháng. Cho công việc tòa soạn, nhà in, trị sự được thuận tiện hơn, chúng tôi quyết định thay đổi ngày phát hành từ giữa tháng sang đầu tháng.

Văn Đề số đầu năm, do đó, sẽ phát hành vào ngày *mùng 1 tháng 3 năm 1972*.

VÀ TĂNG GIÁ LÊN 70\$

Vì giá giấy đã tăng lên 125 phần trăm cho toàn thể báo chí Việt Nam, Văn Đề cũng bắt buộc phải tăng giá từ 50 lên *bảy mươi đồng*. Mong bạn đọc thông cảm.